

15 THÁNG 7 NĂM 1966

BACH KHOA T H Ò I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY KẾ HOẠCH KINH TẾ TỰ TỨC * ĐOÀN
THÊM *những ngày chưa quên* * NGUYỄN Phật
giáo hay Cộng sản lực lượng nào nắm giữ tương lai
Châu Á * VŨ BẢO THÚ HÚT PIPE * MỘNG
TRUNG *hồn nhân dị chủng* * THẾ UYÊN *tiền đồn* *
LŨ PHƯƠNG *điểm sách* : * *Lược khảo văn*
học II của Nguyễn văn Trung * VÔ QUANG YẾN
9 tháng trong bụng mẹ * CUNG GIỮ NGUYÊN TỬ
MARX ĐẾN TEILHARD * TRÀNG THIÊN *bút ký*
của Dino Buzzati * VŨ HẠNH *ngôi trường lý*
tưởng * SINH HOẠT *thời sự văn nghệ — phát triển*
sinh hoạt thanh niên học
đường — ngày lịch sử của
Dương Trí Viện Biên Hòa

229



SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRS

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BÁCH

KHOA THỜI ĐẠI

Số 229 ngày 15 - 7 - 1966

DUY kế hoạch kinh tế tự túc	3
VŨ BẢO thú hút pipe	13
CUNG GIỮ NGUYỄN từ Marx đến Teilhard	23
ĐOÀN THÊM những ngày chưa quen	31
LŨ PHƯƠNG đọc «Lược khảo văn học II» của Nguyễn Văn Trung	41
NGUYỄN Phật giáo hay Cộng Sản nắm giữ tương lai Á Châu	47
MỘNG TRUNG hôn nhân dị chủng	53
VŨ HẠNH ngôi trường đi xuống (truyện ngắn)	57
VÕ QUANG YẾN chín tháng trong bụng mẹ	67
TRÀNG THIÊN bút ký của Dino Buzzati	73
THẾ UYÊN tiền đồn (truyện dài)	81
SINH HOẠT TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ • PHƯƠNG UYÊN phát triển sinh hoạt thanh niên học đường • NGÊ BÁ LÍ ngày lịch sử của Dưỡng trí viện Biên-Hòa.	84

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
Tòa-soạn :
160 Phan Đình Phùng Saigon
Đ.T. 25.539
H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
133 Võ Tánh Saigon
GIÁ: 12\$ Công sở : Giá gấp đôi
Cao Nguyên và Miền Trung :
thêm cước phí máy bay |



Calcithérapie physiologique

Calcigénol Vitaminé



Couvre les besoins
Compense les pertes

Flacon de 300 cm³ d'une suspension
colloïdale titrée à

- Phosphate tricalcique... 0,90 g. p. 100
- Vitamine D³ 3.300 U.I.

De 2 cuillerées à café à 3 cuillerées
à soupe par jour selon l'âge.

CURES DE 15 JOURS PAR MOIS

RACHITISME - OSTEOPOROSE
RETARDS DE CROISSANCE
GROSSESSE - ALLAITEMENT
CONVALESCENCES - FRACTURES

DISTRIBUTEUR : **UFFARMA công ty**
20A Bến Bạch Đằng — SAIGON



Kế-hoạch kinh-tế tự-túc

(xin xem BK.TĐ từ số 227)

Nhìn sơ qua tiềm-năng của Việt-Nam (1) người dân nhận thấy vững lòng tin tưởng vào tương-lai của dân-tộc. Nhưng làm sao khai-thác được các nguồn lợi-tức thiên-nhiên quốc-gia? Khi hòa-bình đã vãn hồi, viện-trợ giảm bớt, nền kinh-tế phải trải qua một giai đoạn khó khăn. Có thể chúng ta sẽ phải chịu tình trạng bi đát của nước Đức, mô-tả trong cuốn «kinh-tế tự-do, toàn dân sung-túc» của giáo-sư Erhard, do bà Phạm-Thị-Khánh Trang dịch-thuật:

«Đó là một giai-đoạn kỳ-dị mà một người Đức phải giữ cái đĩa ăn của mình trong năm năm, đôi bát tất trong mười hai năm và cứ mười hai năm mới mua được một bộ quần áo.»

Dưới sự lãnh đạo về kinh-tế của giáo sư Erhard, dân-tộc Tây-Đức đã khắc phục được hoàn cảnh đau khổ để đạt tới mức độ phồn thịnh, mà thế-giới tự-do thường kêu là «Phép mẫu Đức-Quốc».

(1) Tiềm-năng Kinh-tế của VN (BK.TĐ số 228)

Chúng ta rút được những kinh-nghiệm gì để áp dụng cho hoàn cảnh lạc hậu của nước Việt-Nam nông-nghiệp?

Kinh-tế hay chính-trị.

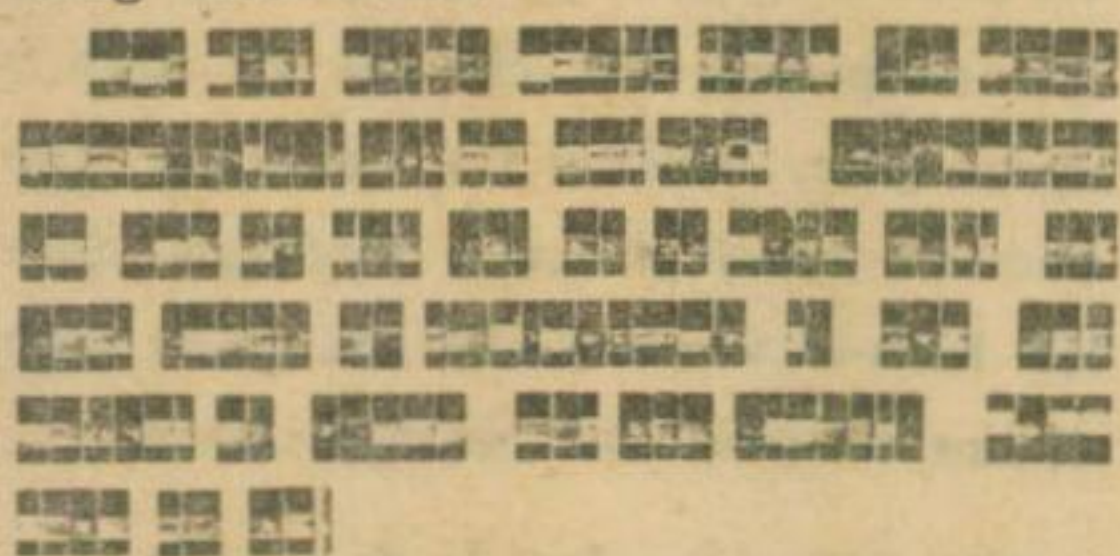
Mục tiêu của chúng ta rất rõ-ràng: vượt qua tình-trạng chậm tiến, nâng cao mức sống của nhân dân, hàng hóa và sự-vụ xuất-cảng phải quân bình được hàng hóa nhập-cảng và chi-phí vô hình ở ngoại quốc, thuế-vụ đủ cung-ứng cho nhu-cầu của Ngân-sách Quốc-gia, độc-lập kinh-tế và thoát khỏi bất cứ sự giúp đỡ, sự chi phối nào của ngoại bang.

Khó khăn nằm ở chỗ, đường lối thực hiện không có tính cách duy nhất.

Ai ai cũng nhìn thấy chế-độ kinh-tế tự do đã đem lại sự phồn thịnh cho rất nhiều quốc-gia Âu-Mỹ. Các xí-nghiệp được tự do sản-xuất, tự do mua nguyên liệu, tự do bán hàng hóa. Nhân dân được tự do tiêu thụ, lựa chọn món hàng nào vừa theo ý thích. Nhưng các dân tộc nhược tiểu lại chưa quên kinh-

tế tự do thường đi đôi với thống trị và dung túng cho bạo lực đàn áp kẻ thế cô: cá lớn nuốt cá bé, xí-nghiệp lớn phá tan xí-nghiệp nhỏ, chủ-nhân bóc lột nhân-công, dân-tộc mạnh cướp bóc, nô-lệ-hóa dân-tộc lạc-hậu.

Cũng chưa quên, nếu cứ phát-triển bình thường thì sau một chu-kỳ cực thịnh lại có một cơn khủng hoảng kinh-tế ghê-gớm làm tiêu tan tài-lực quốc-gia và những người lao động lại là nạn nhân đau đớn hơn hết. Rồi lúa mì, cà-phê lại đem đổ xuống biển trong khi nhân loại còn đói rét. Mà không nói gì đến thời khủng hoảng, bất cứ lúc nào, giờ các tạp chí Âu-Mỹ quảng cáo cho thức ăn cho chó quần áo cho chó, đồ chơi cho chó, thấy mà thém, mà nán cho đồng bào Phi-Châu, cái khổ che thân cũng thiếu-thốn.



Đã không chấp nhận nền kinh-tế tư bản, thời phải thực hiện nền kinh-tế chỉ huy, theo kiểu nhà nước xã-hội chủ-nghĩa, cũng như không phải là văn văn thời chắc chắn là văn xuôi, có thể nào khác được đâu.

Nhưng kinh-nghiệm lại cho thấy kinh-tế chỉ huy bắt quá trời. Mặc dầu các lời tuyên truyền của khối xã-hội chủ-nghĩa rất là đường mật, nào là giải phóng

người lao động, nào là máy móc phục vụ con người, nào là làm theo khả năng mà hưởng theo nhu cầu, bao nhiêu cũng được, nhưng thực tế lại tàn ác quá, và theo đòi chủ-nghĩa xã-hội, chỉ thấy quốc-gia mỗi ngày một lụn bại. Nước tư bản thời mỗi gia-đình tiến dần tới chỗ có 2, 3 xe hơi, cha một cái, con một cái, vợ một cái, chồng một cái. Còn nước xã hội chủ nghĩa, lại đi lần tới chỗ xe đạp là một xa-xỉ-phẩm quá đáng cần phải đánh một sắc thuế lưu hành đặc biệt cho xứng đáng và lô-ca-chân là bộ máy vận-tải tinh-vi nhất mà thiên nhiên đã phú cho loài người.

Nền kinh-tế Liên-Xô là một thí dụ điển-hình. Tại sao Liên-xô tiến bộ nhất trong thế-giới cộng-sản? Tại sao Trung Cộng luôn luôn thóa mạ chủ-nghĩa xét lại? Chỉ vì Liên-Xô không có can đảm áp-dụng mãi nguyên-lý Mác-Lê đề hành hạ nhân dân thái quá.

Ba mươi năm sau cuộc cách mạng vô sản 1917, Liên-Xô nhận thấy thiếu động-cơ tư-lợi, nền kinh-tế không tài nào phát-triển được. Cùng một trình độ máy móc, sức sản-xuất của nước xã-hội kém rất xa mức sản-xuất của nước tư bản. Phải cố tìm một động lực thúc đẩy năng xuất của người lao động. Do đó, phong trào « thi đua sít-ta-ka-nô-vích », được khai sinh. Nhưng chỉ một thời gian, các « anh hùng thi đua » đều thối mệ cả. Chủ-trương duy vật, mà lại chỉ kích thích tinh thần, phát thưởng tượng trưng thời làm sao kéo dài mãi được sự bịp bợm.

Rhong-trào thi đua, thế là phải xếp. Trong các nông trường, Chính phủ phải nhượng bộ cho nông dân được hưởng quyền sở-hữu trên một mảnh đất riêng tự do chăn nuôi, trồng cấy và tự do bán các sản phẩm và cái phần « ngoại-lệ » đó rút cuộc lại cung cấp dồi dào cho thị-trường, nhiều nông phẩm hơn là phần « chính thức ».

Gần đây, giáo sư Liberman được lòng danh trên thế-giới vì chủ-trương lý-thuyết được cơ-quan Trung-ương đảng cộng sản Liên Xô chấp nhận trong các xí-nghiệp, nhà máy : « tư-lợi dùng kích thích sản-xuất.

Nguyên-tắc « quản-trị nhà máy cho có lời », phân chia cho nhân viên một phần lãi, khởi sự thí-nghiệm trong hai nhà « Bolchevitchka » và « Maiak » được phổ biến toàn diện trong kế-hoạch ngũ-niên 1966-1970.

Dầu dính chánh cách nào chẳng nữa, cho người lao động được hưởng một phần tư-lợi, cũng vẫn là bước đầu để đi đến tư-hữu, đến chủ nghĩa kinh-tế tự do.

Cho nên Trung-Cộng phải la làng. Thà rằng kiểm- chế nhân dân trong sự đói rét còn hơn đi vào con đường mà đoạn cuối sẽ đem tới sự tan rã của chủ nghĩa Mác-Lê-Mao-Trạch-Đông.

Đứng ở ngã ba đường, Việt Nam rất khó mà chọn hướng đi kinh-tế. Thâm-tâm của chúng ta chán chường sự lệ-thuộc,

kinh-tế hay tinh thần cũng vậy. Dân-tộc Việt-Nam cũng không thể chấp nhận Cộng sản với mức sống suy sụp, với nền kinh-tế chạy thẳng xuống vực thẳm.

Chúng ta sẽ chọn đường lối kinh-tế nâng cao mức sống hay đường lối chính trị áp-dụng những biện pháp chỉ có mục đích thỏa mãn tự ái xương của quảng đại quần chúng ?

Giới trí-thức thường nghĩ, phải có một nềh kinh-tế khu vực ít nhất cũng là ba : một khu vực dành cho Chính-Phủ tỷ-dụ kỹ-nghệ Quốc-phòng, Hỏa Xa, Hàng không, hàng hóa cần thiết; một khu vực dành cho tư nhân : hàng hóa xa xỉ và một khu vực hỗn hợp : hàng hóa không cần thiết lắm.

Nhưng, đã chia thành khu vực, một phần kinh-tế là nằm trong tay nhà nước rồi. Chắc chắn không thể nào hữu hiệu như do tư-nhân điều khiển, và có thể còn làm cản trở nền kinh-tế chung. Mà chúng ta không thể phí phạm, thời gian, tài lực được. Nếu không chấp nhận chủ nghĩa Cộng-sản, Việt-Nam phải tiến bộ mau chóng và mức sống vượt ngay gấp bội mức sống của Thế giới Cộng-sản. Có vậy mới lôi cuốn được Đại-chúng tách rời khỏi sự cám dỗ của xã-hội chủ nghĩa.

Đề dung hòa hai mặt kinh-tế và chính trị có lẽ chúng ta phải phân chia thành hai phạm-vi hoạt-động : Trong công cuộc sản-xuất và lưu-thông hàng hóa, sự vụ, phải áp-dụng kinh-tế tự-do cho có hiệu

quả, và khi phân chia lợi tức, sẽ thực-hiện công bằng xã-hội, để đem mãi-lực đến cho những người yếu thế và đảm bảo cho mọi công dân, điều kiện đồng đều để phát-triển kinh-tế.

Cải-cách tiền-tệ

Cải-cách kinh-tế phải mở đầu bằng cải-cách tiền-tệ. Nếu tiền tệ không ổn-định, thì không thể thực hiện được bất kỳ kế-hoạch kinh-tế nào.

Và trước khi áp-dụng biện-pháp tín-dụng, biện-pháp tiền-tệ, phải ấn-định lại giá cả đơn-vị tiền-tệ cho đúng với giá-trị thực sự của nó.

Người dân đã quá chán chường cảnh chợ đen, chợ đỏ, diễn xuất song song với tham ô những lạm. Chính-phủ dầu có thiện-chí muốn trừ hạm, diệt gian-thương, nhưng bệnh tật không trừ tận căn nguyên nguồn gốc thời chỉ là hành-động của Đông-ky-xốt đánh nhau với cối xay gió mà thôi. Chưa kể, những anh la to hơn hết, có thể lại giống người đao phủ Trung Hoa trong thời-kỳ diệt Á-phiện chặt đầu quan viên nghiện rất hăng hái cho tới lúc đánh rớt dọc tàu của mình ra ngoài.

Ngoại-viện và giá-trị giả-tạo của đồng bạc đã gây ra đến chín phần mười thối nát trong xã-hội.

Nhập cảng gian lận

Nhà nhập-cảng tất có khuynh-hướng xin tăng giá hóa-đơn tạm. Hàng đáng 8 Mỹ-kim thì xin biên nhận 10 Mỹ-kim. Sau này nhà cung cấp ở ngoại-quốc sẽ

trả lại cho nhà nhập-cảng số tiền sai biệt 2 Mỹ-kim để bán chợ đen lấy lời.

Bởi vậy hàng hóa đáng lẽ mua được 10 phần thì chỉ còn 8, làm gì không khan hiếm ? Muốn lời hơn nữa, thời xin nhập-cảng hàng tốt rồi đem hàng xấu qua. Một mảnh lời thường được dùng trong chiến-tranh Đông-Dương 1946 — 1954, là thay vì gửi hàng hóa, thời gửi từ Pháp qua sắt vụn, giấy nát, dẻ rách, gạch đá v.v..

Xuất cảng gian lận

Giá-trị đơn-vị tiền-tệ đã không xác thực, nhà xuất-cảng đứng đắn, lương thiện không thể nào bán được hàng ra ngoại-quốc.

Một món hàng đáng giá 105 đ, lẽ ra chỉ ngang với một Mỹ - kim. Nhưng Chính-Phủ bắt phải bán với giá 3 Mỹ-kim vì mỗi Mỹ-kim trị giá chính thức có 35 đ. Vậy làm sao cạnh tranh được ở ngoại-quốc. Giả tỷ giá hàng bên đó là 1,5 Mỹ-kim, mà mình đòi bán 3 Mỹ-kim thời ai mua ?

Thành thử hàng Việt-Nam rẻ mà hóa đắt. Hàng ngoại-quốc đắt mà hóa rẻ.

Để giải quyết tình trạng kỳ khôi đó, Bộ Kinh-Tế đã phải áp-dụng một biện pháp không thua kỳ khôi và hết sức giả-tạo : Trợ-cấp tiền cho các nhà xuất-cảng.

Mỗi khi xuất-cảng hàng hóa đi, lại được trợ cấp một món tiền, thay đổi tùy theo thời gian, và tùy theo lòng « ưu-

ái» của chính-quyền và sự «biết điều» của thương-gia.

Không cần nói gì nhiều, người dân cũng hiểu chế-độ «trợ-cấp» đó mở cửa cho những sự bất công, những lạm, kinh-tài, áp-lực chính-trị.

Phản-ứng của thương-gia là khai man giá. Hàng chế-tạo hết 100 đ, chỉ xin hóa-giá có 17đ50. Như vậy chỉ phải thầu hồi có nửa Mỹ-kim. Nếu bán được 1,5 Mỹ-kim, thì để lại ngoại-quốc 1 Mỹ-kim để bán chợ đen. Ít ra cũng còn có một phần lời và một phần tiền «giao-dịch» để làm trôi viên thuốc đắng : giá 100 đ mà hóa-giá có 17 đ 50.

Bước đầu đã trôi chảy, nhà xuất-cảng sẽ tiến thêm bước nữa : «Tội gì không để «thêm» ít ngoại tệ ở ngoại-quốc?» Vừa lời hơn, lại vừa chắc chắn không mất giá trị. Chỉ cần ngoại-giao thêm chút nữa để giảm bớt giá thành xuống và thầu hồi bớt ngoại-tệ theo giá chính thức.

Đầu tư gian lận.

Quốc-gia đang ở vào hoàn cảnh chậm tiến mà nhà kinh-doanh muốn thiết-lập xưởng máy thời Chính-Phủ hoan nghênh và giúp đỡ hết mình rồi. Giả-tử máy móc đáng 1 triệu Mỹ-kim, nhà kinh doanh sẽ bỏ ra 10 triệu bạc lập công-ty và xin vay tiền mua máy. Như vậy là đứng đắn lắm rồi. Nhưng thay vì mua máy tốt, nhà kinh doanh lại nhập-cảng máy thật xấu chỉ đáng 200.000 Mỹ-kim thôi và để lại ở ngoại quốc

800.000 Mỹ-kim, được lợi 80 triệu đồng. Còn có cách làm kỹ-nghệ nào mà xướng hơn không? Công-ty được thiết-lập nếu không phát-triển được, nếu phải phá sản, chẳng qua nhà kinh-doanh cũng chỉ mất có số vốn 10 triệu đồng.

Nhưng không phải dân đen nào cũng làm được «com-bin» này. Phải có tiền, phải có bè cánh, có thế lực, giỏi ngoại-giao, làm ăn mới trôi chảy được.

Chuyến-ngân gian-lận.

Giá chợ đen ngoại-tệ đã cao hơn giá chính thức, nhiều thời tất cả những vụ chuyến-ngân tài chánh, những vụ đòi bạc Việt-Nam lấy ngoại-tệ, bất cứ vì lý do gì đều là những sự gian lận. Tỷ-dụ một viên chức Bộ Ngoại-giao khi đi làm việc ở ngoại quốc, đã được hưởng một sự gian lận chính thức : lương trong nước 10 000đ. thời ra ngoại quốc được lãnh gần 300 Mỹ kim, nghĩa là trên 30.000đ. Vậy chính thức ở chỗ chính phủ cho phép, mà gian lận ở chỗ viên chức đó đã được hưởng một mối lợi bất chính so với các công-chức khác ở trong nước. Cho nên ở nước ngoài, có giàu có mới dám dấn thân vào nghiệp ngoại-giao, vì phải chi phí giao dịch nhiều tiền, mà lương bổng chính thức không đãi thọ nổi, còn ở Việt Nam, lại phải vận động chạy chọt mới được đòi ra ngoại quốc, vì đi xa, nguyên việc đòi tiền theo giá chính thức cũng đã là một cơ hội làm giàu rồi.

Các xí-nghiệp ngoại - quốc, khi xin

chuyển tiền lời, các ngoại-kiều, chuyển tiền lương bổng, tiết kiệm, các bằng sáng chế khai thác tại Việt-Nam và chuyển tiền huê hồng, đều kiểm được những mối lợi đặc biệt, nó dễ thúc đẩy người ta tiến tới *gian lận thêm mãi*.

Những lạm

Thật là một chuyện quái gở, nếu gian lận trong một phạm vi rộng lớn : nhập cảng, xuất cảng, chuyển ngân, mà không đưa tới thối nát, những lạm. Người công chức tham dự vào việc cấp giấy phép, dầu chỉ làm một nhiệm vụ khiêm nhường như chuyển đơn từ phòng giấy này qua phòng giấy khác, nhận thối một chữ ký có thể đem lại cho thương-gia cả triệu bạc lời, một thứ lời quá đáng, vì không tốn công, không khó nhọc, trong khi viên chức đó làm việc cả tháng, mà chỉ được lãnh một số tiền lương không đáng kể, tất nhiên, phải có phản ứng tức bực muốn làm khó dễ, muốn chia một phần lời bất chính kia. Và thương-gia cũng có mất mát gì đâu. Nếu biết điều được cấp thêm ít ngoại-tệ nữa, lại lời thêm một mớ, càng tốt chứ sao.

Trong tất cả các giai đoạn lưu thông hàng hóa, từ nơi sản-xuất đến tay người tiêu thụ qua các trạm : quan thuế, cảnh sát kinh-tế, cảnh-sát hành-chánh, chính quyền địa-phương, tỉnh, quận, xã, không ít thì nhiều chỉ lập đi lập lại chuyện chia một phần lời bất chính với thương gia.

Đời sống xã-hội dần dần bị thối nát.

Tham nhũng và gian thương kết thành một màng lưới phức tạp, chẳng chịt đến nỗi không còn biết gian thương đẻ ra những lạm, hay là những lạm đẻ ra gian thương, để còn tìm được phương thuốc cứu chữa.

Không lẽ làm như ông Tổng-Thống Marcos, không chặn đứng được hành động thủ lợi của các nhà nhập cảng, không kiểm soát được tờ sớ nhập cảng vào Phi-Luật-Tán, tức mình đem ông Chủ Tịch Ủy ban kiểm soát tờ sớ của Chính-phủ ra « bắn bỏ ».

Hành động đó nói lên sự thất vọng mệnh mông của các quốc-gia chậm tiến trước những thảm kịch gian lận kinh tế, không tài sức nào bài trừ cho được.

Chính sách cứng rắn, hình phạt nặng nề, cũng không đem lại được kết quả mong muốn, khi mà người bị trừng trị vẫn có cảm tưởng là vật hy sinh, là oan ức, vì còn rất nhiều tham quan, ô lại, gian thương khác, không bị xử trị.

Người dân cũng không còn phản ứng căm phẫn — ngoại trừ các vị đại-diện cho dư-luận, như báo chí, hay nghị-viên là phải tỏ thái độ hoan nghênh các sự thanh lọc hàng ngũ.

Nạn nhân của những sự những lạm, người dân khi thấy hàng hóa khan hiếm, đắt đỏ, thì cũng lên tiếng thóa mạ gian thương, nhưng lên án đây không phải là lên án tên Kèo, tên Cột, Mít, Xoài, gì, vì nếu được cấp phát bông mua thứ hàng hóa khan hiếm, rất có thể

người dân cũng đem bán lại và trở thành gian-thương ngay. Nhưng lên án hoàn cảnh tiền-tệ, kinh-tế đã khai sinh ra tất cả những sự thối nát gian lận.

Nói về mức độ hà khắc, thiết tưởng không còn chính sách nào quyết liệt hơn là chính sách cộng-sản. Người dân bị bao trùm trong màn lưới mật vụ ghê gớm, cha không dám nói thực sự với con, vợ có thể đấu tố chồng. Nhưng tại Liên-Xô, muốn được cung-cấp thứ hàng gì khan hiếm một chút, người dân cũng phải biết điều lo lót chút đỉnh cho các nhà hữu trách mới hy vọng sớm thỏa mãn được nhu-cầu. Nạn chợ đen, sự thối nát vẫn tung hoành bất chấp đến Đảng và Nhà nước.

Đó là bằng chứng hùng hồn như đê minh-chứng, dầu thắt chặt trong kỷ-luật sắt đá, dầu ngày đêm tuyên-truyền đời sống mới, dầu cả guồng máy chính-trị giáo-dục, đều lao đầu vào việc tày nã, nhồi sọ, nhưng hoàn cảnh kinh-tế xuy-xục chắc chắn sẽ đưa tới chợ đen và những lạm.

Lành mạnh hóa đời sống kinh-tế.

Cái áo đã nát mủn, mà cứ dùng kim chỉ, nay nhíp một đường, mai vá một miếng, thời áo rách không làm sao mà lành lặn lại được.

Muốn chấm dứt tình-trạng gian lận, chợ đen, gian thương, tham nhũng, phải tạo ra những điều-kiện thuận lợi để đưa tới tình-trạng lành mạnh. Cải cách tiền-tệ, ấn-định một chính sách

tiền-tệ hợp lý, ấn-định một giá trị xác thực cho đơn-vị tiền-tệ quốc-gia, chỉ là những điều-kiện tiên quyết để chặn đứng những lợi-tức bất chính. Công việc hướng dẫn cho nhân dân sinh-hoạt theo nề-nếp cần-cù lương thiện mới thật là khó khăn. Không phải là trong một sớm một chiều đã tạo ra được tinh-thần dân-chủ của nhân dân Anh-Cát-Lợi, bình tình góp phần vào các chi-phí chung của Quốc-gia, lấy việc đóng thuế làm một vinh dự, không trốn tránh, không ăn lậu.

Ít khi người ta chịu đề cao đức tính của người dân lương-thiện. Thế-giới ca tụng sự liêm-khiết của cố Thủ-Tướng Shastri, vì ít có một vị lãnh-đạo quốc-gia, nhất là ở Á-Phi, mà khi từ bỏ chính quyền lại nghèo rớt mùng tơi như vậy.

Nhưng làm Thủ-Tướng mà lương-thiện, nếu không được tiền của, thời cũng được danh tiếng, tên còn ghi vào sử xanh. Còn làm dân đen mà lương-thiện thì sống im lìm mà chết trong tăm tối, nào được ai đề cao ca-tụng. Không những là thiệt thòi về vật chất mà phần thưởng tinh thần cũng không có nữa.

Cho nên dân đen mà từ chối không chịu lãnh bông xe gắn máy, thời còn có tư cách giá trị, hơn là nhà cầm quyền mà từ chối « bạc triệu » không thêm lấy.

Nếu công nhận vai trò người dân là quan trọng trong xã-hội dân-chủ, muốn lành mạnh hóa đời sống kinh-tế nên

tưởng thưởng khích lệ người dân sinh hoạt lương-thiện hơn là đề-cao các vị cầm quyền liêm-khiết nữa.

Chính-quyền đến với nhân dân

Bao nhiêu năm nay, các khẩu hiệu « công an là bạn dân » « quân với dân như cá với nước » « công chức là công bộc », đã được dùng đi dùng lại đến nát nước. Khai sinh từ thời Việt-Minh mới nắm chánh quyền, và xử dụng như một mảnh lới bịp-bợm, các khẩu hiệu này đã được du nhập vào địa hạt quốc-gia và các chính-phủ quốc-gia kế tiếp cũng cố gắng thực hiện đúng đắn các phương châm mà nội dung rất hay, rất tiến bộ. Nhưng phải nói kết quả chưa đạt được bao nhiêu. Quân-đội chính là ở trong nhân-dân mà ra, vì gia-đình nào chẳng có bà con nhập-ngũ.

.....

Sự thực, có những binh-sỹ, những đơn-vị gây được cảm tình cá nhân. Nhưng quân-đội nói chung, vẫn là sức mạnh, tổ chức của chính quyền

Cũng như « công an » muốn là bạn dân nhưng ít người dân dám coi cảnh-sát là bạn. Còn công chức có thể nào trở thành công bộc được, khi mà mỗi hành-động người tạ đều có cảm tưởng là bạn một ân huệ cho dân đen.

« Cảnh-sát nhân dân » « Quân-đội nhân dân » « Công chức nhân dân », chỉ có thể thực hiện được, khi mà chính-quyền cũng là của nhân dân và được nhân dân chấp nhận. Lúc đó, chính-quyền sẽ đến với người dân, để phục vụ cho người dân.

« Dân-chủ vô » hay « Dân-chủ thiệt » rất dễ phân biệt và không khi nào qua được mắt người dân. Nhiệm-vụ ông Tổng-Trưởng kinh-tế, trong một quốc-gia chậm tiến là tìm đủ mọi cách để kỹ nghệ hóa xứ-sở, lôi cuốn nhân dân hăng hái hoạt-động, thiết-lập các nhà máy, các xí-nghiệp. Nếu dân chúng thờ ơ, lạnh nhạt không thể quy trách nhiệm cho người dân mà phải đổ lỗi cho Bộ Kinh-tế đã không có chính sách thích hợp hoặc không biết tuyên truyền, giải thích lợi hại và giúp đỡ cho dân nghèo lập nghiệp.

Nếu người nấu bếp nói với chủ : «Này, muốn ăn cơm thì phải xin ăn trước 8 giờ đấy nhé. Quá giờ đó tôi không xét đơn nữa đâu, đói ráng chịu». Chắc chắn người dân, là chủ, sẽ nói với vị công bộc đầu bếp : «Cứ việc làm cơm cho ngon lành khi nào đói tôi sẽ ăn». Ấy là tử tế, nếu không, tất phải cho đầu bếp nghỉ việc ngay.

Nhưng ông Tổng-Trưởng Kinh-tế vẫn có thể thông cáo, mà không ai dám nói năng gì cả :

«Từ nay đến ngày X là hạn chót nộp đơn xin nhập-cảng máy móc. Các hồ sơ nộp sau ngày đó, hoặc không đầy

đủ sẽ không được cứu xét và đương nhiên hoàn lại đương sự».

Rõ ràng người ta có cảm tưởng là Bộ Kinh-tế ban ơn, đe-nẹt kỹ-nghệ-gia. Chứ không phải nhiệm-vụ của Bộ Kinh-Tế là thúc đẩy cho nhân dân nhập-cảng thật nhiều máy móc, tận dụng nguyên-liệu, nhân-công, sản-xuất thật nhiều hàng hóa hữu dụng.

Khác nào ông Thủ-Tướng một Chính-phủ chống-cộng mà tuyên bố: «Ai muốn chống-cộng, thì đến ngày đó, là thời hạn chót phải ghi tên gia-nhập đội ngũ. Còn ai chậm trễ, sau này không có cho phép chống Cộng nữa đấy».

Không, nhiệm-vụ của Thủ-Tướng Chính-Phủ chống-cộng là phải tuyên truyền lôi-cuốn cho nhân-dân thành-tâm quyết chí chống cộng. Yếu-tố nhân dân là chính, yếu-tố Chính-phủ chỉ là phụ. Chính-Phủ có giỏi, mà lôi cuốn không được nhân dân cũng là thất bại.

Ông Tổng-trưởng Kinh-tế phải lôi cuốn cho nhân dân trở thành kỹ-nghệ-gia. Nhà máy không phát-triển, có nghĩa là Bộ Kinh-tế đã thất bại.

Chỉ khi nào nhà cầm quyền trọng dân, quý dân, đặt mình thực sự vào hàng công bộc để phục-vụ quyền-lợi nhân dân, dầu bị mắng, bị la lối cũng kiên-nhẫn giải thích, không tức giận, không phách lối, khi đó nền kinh-tế quốc-gia mới có cơ hội trở thành phồn thịnh.

Trong kế-hoạch kinh-tế tự-túc, Việt-Nam cần phát-triển mau chóng các xí-

ngiệp kỹ-nghệ và dùng máy móc trong nông nghiệp, tiểu-công-nghệ. Hơn bao giờ hết, cán bộ của chính quyền phải đến với dân để giúp đỡ dân.

Xin đừng trả lời bằng nguyên-tắc, rằng đã có đủ các cơ quan để giúp đỡ, nông dân, công-kỹ-nghệ, tiểu-công-nghệ..

Người dân muốn mua một xe vận-tải, 6 hay 10 tấn, xe xúc, xe ben để cải thiện việc chuyên chở hàng hóa, có không? Không. Người dân muốn mua tàu vận-tải để chở hàng ra ngoài Trung hay xuất-cảng hàng qua Đài-Loan, qua Nhật, và chở xi-măng, chở sắt nhập-cảng từ ngoại-quốc vào Việt-Nam, có không? Không. Người dân muốn mua một cái bình xăng để thay thế cái cũ, hư mòn, có không? Không. Lớn cũng không có, mà nhỏ cũng không có nốt.

Bao ny-lông, giá đương từ 70đ một kilô, nay lên tới trên 300đ, muốn lập một xưởng tiểu-công-nghệ nhập-cảng một chiếc máy nhỏ từ Hồng-Kông qua để sản-xuất bao, vừa có lời, vừa phục-vụ được thị-trường, mua máy được không? Không. Muốn nhờ một vị chuyên viên của Chính-phủ tới tính toán, thiết-lập dùm xưởng tiểu-công-nghệ, có không? Không.

Không mà có! Cứ làm đơn xin, việc nhỏ thì 5, 7 tháng 1 năm việc lớn thì vài ba năm, kiên trì mà xin rồi cũng có ngày được thỏa mãn. Những khi được thỏa mãn thì tình hình kinh-tế lại đảo lộn cả rồi. Như vậy có thể nói là công-

bộ, là phục-vụ nhân-dân, là phát-triển kinh-tế không ?

Thay đổi tình trạng của chính quyền, phải đặt vào địa vị người cố-vấn, bạn dân và thực sự giúp đỡ cho dân. Một thể-kỷ nô-lệ chỉ đào-tạo được người dân dốt nát không am hiểu gì về những sự tinh vi của luật lệ hành chánh, kinh-tế Pháp-quốc. Xin Chính-phủ tốp bớt lại các nghị-định thông-cáo trói buộc người dân có đầu óc kinh-doanh. Hãy gửi những công-bộ đi xuống nhân dân, tìm-kiếm những người dân có vốn liếng muốn đầu tư, bày-tỏ cho họ biết nên thiết-lập xí-nghiệp nào vừa có lời, lại vừa giúp ích cho sự phát-triển kinh-tế quốc-gia, nâng cao mức sống của toàn dân.

Khi nhân dân đã hiểu thấu, công-bộ phải bắt tay vào việc cộng-sự với nhân dân như cùng ở trong một gia-đình, một công-ty, giúp đỡ dân về các thủ tục hành-chánh, liên lạc với Bộ Kinh-tế, kỹ nghệ đề xin nhập-cảng máy móc

và chung sức thiết-lập, điều hành xí-nghiệp, cố-vấn về kỹ-thuật và lao-động.

Đường lối này không có gì là mới mẽ hết. Người ta vẫn thường được xem chiếu trên màn ảnh, quang cảnh các chiến-sỹ, tay với nông dân xây dựng nhà-cửa khi bị địch phá hoại hay bị thiên-tai bão-lụt. Đó là đường lối đi xuống với dân, phục vụ cho dân và cũng là đường lối chắc-chắn nhất để đắc nhân-tâm.

Chính-Phủ cần thực-hiện đường lối «đến với dân» trong phạm vi kinh-tế. Thiếu cán bộ không phải là một sự trở ngại. Vì nếu dân chúng không làm, Chính phủ cũng phải tự mình đứng ra thiết-lập các xí nghiệp kỹ-nghệ, và sẽ tốn kém hơn, cần nhiều cán-bộ hơn mà kết quả chưa chắc đã hoàn toàn mỹ-mãn.

(Còn tiếp một kỳ)

DUY

Kỳ tới : chính sách khắc khổ

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẢNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học, Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...

● VŨ - BẢO

thú hút « pipe »

Nếu tôi được xếp hạng những tay hút thuốc thì tôi sẽ không ngần ngại gì mà đặt những anh hút thuốc lá vào hạng bét của bậc thang giá trị : đã mang danh là một tay ghiền mà hút điếu thuốc chỉ dài bằng cây tăm và to chỉ bằng đầu đũa !

Những anh hút xì gà còn có thể tạm coi được. Ít ra cũng phải lớn như vậy mới đáng ngậm vào miệng một người đàn ông, tuy rằng bây giờ có một số những anh suy đồi quay ra hút những cigarillos, cũng cuộn bằng lá xì gà nhưng lại chỉ to bằng một điếu thuốc lá nghĩa là nửa mnồn chơi trèo. nửa ngại không đủ sức !

Đáng mặt quần hào nhất là những anh hút « pipe ».

Nhìn hình dáng bề ngoài cái pipe cũng đã có một cái gì cao nhã rồi. Trong khi điếu thuốc lá ngay đuồn và trắng đục như một cục phấn viết bảng, trong khi điếu xì gà sần sùi và xám ngoét như một cây củi cháy dở thì cái pipe cân

đối xứng ả với những đường cong gợi cảm, đáng gọi là một công trình mỹ thuật. Gần đây người ta cũng đã cố gắng rất nhiều để tô điểm cho xì gà và thuốc lá : nào tô cho chúng những chỉ vàng, làm thêm đầu bắc lọc, tặng chúng những kích thước đế-vương (king size) hay đeo cho chúng những chiếc nhẫn (bague) lỏng lắt. Nhưng làm chi thì làm, xì gà vẫn thế mà thuốc lá vẫn vậy. Còn nói pipe thì thôi đủ màu, đủ kiểu, đủ chất liệu, đủ kích thước, cái trắng, cái vàng, cái nâu, cái đen, cái bằng thạch thảo (bruyère), cái bằng đá bọt (écume de mer), cái bằng lõi ngô, cái ngắn, cái dài, cái thẳng, cái cong, cái thanh, cái mập, người hút pipe có cái thú là được chọn lựa cái điếu nào hợp nhất với khuôn mặt mình hay với tính tình mình. Có thể nói là pipe được « cá-tính-hóa » với người hút, pipe không bao giờ chấp nhận một sự đơn điệu buồn tẻ hay giống nhau hàng loạt một cách máy móc và nhạt nhẽo.

Vì thế mà không phải bộ mặt nào

cũng ngậm pipe được. Ngậm pipe phải có « thớ », hàm răng phải làm sao, bạnh cằm phải thế nào, chứ không phải cứ cắn bừa cái điếu vào miệng thế là hút pipe.

Nhìn hình dáng bề ngoài của cái pipe đã đủ là một khoái trá rồi. Còn nói đến cái thú hút pipe thì ối chao ôi... ! Thử hỏi trên thế gian này có mùi thơm nào ấm áp, đậm đà như là mùi thơm của thuốc pipe không ? Mà nào có phải chỉ là thơm đối với người hút, đây là thơm cả một phòng, bước vào là thấy thơm, đây là thơm cả một vùng, mở cửa ra là thơm chan hòa ra ngoài, thơm phong lưu, thơm hào phóng. . !

Mùi vị đã như vậy mà lại còn được thêm cái thú của xúc giác, gọi nôm na là cái thú sờ pipe. Trong khi anh hút pipe, mắt đồ dẫn bập từng hơi dài thì bàn tay của anh ta nhẹ mơn lên đường cong của ống điếu và ống điếu ngoan ngoãn phó thác cái tròn trĩnh của mình trong lòng bàn tay của người hút.

Sờ thuốc lá hay là sờ xi gà thì có ngày chết bỏng, nhưng sờ pipe thì pipe ngả đầu vào mình, tin cậy như được gối dựa vào người tình.

Ở một thế kỷ hồi hã và giữa một thế giới tất bật đa đoan, người hút pipe cho chúng ta một cảm giác ung dung, nhàn hạ. Mặc cho bên ngoài ồn ào, inh ỏi, anh ta từ tốn rút cái pipe ra, lấy ngón tay cái bịt lên nôi điếu, hút thử một hơi nhẹ xem điếu có thông không, rồi cầm điếu sang bên tay trái, tay phải lấy

bao đựng thuốc, mở nắp ra, khoan thai đưa lên mũi, nhắm mắt vào cho hơi thơm của thuốc tỏa lên mặt rồi mới chậm rãi bỏ từng dúm nhỏ, từng dúm nhỏ vào điếu, sau mỗi lần lại khẽ nhồi cho điếu thuốc được chặt, để bao đựng thuốc sang một bên, nhất không cho một cọng thuốc nào vương vãi ra ngoài, chuyển pipe từ tay trái trở về tay phải, đưa lên miệng, ngậm không một lúc như muốn tự hứa với mình là sẽ hút điếu này cho thật ngon, lấy bao diêm ra, đánh một cái diêm, chụm hai bàn tay lại che cho ngọn lửa cháy to lên rồi lướt tròn que diêm ở trên miệng điếu cho thuốc cháy thật đều, và từ lúc đó trở đi thì không còn ngôn ngữ nào tả hết cái thú của anh ta nữa.

Không có ai hút pipe mà hút vội. Pipe là một hình thức đối kháng của con người trước những tiến bộ kỹ thuật của một nền văn minh cơ khí đánh giá mọi sự việc bằng tốc độ. Cho nên tôi không thấy một hình ảnh nào hùng tráng hơn về thế kỷ chúng ta đang sống như là bức ảnh chụp ông Einstein, nhà thông thái đã xây dựng lý thuyết của mình trên tốc độ của ánh sáng, miệng hiền hòa ngậm pipe và mắt ngây thơ như một đứa trẻ mới tập nhìn cảnh vật bên ngoài.

Người hút pipe tự nhiên có cái dáng dấp của một triết gia và khói pipe tỏa ra chậm chạp như vậy vì nó còn mang đọng những giòng trầm tư của người hút.

Nếu muốn viết một bài về « Thú hút pipe » theo đúng điệu của tạp chí Bách-Khoa thì phải « nghiên cứu » xem người đầu tiên hút pipe là vào năm bao nhiêu trước Thiên Chúa Giáng Sinh hay ít nhất cũng phải đưa ra một bản thống kê xem trong 100 người hút pipe có bao nhiêu người bị ung thư phổi và tỷ lệ đó so với người hút thuốc lá hay xì gà thì tăng giảm bao nhiêu.

Tôi đành làm phật lòng ông chủ nhiệm vậy chứ « những người hút pipe như chúng tôi đây » không có bao giờ bản khoản xem người La mã hút khác người Hy Lạp như thế nào và dù có biết rằng hút xong điếu thuốc sẽ bị bệnh Ung thư, tay chúng tôi vẫn châm lửa và miệng chúng tôi vẫn bập đều không sao núng. Đối với « những người hút pipe như chúng tôi đây » chỉ có mấy vấn đề chính :

- chọn pipe ra làm sao ?
- lựa thuốc như thế nào ?
- sắm đủ đồ phụ tùng cho pipe chưa.
- Hút cách nào cho ngon ?

nghĩa là những vấn đề thuộc lẽ sống của chúng tôi. Còn những việc khảo cứu xuất xứ của điếu thuốc hay phân tích thống kê thì xin dành cho những anh không biết hút pipe làm.

Chọn pipe.

Không có một lãnh vực nào mà câu « tiền nào của ấy » lại áp dụng một cách

chí lý hơn là việc chọn pipe. Không có cái pipe nào xứng đáng với tên gọi của nó mà lại rẻ tiền. Đã gọi là pipe là giá mắc, nếu không thì chỉ có là miếng gỗ để bỏ thuốc vào chứ không phải là pipe. Theo thời giá ở Việt Nam, một pipe xài được, vào khoảng từ 600 đồng đến 3000 đồng. Bạn chê đắt là quyền của bạn nhưng người mua pipe bỏ tiền ra cho cái thú của mình như là chọn quà cho người yêu không bao giờ thấy tiếc tiền.



Một khối rế thạch thảo (bruyère) để làm pipe khoảng 150 năm tuổi

Vả lại công trình làm cái pipe xứng đáng với số tiền bạn bỏ ra. Pipe tốt làm bằng rế « thạch thảo » (bruyère). Tìm được cây này đã khó vì loại tốt chỉ mọc ở những chỗ hoang vu. Lại nhất là ở chỗ đất sỏi, khô cằn, khí hậu xấu thì mới có rế đẹp, ở chỗ đất tốt, khí hậu

tốt, cây thạch thảo trở lá hết mà rễ thì rất mạnh.

Thạch thảo làm được pipe thường là đã trên 100 tuổi. Càng nhiều năm tháng gỗ càng rắn và càng nhiều vân.

Có rất nhiều loại vân, quý nhất là vân cuộn tròn trông như mắt chim, thứ nhì là vân chạy chỉ thẳng, thứ ba là vân chạy như tia lửa, Thạch thảo tìm thấy được rồi, mang về còn phải chọn lựa những miếng dùng được, phải hấp lò hơi cho ra hết nhựa để pipe khỏi nứt rạn. Hấp xong phải hong gió cho khô, không khéo mà có luồng gió mạnh quá, hay mát quá thổi vào là thạch thảo nổ vỡ ngay. Sau đó mới tiện, gọt làm thành pipe. Bây giờ với kỹ thuật mới người ta gọt bằng máy, nhưng nhiều người cầu kỳ vẫn đi kén pipe gọt bằng tay. (những tu sĩ ở St. Claude nổi tiếng là những nhà gọt pipe khéo tay).

Thợ chế pipe có những bí quyết truyền từ đời này sang đời khác nên người mua pipe không bao giờ chọn loại điệu không có nhãn hiệu. Các nhà làm pipe có tên tuổi thường thường là đã hành nghề vài thế kỷ như Dunhill, Ropp, Chacom...

Mua pipe cũng phải tự hỏi mình định dùng pipe vào những lúc nào. Nếu thích ngậm pipe mà đọc sách thì nên chọn loại dài cho khói khỏi bay vào mắt. Nếu làm việc ở bàn giấy, muốn ngậm pipe lâu cho khỏi mỏi thì nên

chọc pipe cong. Buổi tối cơm xong, nghe radio truyền thanh tường cái lương thì có thể cầm một cái pipe bự và nặng.

Pipe lại còn phải hợp với khuôn mặt. Cho nên mua pipe cũng như mua mũ phải nói với nhà hàng cho mình mượn cái gương soi để mà chọn kiểu.

Đề ướm pipe vào miệng (đừng cần vội nhớ có vết nhà hàng bắt đền) rồi nhìn vào gương mà quyết định. Pipe cong hợp với những bộ má phúng phính, pipe dài đi với những gò má xương xẩu, còn trẻ nên ngậm pipe thanh. có tuổi mới nên dùng pipe lớn...

Nói ra thì nghe dễ vậy mà chọn lựa là cả một bài toán nhức đầu vì có đến hàng trăm kiểu pipe.

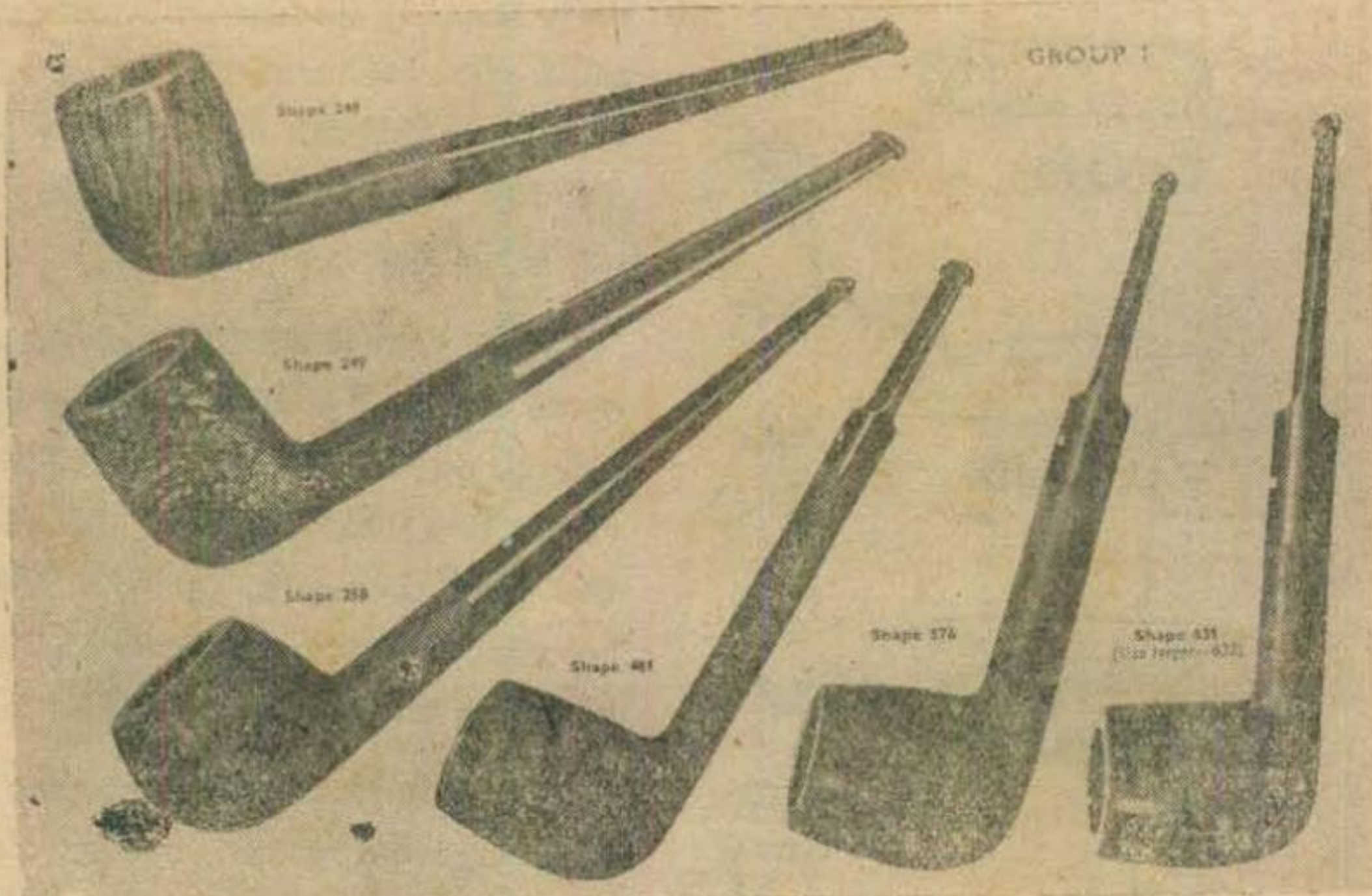
Một cái pipe thường chia ra 3 phần

- nôi điệu : nơi chứa thuốc
- thân điệu : ống dẫn khói
- miệng điệu : chỗ ngậm pipe.

Riêng về *nôi điệu*, tùy theo hình dáng, người ta đã xếp ra thành những loại chính sau đây :

Billiard	Apple
Slim Billiard	Slim apple
Giant Billiard	Saddle apple
Saddle pot	Slim saddle apple
Large pot	Saddle bit Dublin
Woodstock	Large Dublin
Author	Egg
Oval bowl	Panel

(từ trái sang phải, mấy kiểu pipes chính Topper — Pot bowl — Taper bull — Bent — Poker — Apple)



<u>Bulldog</u>	<u>Four square</u>
Light bulldog	Oom-Paul
Taper bulldog	Prince
Saddle bit bulldog	Sickle
English saddle	Bent
Lovat	Wellington
Liverpool	Chubby
Rhodesian	Well
Canadian	Setter
Prince of Wales	Topper
Lumberman	Bull Moose
Boer	Scotch Pug
Pear	Poker

Nếu phải tả hình thù từng kiểu chắc làm không nổi, vậy xin mời bạn đọc coi hình vẽ của mấy kiểu thông dụng.

Người hút nhiều thường chọn loại

nổi điệu dầy, rộng miệng và sâu lòng như vậy khói thuốc đỡ nóng hơn.

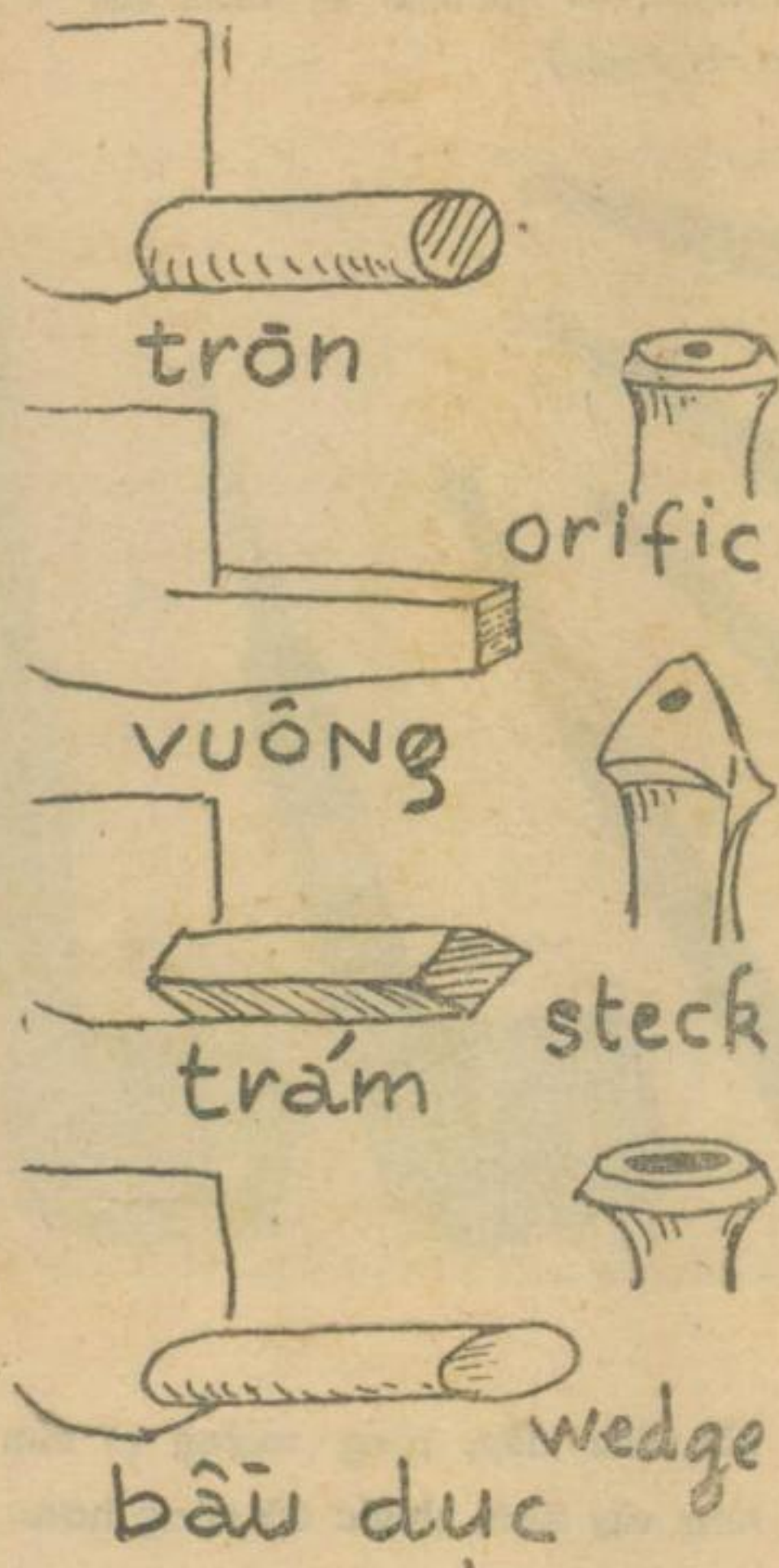
Thân điếu tức là ống dẫn khói, giản dị hơn nhiều, thường thường chỉ có 4 kiểu: tròn, vuông, bầu dục hay hình trám.

Miệng pipe có ba loại:

Loại orific: có một lỗ tròn để cho khói ra. Với loại này, khói ra thẳng một tia nên dễ rát lưỡi.

Loại Steck: cũng lỗ tròn nhưng khói đi thành một đường gấp.

Loại Wedge: cắt rộng như miệng sáo, khói tỏa ra trong mồm nên đầu lưỡi không bị rát.



được tinh khiết hơn. Ngoài ra khó i thuốc phải đi quanh co nên bít nóng đi nhiều lắm, hút dịu hơn. Phe chống đối cãi lại cho rằng chính cái ống lọc chặn vút đường khói đi, nên ở trong thân điếu hay đóng lại một dư vị đắng làm cho thuốc kém mùi thơm.

Cái pipe thạch thảo đề nguyên cũng đã đủ đẹp rồi nhưng nhiều khi người ta còn bọc nó bằng da nai, da cá sấu hay cầu kỳ hơn nữa bằng lông điếu (vison) Bên trong nôi pipe có khi còn cần đá bột trắng loại đá này làm cho khói thuốc bít nóng, hút rất êm.

Thân điếu và miệng điếu thường làm bằng nhựa cao su đen, nhưng cũng có loại đắt tiền làm bằng ngà hay bằng hồ phách. Có một điều tối kỵ là không bao giờ nên chọn loại thân điếu bằng xương vì dùng một thời gian nó có một thứ mùi ngai ngái rất khó chịu.

Chọn thuốc pipe

Trong thân điếu còn có một bộ phận nữa kêu là ống lọc (filtre). Thường thường đó là một miếng kim khí hình tròn ốc, hay hình ruột gà để lọc khói. Thế giới của những người hút pipe đã chia ra làm 2 phe đối lập vì cái ống lọc khói này, một phe thì tán thành, một phe thì phản đối. Và hai phe đã tranh luận không biết bao nhiêu năm trời mà cũng chưa biết ai phải ai trái.

Phe tán thành thì cho rằng nhờ ống lọc, khói thuốc được lọc bớt đi các chất nicotine, các chất thuốc vụn nên khói

Ở Việt Nam chúng ta không có nhiều thuốc pipe để chọn lựa. Hầu hết thuốc pipe hiện bán ở đây đều là của Hoa Kỳ. Nên chúng ta có nhắc qua đến tên các loại thuốc pipe nổi danh cũng chỉ là để cho đỡ thèm thôi. Trái lại nếu bạn có dịp qua Luân đôn thì bạn nên viếng các cửa hàng bán thuốc pipe : ở đây có gần đủ các loại thuốc ngon và bạn có thể mua 10 grammes thuốc này, 15 grammes thuốc kia, 20 grammes thuốc khác để rồi bạn biến chế tùy sở thích chẳng khác

gì một bà chủ nhà có biệt tài pha rượu cocktail vậy.

Thuốc pipe ngon trên thế giới thì trước tiên là thuốc của Thổ Nhĩ Kỳ với những loại thuốc như Djebel, Smyrne, Adrianople, Trebizond. Trứ danh nhất là Xanthi được suy tôn là « Nữ Hoàng thuốc pipe »

Brésil thì có loại Bahia, Syrie tự hào về loại Latakia còn Ba Tư lại hãnh diện về loại Toombak.

Hoa kỳ có 3 loại chính :

— loại Burley trồng tại các tiểu bang Kentucky, Ohio, Tennessee.

— loại Maryland của tiểu bang Maryland

— và nhất là loại Virginia, trồng tại các tiểu bang Virginia, Florida, Georgia, Carolinas.

Ở Việt Nam dân ghiền pipe thường chọn mua trên các vỉa hè những thuốc pipe do các PX (quân tiếp vụ Hoa Kỳ) mang vào bán cho binh lính của họ, một số quân nhân Hoa Kỳ mua ở PX ra đem bán lại và thị trường thuốc pipe hoạt động nhất ở Việt Nam được đặt tại các cầu thang hay các cầu tiêu, trong hành lang Eden và building COGISA góc đường Lê Lợi và Tự Do. Một số thuốc khác thì được các quân nhân Hoa kỳ dùng làm « tiền tệ » trao đổi « hiện vật » với các cô bạn gái Việt Nam và các cô này bán lại cho các hàng thuốc lẻ.

Nhưng chúng ta chẳng nên băn khoăn về suất xứ làm chi, chỉ cần biết các tính

chất của những thuốc bày bán để tiện chọn lựa : Thuốc 79 vừa thơm vừa dịu được ưa chuộng nhất, Half and Half hơi ướt, Prince Albert hơi khô, những người ưa loại thuốc « tự nhiên » không pha phách thì lại chọn EdgeWorth hay Sir Walter Raleigh. Ngoài ra Heine, Velvet Granger cũng là những loại nhiều hương vị.

Tuy nhiên chúng ta cũng chớ coi thường loại thuốc pipe biến chế tại VN của nhà Bastos. Nhiều tay ghiền trộn Bastos với thuốc Virginia và tuyên bố rằng hút rất đậm đà. Một số ông Tây già trở về Pháp quốc rồi mà chưa quên nổi vị thuốc của cựu thuộc địa, vẫn phải nhờ bạn gửi về cho.

Chọn thuốc pipe phải để ý coi thuốc cắt ra làm sao, Vì thuốc cháy mau hay chậm là do lối cắt. Có ba lối cắt thuốc pipe :

— Thuốc cắt thành sợi (ribbon cut), loại này cháy mau nhất.

— Thuốc cắt thành miếng vụn (chop cut) loại này cháy chậm hơn.

— Thuốc cắt thành bánh (plug cut) thuốc được ướp vào một thứ dầu thơm ngọt rồi ép thành bánh nhỏ, khi hút phải xé bánh ra bỏ vào điếu. Loại này cháy chậm nhất và mùi thơm đọng lại âm ỉ, man dại (loại Cavendish hay Capstan).

Chọn đồ phụ tùng cho pipe

Như một bậc vương giả tự hợp nhiều quần thần, pipe đòi hỏi khá nhiều đồ phụ tùng, không có thì cũng chẳng sao,

nhưng có mới tận hưởng được thú hút pipe. Phụ tùng nhiều hay ít tùy từng người, dưới đây chỉ kể ra vài thứ chính: *Bao hay hộp đựng thuốc.*

Bao cần phải thật kín để giữ hơi thuốc lại phải thật mềm cho thuốc khỏi nát. Bao thường làm bằng da, cao su, hay plastic. có bao còn làm thêm ngăn để cả pipe vào nữa.

Những người hút nhiều ở bàn giấy nhất là những người Anh thường để trên bàn một hộp thuốc lớn, nắp thật kín. Thuốc để hộp có lợi là khi lấy ra không vương vãi, giữ được hương vị lâu hơn, ấy là chưa kể có người còn để thêm vào ít vỏ cam, vỏ quýt hay vỏ chanh cho thuốc mềm và khởi sắc hơn.

Cây để thông pipe.

Pipe phải thông luôn cho khô và sạch những chất dơ. Gần đây có bán một loại cây thông pipe rất tiện lợi: đó là một thứ giấy thép mềm có kết bắc chỉ, lau pipe rất sạch.

Nước rửa pipe

Các tiệm pipe chuyên môn có bán một thứ nước riêng, đổ vài giọt vào nôi pipe là tan hết các chất dơ. Không có nước này thì dùng bông gòn tằm còn go độ, lau cũng tốt, nhưng cần phải cẩn thận, tránh đừng để cồn rớt ra ngoài, có thể làm xỉn mặt bóng của chất thạch thảo.

Dao ba ngoe

Hút pipe không thể nào không có đồ phụ tùng này được. Một ngoe trông như

cái thìa để đóng thuốc đặt vào lòng pipe và để nạo những tàn còn lại trong nôi, một ngoe trông như cái dùi để thông pipe, và một ngoe thứ ba trông như cái chày để nén cho thuốc được chắc.

Có người muốn nén thuốc, đã dùng bất cứ một thứ gì có ở dưới tay, khi thì là cái bút chì, khi lại vớ cái tẩy, như vậy là bất kính với pipe. Lúc nạo pipe cũng phải có ý tứ, nạo êm ái, mềm mại đừng có nạo sồn sột làm rụng hết lớp cao đóng ở bên thành pipe. Bao nhiêu công của, Pipe mới được lớp cao đó, vừa làm cho thuốc thêm hương vị, vừa giảm sức nóng của khói, nay có thể nào mà nạo huỳnh huých cho cao rụng mất. Ấy là chưa kể nhiều khi cao đóng rất chắc, làm vỡ lớp cao là làm cho pipe rạn nứt theo.

Giá gác pipe

Pipe không phải là một vật có thể để lẫn lóc nên người hút pipe thường có một cái giá bằng cây chạm trổ mỹ thuật để gác pipe. Ngày nghỉ, ngồi trước cái giá ngắm hàng pipe của mình là một thú tiêu khiển thoát tục. Có người ngồi được hàng giờ như vậy, khẽ nhấc một cây pipe ra, lặng ngắm rồi lại khẽ đặt vào, cử chỉ đó tự nó là một giải trí trọn vẹn.

Người ít pipe không cần mua giá gác có thể mua những thứ để trưng bằng sứ trắng men vừa đủ để gác một chiếc pipe.

Về vấn đề gác pipe cũng lại có hai

phe tranh luận sôi nổi : Pipe phải gác xuôi hay gác ngược ?

Phe gác xuôi đặt nôi pipe xuống dưới đầu pipe lên trên và cho rằng gác như vậy nước ẩm ướt chảy hết xuống nôi lúc hút sẽ tan thành hơi hết và pipe sẽ sạch.

Phe gác ngược dựng đầu xuống dưới nôi ở trên, cho nước chảy ngược xuống như vậy nôi pipe khô ráo lúc hút sẽ ngon hơn.

Khay gạt tàn

Hút pipe không thể gạt tàn vào một cái khay nhỏ quá được. Cũng không thể dùng một cái khay chạm trổ, lúc gõ pipe cho tàn thuốc rụng ra có thể làm sút mất pipe. Nhiều nhà chế tạo vỏ xe hơi đã lợi dụng nhu cầu đó của người dùng pipe mà cho làm đề quảng cáo những khay gạt tàn, lòng bằng thủy tinh nhưng mép là một chiếc lớp xe êm ái tha hồ mà gõ pipe.

Ngoài những phụ tùng trên, còn một vài thứ phụ như nắp đáy nôi pipe cho người lái xe hơi. Đó là một miếng kim khí đục nhiều lỗ nhỏ để đáy lên trên mặt nôi, xe đi nhanh cũng không sợ tàn lửa bay ra.

Có người còn dùng đáy nôi bằng kim khí để hứng nước trong lòng pipe, hút xong xoáy ốc ra lau khô.

Có người dùng ống xịt nước hoa đồ rượu rum vào xức cho thuốc thêm thơm vân vân...

Tận hưởng điệu thuốc pipe

Không có một sự hưởng thụ nào

không là một nghệ thuật. Thi sĩ Lamar tine lại còn đi xa hơn nữa coi «hoan lạc là một bài kinh cầu nguyện.»

Thú vui do đó phải theo một nghi thức và một thú vương giả như thú hút pipe tất nhiên phải theo những tiết tấu triều nghi riêng.

Trước hết ngay từ khi mua cái pipe mới về đã có một sổ quy tắc để trông nom săn sóc. Cái pipe mới như đứa trẻ sơ sinh đòi hỏi một người mẹ hiểu biết về khoa dinh dưỡng.

Việc đầu tiên phải làm là «tôi» pipe. Có người «tôi» bằng mật ong, có người «tôi» bằng rượu rum hay cognac. «Tôi» là thoa một lớp mỏng các chất đó vào lòng pipe trước khi bỏ thuốc hút. Như vậy lần cháy đầu tiên khỏi làm hư pipe và chung quanh nôi sẽ chóng đọng lớp cao mang lại cho hơi thuốc cái hương vị thần tiên của nó.

Bỏ thuốc vào pipe cũng phải làm từ từ chẳng khác gì đi xe hơi mới phải chạy rodage cho rà máy. Ngày đầu chỉ bỏ thuốc đầy tới 1 phần 5. Ít thuốc như vậy pipe không bị nóng quá. Ngày thứ hai bỏ đầy 2 phần 5 ngày thứ ba 3 phần 5, ngày thứ bốn 4 phần 5 và từ ngày thứ năm trở đi hút như thường.

Lấy thuốc cho vào pipe đòi hỏi một kỹ thuật riêng. Thuốc chặt quá thì pipe không thông, thuốc lỏng quá thì cháy không hết. Bỏ làm sao cho vừa, thật khó mà nói ra được, chỉ có cách hút nhiều tự nhiên tay quen đi.

Bỏ thuốc đừng bao giờ bỏ đũa có ngọn, khi châm lửa có thể làm hư mép trên của pipe.

Châm thuốc cần đưa ngọn lửa chạy tròn trên mặt thuốc như vậy pipe mới cháy đều. Không nên dùng bật lửa essence, vì hút sẽ có mùi. Gần đây có bán những bật lửa gaz, ngọn lửa tia ngược xuống lòng pipe dùng rất tiện. Nhưng những tay hút pipe có hạng thường nhìn bật lửa bằng con mắt miệt thị và họ chỉ dùng diêm. Họ chờ cháy hết đầu diêm sinh rồi mới châm thuốc và họ cho rằng cầm que diêm dễ sai khiến ngọn lửa hơn và thuốc giữ được vẹn hương vị. Trời rét ngồi bên lò sưởi, có một lối châm thuốc rất là thi vị, đó là gấp một miếng than hồng nhỏ để lên trên mặt thuốc.

Nhưng châm thuốc bằng kiểu nào đi chăng nữa thì cũng phải tránh không cho ngọn lửa đốt vào mép thành của pipe.

Lúc đầu hút liền vài hơi, vừa hút vừa nghe như người bắt mạch cho tới khi thấy pipe ăn ý rồi là tự nhiên người hút và pipe hòa hợp với nhau như chỉ còn là một.

Nhả khói một cách tự nhiên như người thở, đừng có phà mạnh vào mặt người khác hay nghịch ngợm nhả khói thành vòng tròn, thành hai tia ở hai bên mép.

Cầm pipe đừng có lấy điệu. Cầm gọn gàng, tự nhiên như là cha mẹ để ra đã nắm cái pipe trong tay rồi. Hút pipe đẹp nhất là cho người ngoài cái cảm tưởng mình không làm gì hết.

Pipe không phải là một dụng cụ để chỉ trò hay để đánh nhịp sự hùng biện

của mình nên người cầm pipe không bao giờ hoa chân múa tay với ống điếu.

Hút xong nhớ lấy hết tàn và thuốc dư cháy chưa hết nếu để sót lại lần sau hút sẽ thấy pipe có mùi ngai ngái. Muốn lấy tàn nên dùng con dao ba ngoe. Đừng có bạ đâu gõ đấy. Kẻ viết bài này đã từng thấy có ông hút xong, co một cẳng lên, gõ pipe vào để giấy. Tại sao mà chưa có đạo luật nào ghép các ông đó vào tội « bắt xúng hút pipe » nhỉ ?

Một câu hỏi cũng đáng được đặt ra là nên có bao nhiêu pipe để thay đổi. Pipe cần được nghỉ ngơi như một cô gái đẹp thân hình mảnh dẻ không chịu được sốc vác. Ít ra người hút pipe cũng cần có 2 chiếc, nhưng tốt nhất là có 7 chiếc, mỗi ngày trong một tuần dùng một chiếc. Thành ra chúng ta một tuần lễ làm việc 6 ngày nghỉ 1 ngày, còn pipe thì phải nghỉ lâu hơn mới lại sức, làm việc một ngày rồi nghỉ cả tuần. Nghỉ như vậy cũng hơi nhiều nhưng người đẹp nào chẳng có quyền nũng nịu. Và lại chiều chuộng pipe như vậy, pipe đền bù cho nhiều hơn. Sau một tuần nghỉ ngơi, pipe khô ráo thơm tho, hút trở lại thấy tỉnh cả người.

Nhưng nói chuyện về pipe với người đồng điệu thì biết đến bao giờ cho hết, thôi bạn và tôi, chúng ta ngưng ở đây, mỗi người lấy điếu ra, bỏ thuốc vào, châm lửa lên, cho khói mơn man trên mặt, nghe hơi nóng rân rân chạy vào cơ thể, truyền hương thơm đến mỗi tế bào, và chúng ta ngồi lặng im, không nói năng gì.

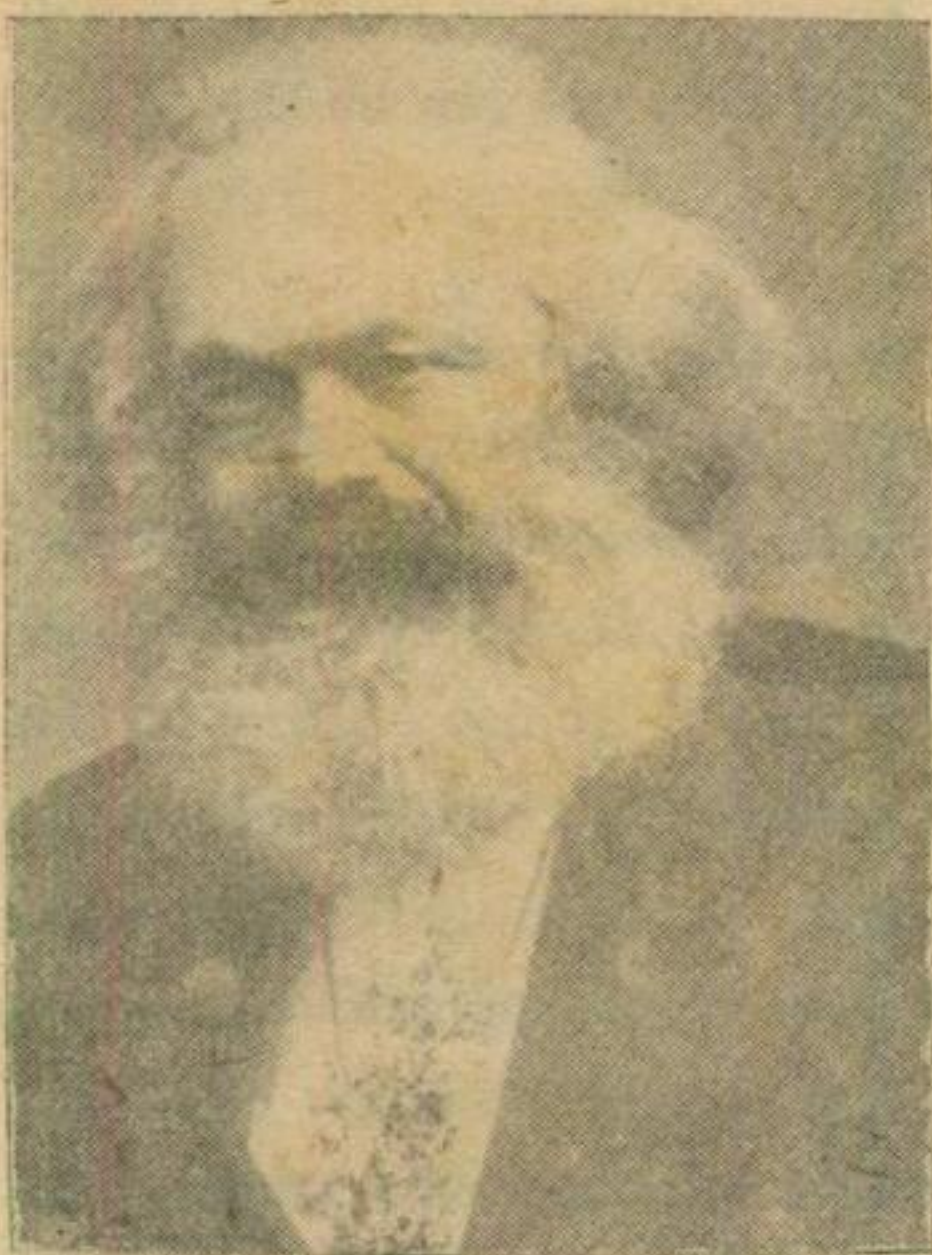
từ MARX đến TEILHARD

Nhân đọc các sách :

TRẦN VĂN TOÀN.— *Tìm hiểu triết-học của Karl Marx*. Nam Sơn, Saigon, 1965.

TRẦN VĂN TOÀN.— *Hành-trình đi vào triết-học*. Nam Sơn, Saigon, 1965.

NGUYỄN VĂN ÁI.— *Khoa-học và đức-tin*. Nam chi tùng thư, Saigon, 1966.



Karl Marx



Teilhard de Chardin

Ô. Trần văn Toàn, giáo-sư đại-học, vừa xuất-bản hai cuốn sách rất hữu ích, mỗi cuốn nhắm một hạng độc giả và có tầm quan trọng khác nhau. *Hành trình đi vào triết-học* gom góp những bài «Triết-học nhập môn» của giáo-sư phụ-trách trong lớp Dự-bị văn-khoa, có

thể giúp những sinh-viên mới bước vào ngành Triết có thêm tài-liệu tham-khảo. Soạn-giả đã thành thật công nhận rằng vài phần của sách còn ở trong tình trạng phôi-thai, chưa được quảng-diễn đầy đủ, và vài phần khác đáng được tu bổ nhiều hơn. Tuy nhiên, trong

những điều kiện học-vấn và sách vở của chúng ta ngày nay, tập sách ấy không phải thừa, không những đối với sinh-viên, mà còn đối với những ai khao khát hiểu-biết, cần một ít căn-bản triết-học để tránh sự nông nổi trong lời nói và hành động.

Nếu so sánh với số sách soạn cho một sinh-viên Việt với sách một sinh viên Pháp, chẳng hạn, có thể xử dụng để cùng theo một chương-trình Dự-bị, thì thấy người này được may mắn hơn người kia nhiều. Ngoài những bài vở của giáo-sư đang nào cũng có, người này có nhiều tài-liệu hơn để hướng dẫn họ, nào *Introduction à philosophie* của René Le Senne, *Initiation à la philosophie* của Marcel Deschoux, nào cuốn sách nhỏ mà thật hay của Jaspers (đã có bản dịch tiếng Việt) hay những sách không thuần giáo-khoa nhưng rất bổ ích như *éléments de philosophie* hay *Idées* của Alain, *Le progrès de la conscience* của Brunschvicg hay bộ sách *Initiation philosophique* do Jean Lacroix chủ-trương, có rãng trăm cuốn.

Ngoài sự chênh lệch kể trên để làm hí-dụ, sinh-viên chúng ta lại thiệt thòi hiểu vì không có nguyên-tác của các triết gia để đọc. Sự im lặng của Ô. Trần văn Toàn về điểm này có lẽ là nguyên bất-đắc-dĩ. Ông không thể thêm vào *Hành-trình* của ông mục giới thiệu những sách nên đọc, như người ta thường phải làm trong trường hợp này. Khi được nghe trình-

bày học - thuyết của Descartes hay của Kant sinh-viên chắc muốn dựa vào những tác-phẩm của triết-gia ấy để tra cứu thêm. Khốn nỗi chúng ta có bao nhiêu bản tiếng Việt để giới thiệu? Vẫn biết, đó đây, có vài cố gắng đáng khen của tư-nhân hay nhà xuất bản, nhưng vấn đề sách cho sinh-viên Việt-Nam chưa được giải quyết một cách hợp-lý và toàn-diện, và vẫn là chuyện nhức đầu cho những ai, chính thức hay không chính thức, có trách-nhiệm về văn-hóa và giáo-dục ở nước ta. Nhưng thiết tưởng, không thể chấp nhận đau đầu vinh-viễn mà phải tìm gấp lối thoát!

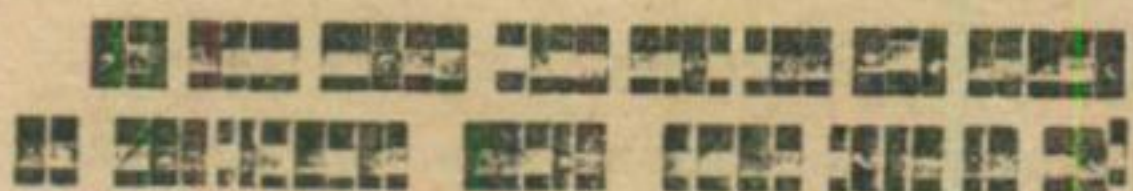
xxx

Cuốn sách thứ hai của Ô. Trần văn Toàn, *Tìm hiểu học-thuyết Karl Marx*, cũng nhắc lại cảnh đau đầu trên, nhưng chung cho tất cả những người còn biết lo âu về hiện-tình hay tương-lai đất nước. Vì thật là lạ khi thấy một quốc-gia tự xưng là tiên-tuyến chống Cộng không đặt nặng vấn-đề nghiên-cứu một cách tường tận và khoa-học chủ-nghĩa Cộng-sản và những học - thuyết phát sinh ra nó.





Người thời-đại này không thể khinh thường những tiến-bộ của khoa-học trong việc chinh-phục không-gian mà cũng không thể không biết đến những học thuyết, như của Marx hay như của Freud đã gây ảnh-hưởng sâu đậm trong tư-tưởng và hành-động của con người. Người Việt-Nam hiện giờ đang trực tiếp chịu đựng một cách thống-khò những hậu-quả chính-trị của học-thuyết Marx, không thể làm ngơ trước sự bành trướng của ý-thức-hệ này. Chúng ta không nên tự mãn với một sự hiểu biết hời hợt, dựa trên mớ nhận xét sai lầm hay nơi sự khai-thác vụng về đôi nhược-điểm về lý-thuyết và thực-hành của đối phương. Cần phải có một lối hiểu-biết nghiêm-chỉnh, duy-lý và đầy đủ, cần có thái-độ phê bình đứng đắn, nhắm vào những điểm căn-bản, những ưu-điểm của học-thuyết hay chủ-nghĩa, hầu mong tìm những cách thôn tính, trừ khử hay vượt qua.

 cuốn *Tìm kiếm* của Ô. Trần văn Toàn đã in lần hai trong một thời gian tương đối rất ngắn. Hiện nhiên, sách ấy đã đáp ứng nhu-cầu của số người có trình-độ

học-vấn khá cao. Nhưng một vài công trình quý hóa như thế cũng chưa đủ.

Vì Marx là một tác-giả khó. Vì Marx có thể nghiên-cứu về nhiều phương-diện, triết-lý kinh-tế-học, chính-trị, cách-mạng v.v... Vì dễ hiểu rõ Marx phải biết đến những học-thuyết khác, như của Hegel, Feuerbach hay Engels, Proudhon. Vì lại có những mâu-thuẫn, hay dị-biệt giữa Marx trẻ và Marx già. Vì tác-phẩm của Marx viết bằng tiếng Đức, mà Đức-ngữ lại là một thứ tiếng khó thấu triệt, đến nỗi những bản dịch ra tiếng Pháp, như bản dịch Molitor, theo nhận xét của Ô. Trần văn Toàn, còn có nhiều chỗ sai. Vì tác-phẩm của Marx quá nhiều, xét riêng bộ *Tư-bản-luận* cũng đủ làm cho ngợp người khởi đầu việc dịch, hay nhà xuất-bản định đầu tư. Vì ngoài vô số tác-phẩm chính, còn biết bao sách vở có giá-trị, bên này hay bên kia màn sắt, đã nghiên-cứu hay bàn-luận đến Marx và môn đệ, giúp cho sự sáng tỏ các công cuộc chỉnh lý, sửa sai hay tranh-chấp ý-thức hệ. Bao nhiêu công trình này đã thành một kho tàng nguy nga mà riêng chúng ta chỉ biết đứng nhìn xuyên qua cửa kính.

Tất nhiên, trong một tập sách chỉ có trên 160 trang, Ô. Trần văn Toàn đã phải hạn công việc trình-bày của mình trong phạm-vi nhất định. Ông gác lại một bên nhiều vấn-đề có thể nhắc đến. Ông phớt qua chủ-thuyết về kinh-tế của Marx, không luận nhiều về biện-chứng duy-vật hay sử-quan hay về thuyết cách-mạng

Ông đã xét tư-tưởng Marx theo « quan-điểm rất ít màu sắc duy-vật : lấy ý-thức làm ý-niệm then chốt cho việc nghiên-cứu ».

Sách ông gồm ba chương. Chương I trình bày sự thành hình của hệ-thống Marx, từ khi dùng biện-chứng Hegel đi đến một biện-chứng về cần-lao và con người cần-lao bị vong-thân. Ai cũng biết học-thuyết của Marx bắt đầu từ ba nguồn gốc : triết-lý Đức đầu thế kỷ 19, kinh-tế chính-trị Anh thời cổ-diễn và chủ-nghĩa xã-hội Pháp từ Babeuf đến Saint-Simon, Fourier, Blanqui. Triết lý Đức, nhất là của Hegel, đã gây ảnh-hưởng quan-trọng hơn hết. Trái với lối tư-duy dựa trên luật bất khả tương-phản, tư-duy, theo Hegel, chỉ tiến theo biện-chứng, nghĩa là theo sự tổng hợp những ý niệm đối chọi và trái ngược nhau. Marx đã trung-thành theo nguyên-tắc của Hegel, là thực-tại cần phải xét đến theo phương-pháp biện-chứng, vì mọi sự được lôi cuốn trong cuộc tiến-hóa do những lực lượng đối chọi sinh ra. Lịch-sử nhân-loại chỉ là lịch-sử của tranh-đấu trong đó mạnh được yếu thua, như Darwin đã đề ra. Nhưng Marx cho rằng biện-chứng theo Hegel đã đi ngược đầu xuống đất và chỉ cần đảo lộn nó, mới làm cho nó hợp-lý. Khi Hegel cho ý-tưởng, chủ-thể tự-lập, là nguồn gốc mọi sự, thì Marx, đã chịu ảnh-hưởng duy-vật chủ-nghĩa của Feuerbach, thay Thiên-nhiên vào đó, với sự dè dặt là Thiên-nhiên được

xem như đối-vật của hành-động và kiến-thức.

Ông Trần văn Toàn đã có những trang nhắc lại rõ ràng, không những Marx đã chịu ảnh-hưởng của Hegel, mà không hề gác bỏ ảnh-hưởng của Hegel sau khi đã xây dựng được học-thuyết của mình. Soạn-giả cũng phân định hai giai-đoạn tiến-triển của học-thuyết Marx đưa đến ý-niệm về *Praxis* (mà soạn-giả dịch là *thực-hành*) và hiện-tượng vong-thân.

Chương II rất phong phú, bàn rất rộng về sự vong-thân con người. Con người đánh mất bản-thân trong kinh-tế và chính-trị, trong cần lao và trong đời sống chính-trị. Nhưng vong-thân không phải chỉ là một trạng-thái cụ-thể. Không thể vong-thân khi không có ý-thức vong-thân. Soạn-giả chia ý-thức vong-thân thành hai phần hay là hai giai-đoạn : tôn-giáo và ý-thức-hệ.

Khi nói đến vong-thân trong cần-lao và vong-thân trong chính-trị, mà ông gọi là vong-thân thể-nội (trong thể-giới này), Ông Trần văn Toàn đã phân tách kỹ càng trạng thái ấy, căn cứ nơi những lời của Marx. Tuy nhiên ông đã bỏ qua những vấn-đề thuần-túy kinh-tế, nên không nhắc lại ảnh-hưởng của các thuyết-gia theo phái trọng-nông, của Smith, Ricardo hay Lassalle, đối với những ý của Marx về chủ-nghĩa tư-bản. Marx tiên liệu rằng chế-độ tư-bản, chính vì những luật điều-hành của nó, đi đến sự phá sản, và Marx đã dựa vào các lý thuyết đã được đem ra tranh luận nhiều

trong giới kinh-tế-gia lúc bấy giờ, như lý-thuyết “giá-trị—cần-lao” và lý-thuyết về thặng-dư, hay luật cho rằng cảnh khổ của vô-sản trong chế-độ tư-bản càng ngày càng tăng, hay luật tập trung tư-bản với hậu-quả tai hại của nó. Ông không phê bình nhiều về các điểm ấy. Có lẽ ông cho độc-giả thừa sức nhận thấy tiên đoán của Marx, nói cách đây hơn một trăm năm rồi, không được đúng. Chủ-nghĩa tư-bản chưa gần đến sự phá sản. Sự kiện cũng cho thấy cần lao (hay vô-sản, theo danh-từ kia, người không có phương-tiện sản xuất) tại các nước tư bản không phải càng ngày càng khốn khổ, trái lại thì đúng hơn. Marx đã tiên-đoán sai vì quá chú-trọng đến yếu-tố kinh-tế mà quên những yếu tố khác, cũng có khả-năng thay đổi cuộc diện lịch-sử nhân-loại, như yếu-tố chính trị và yếu-tố con người.

Về vong-thân trong chính-trị, ô. Trần Văn Toàn có nhắc đến một nhược-điểm khác của Marx là « làm cho môn đồ cứ đinh ninh rằng một khi thanh-toán xong sự vong-thân trong cần lao thì người ta không còn kinh địch nhau nữa và nhà nước cũng tự tiêu-diệt ». (tr. 84) Nhưng soạn-giả không bàn nhiều về lý-thuyết cách-mạng của Marx, về độc tài vô-sản và không nhắc lại hình ảnh xã-hội lý-tưởng theo Marx.

Nhưng khi bàn đến vong-thân trong tôn-giáo (mà ông gọi là vong thân thể ngoại) và ý-thức-hệ, ông Trần Văn Toàn đã cho thấy rõ quan-điểm vững chắc của mình :

« Người theo đạo Thiên-Chúa không hiểu Marx nói gì về tôn-giáo của mình; thứ tôn giáo mà ông (Marx) phê-bình không hợp với kinh-nghiệm tôn-giáo của mình, và ông không phê bình tôn-giáo mà chỉ nói về ý-thức-hệ. »

« Ý-thức vong-thân là ý-thức phát sinh ra trong trạng-thái vong-thân của con người, ý-thức ấy không biết các điều kiện đã sinh ra mình, không biết vị-trí mình trong thực thể toàn-diện, và vì thế chỉ là phản-ảnh của thực tại, chứ không sao vượt được lên trên thực-tại. Do đó, một là ý-thức vong-thân không đòi biến-đổi thế-giới, hai là ý-thức chỉ đòi biến đổi thế-giới khi đã thoát ly ra khỏi sự vong-thân. Thoát ly như thế mới có thể coi các ý-thức khác là vong thân. Chỉ có ý-thức cuối cùng của lịch sử mới là ý-thức không vong-thân. Và cái tham-vọng của ý-thức cộng-sản là ở chỗ đó. Nhưng ý-thức cộng sản đã phải là ý-thức hết vong-thân chưa, đó lại là một vấn-đề khác. » (tr. 122)

Trong chương III, ô. Trần Văn Toàn đã trình bày ý-thức cộng-sản để đi tới kết luận rằng Marx chưa giải thích vì sao một quan-niệm đặc-thù và hạn hẹp lại có thể nhận ra toàn thể, nhất là cái toàn-thể chưa hoàn-tất, và vì sao ý-thức cộng-sản của Marx lại có thể phát sinh ra từ một vị-trí lịch-sử hạn hẹp được.

Nhận xét ấy đã đưa soạn-giả đến một vấn-đề khác được nêu trong phần cuối, *vấn-đề huyền-thoại*. Ô. Trần Văn Toàn đã không lạc đề, mà chỉ đặt sự tìm hiểu

học-thuyết Marx trong một cương-vị phê bình chính đáng. Chúng tôi xem phần cuối của sách Ông là phần thành công nhất, vì đã bày tỏ minh-bạch quan-niệm mình, đặt vấn-đề một cách rộng rãi, trong đường hướng của thể-mạt-luận, trong sự tiếp diễn không ngừng của lịch-sử, dù cho là hạn chế trong lịch-sử tư-tưởng, vì đã nhắc lại một sự thật có thể giúp cho nhiều người chế-ngự mặc-ảm tự-ti trước một học-thuyết vi-đại hoặc vượt lên mặc-cảm tự-tôn tự mãn, đối với những người bấy lâu theo Marx một cách mù quáng hay một cách an phận.

Năm 1948, tạp-chí *Esprit* của Mounier đã mở cuộc phỏng-vấn vài nhà trí-thức heo — Marx, Tạp chí ấy nghĩ rằng mọi sự phát-mệnh bắt đầu từ một cuộc phiêu lưu đề chấm dứt với một chủ-nghĩa kinh-viện (scholastique) và thần-thoại. Thần-học cũng như triết-học về tinh-thần cũng không tránh khỏi sự biến đổi ấy và thỉnh thoảng cần phải xét lại và thanh lọc, Tạp-chí hỏi : học-thuyết của Marx có sinh ra những huyền-thoại của nó hay không và nếu có, người ta đã loại trừ chưa hay có sửa soạn loại trừ các huyền-thoại ấy không ? Vài học-giả nóng tánh đã cho câu hỏi có tánh-cách phỉ báng và mạ-lý, cho vấn-đề đã đặt sai và không thèm trả lời. Có một số khác thành thật và khiêm tốn hơn, chấp nhận sự cần thiết xét đến vấn-đề. Remo Cantoni, người Ý, chủ-bút tạp-chí theo — Marx *Studi filosofici*, đã tỏ một thái-độ tự dolàm cho người ta hy-vọng còn có thể đối thoại với những người theo — Marx. Remo Cantoni có viết :

« Khi xã-hội đóng kín được lý-tưởng hóa, làm thành một hình ảnh kiểu mẫu của xã-hội theo — Marx, người ta đã ngăn cản chủ-nghĩa Marx mất sự cởi mở về tương lai... » Và : « Thoát khỏi vong-thân mà không từ khước những đam-mê của con người và sự tự-do của tư-tưởng phê bình, đó là nhiệm-vụ của một văn-hóa theo — Marx. » (Huyền-thoại và phê-bình trong văn-hóa theo Marx, *Esprit*, số đôi 5-6, 1948, tr. 782).

Ô. Trần văn Toàn, trong sách mình, phân biệt rõ ràng giá-trị và địa-vị của *logos* và *mythos* và nói : « Có người chủ-trương lối tư-tưởng của Marx là lối tư-tưởng huyền-thoại. Có người tố giác tính-cách huyền-thoại của các khái-niệm mà Marx dùng, như giai-cấp vô-sản, tư-bản. » Nhưng Ô. Trần văn Toàn muốn nói đến phạm-vi khác. Ông nghĩ rằng Marx đứng trước hai ngã đường, nếu nhận cái lý mà bỏ huyền-thoại thì phải nhắm mắt trước cuộc diễn biến lịch - sử sau Hegel, nếu nhận rằng lịch-sử chưa kết-liệu thì không thể nào căn cứ vào Logos, cái lý, để biết được cái ý-nghĩa toàn diện của lịch-sử còn đang diễn biến chưa chấm dứt. Marx có lẽ đã tạo ra một ngã đường thứ ba, vừa chủ-trương lịch-sử chưa chấm dứt vừa cho mình đã biết được ý nghĩa toàn diện của lịch-sử.

Ô. Trần văn Toàn viết tiếp : « Nếu triết-gia cần phải tố-giác, thì tố-giác những ý-thức-hệ đặt cơ-sở trên tình-cảm, trên lòng tin-tưởng, trên huyền-thoại mà vẫn cứ cho mình là một hệ-

thống tư-tưởng hợp-lý và có tánh cách phổ-biến. Không độc-tài nào cay nghiệt hơn độc-tài vì ý-thức-hệ.» (tr. 160)

Tin tưởng hoàn toàn nơi học-thuyết, nơi những tín-diệu không được phép xét lại, nhiều học-giả theo-Marx không thoát ra vòng lẩn quẩn của hệ-thống, tự mãn với một chân-lý một-phần để đi đến những quả quyết càng xa sự thật và xa con người. Trong những sách vở của những nhà lý-thuyết theo-Marx, có thể nhận thấy sự lệ thuộc gắt gao — mà họ xem là sự trung thành —, những phán quyết lạ lùng có bề ngoài rất khoa học, rất thuần-lý. Tuy nhiên người ta có thể đi đến những kết luận nguy đời nếu bắt đầu với những tiền-đề sai lạc; lập luận có thể chặt chẽ, chính xác, nhưng dùng những dữ-kiện nguy tạo hay giả-thuyết chưa được chứng minh, thì kết luận đáng được nghi ngờ.

Ô. Trần đức Thảo (trong *Phénoménologie et matérialisme dialectique*, Ed. Minh-Tân, Paris, 1951, tr. 363) đã hiển chúng ta những định-nghĩa lý thú như sau: «*Bốn-phận* là hình-thức hợp nhất cần-lao cộng đồng. *Danh-dự* định rõ sự hợp-tác giữa những đơn vị sản-xuất biệt-lập. *Công-bình* là cơ-cấu được trung-gian-hóa của sự hợp-tác giữa những nhà sản xuất riêng biệt, đã sinh ra cùng một lúc với việc dùng tiền-tệ, mà tiền-tệ nâng cao những quan-hệ sản xuất đến một cơ-cấu thuần-lý» vân vân... Định-nghĩa ngộ nghĩnh ấy có khác gì lối Burali-Forti,

theo luận-lý hình-thức, đã định-nghĩa số một thế này:

$$1 - 07 \{ k0 \wedge (u, h) \varepsilon (u \varepsilon, u_n) \}$$

mà Poincaré cho là một định-nghĩa thật chính-xác để cho những ai chưa hề nghe đến số một có được một ý-niệm!

(Còn tiếp 1 kỳ)

CUNG GIỮ-NGUYÊN

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được

— **Nội-san Luật-sư-đoàn Sai-gon**, số 1 phát hành mỗi tam cá nguyệt, Chủ trương: L. s. Hồ-tư-Châu, Thư-ký tòa soạn: L. s. Trần-thanh-Hiệp, Quản-trị: L. s. Bùi-chánh-Thời. Mỗi số dày 40 trang, khổ 21-29, không bán.

— **Nhận định IV của Nguyễn-văn Trung** do Nam Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 206 trang, gồm những nhận định trước vấu-đề Chiến-tranh, Cách mạng, Hòa-bình... giá 80 đ.

— **Luyện dịch báo chí Việt-Anh, Anh-Việt** do Võ Công Tài biên soạn, Nam-Sơn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 272 trang, gồm nhiều bài chọn lọc và điển hình thuộc mọi lãnh vực hoạt động rất trong các báo chí Việt và Anh. Giá 120 đ

Việt Nam Hà Nội không

TRONG ĐÔNG-NAM Á



XIN MỜI QUÝ-VỊ

**LUÔN
LUÔN**



DU NGOẠN

bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHÂN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THỀ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM

- ★ NHANH CHÓNG - 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI. MÁT-MỀ - ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỐI-TÂN. ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM



HÀNG-KHÔNG

116. NGUYỄN-HUỆ. SAIGON. 21.624-625-626

AIR VIETNAM

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 227)

ĐOÀN THÊM

Đời sống trong thời chiến

Trước thế-chiến II, Đông Dương chưa từng chịu nạn khan hiếm hàng-hóa. Nhu cầu của giới tiêu thụ còn ít, vì quần-chúng rất nghèo ; ngay ở các thành-thị nếu mức sinh hoạt tương-đối cao hơn ở thôn quê, thì nếp sống của người hữu-sản vẫn đơn giản, không mấy ai có xe hơi, tủ lạnh, máy thu-thanh.. Hóa-phẩm của Pháp bán sang nhiều, từ đồ nhật-dụng đến hàng xa-xỉ, ai dư tiền tha hồ mua sắm ở các tiệm lớn, hoặc gửi thư cùng bưu-phiếu cho các hãng Ba-lê, không cần xin giấy phép.

Thuộc-địa ỷ vào chính-quốc, chẳng hề lo phát-triển kỹ-nghệ; và lại theo chánh sách bất-dịch của thực-dân, thì Đông-dương chỉ là một lãnh-thò để khai-thác trục lợi, và một thị-trường tiêu-thụ : nên một mặt phải cung-cấp cho Pháp-quốc những nguyên-liệu cần thiết như cao-xu, một mặt phải mua thật nhiều sản-phẩm chế-tạo ở Pháp.

Đến cuối 1941, khi chiến-tranh lan rộng đến Thái-Bình-Dương, thuyền tàu hay bị đánh phá, sự giao-thương với Pháp bị gián-đoạn, việc nhập-cảng từ Âu-châu phải đình chỉ. Bởi thế, chẳng bao lâu mọi thứ hàng đều khó kiếm, dù được trả đắt gấp bội, và đã quá thiếu còn bị tích-trữ do bọn đầu-cơ : hai tiếng chợ đen (marché noir) thành thông-dụng từ đầu 1942.

Giới hữu-trách phải đặt lệ hóa giá và kiểm giá, song loại hàng nào được Sở Kinh Tế chiếu cố, là biến mất ngay trong 24 giờ. Chánh-quyền bèn phát thẻ tiếp-tế để phân-phối thực-phẩm cùng đồ thiết-dụng, nhưng lại chia ra hai thứ thẻ : thẻ cấp cho gia-đình « bản-xứ », và thẻ dành cho gia-đình Âu-Tây hoặc có mức sống cao như của dân Pháp.

Thẻ « ta » chỉ cho phép mua gạo, muối, rọ bao quẹt mỗi tháng, thỉnh-thoảng một hai kí đường, hoặc dăm thước vải nội-hóa. Thẻ « Tây » được ban cho cả một số người Việt : quan-lại, dân-biêu, công-chức cao-cấp, phú-thương, nghiệp-chủ, hay người có Pháp-tịch; ngoài những hàng ghi ở thẻ « ta », mà số lượng được tăng gấp đôi hay gấp rưỡi, còn sữa, thuốc lá, cà-phê, bột mì, màn tuyền, vải may Âu-phục, và cả tã lót cho trẻ sơ-sinh...v.v.. Song chế-độ bất-bình-đẳng lại thò ra san bằng theo cách đặc-biệt : nhiều gia-đình có thẻ « tây » đem phần của mình làm ơn nhường lại cho « ta », dĩ-nhiên với giá chợ đen ngòm; bạn hữu nào là > qua cho nhau một cân đường trắng hay dăm bao quẹt, thì quý biết mấy !

Đề giải-quyết vấn-đề tiếp tế. Decoux phát-động phong-trào kinh-tế tự-túc, hô hào tiểu-công-nghệ chế nhiều đồ thay thế ngoại-hóa (produits de remplacement). Khốn thay, thiếu tổ chức, thiếu nguyên liệu và cơ khí, thiếu cả huấn-luyện kỹ-thuật là những điều-kiện tối-yếu mà chánh-quyền bao lâu chẳng thành-thực tạo giúp, giới sản-xuất của ta chưa thể đáp ứng các nhu-cầu chung. Chiếc đinh chưa đóng đã quần ; giấy in sách, báo, thô, sạm, và cứng như giấy moi; vải dày hoặc gai, dày và nặng, may quần áo dễ nhàu nát; đũa khá tốt nhưng giá cao; tơ lụa chỉ dành cho phụ nữ trung-lưu.

Những hàng thiết yếu cho số đông, càng khó thay bằng nội-hóa. Thiếu dầu xăng, xe buýt xe ca phải chạy bằng hơi than, nóng và hơi ngạt thở ; thiếu diêm quẹt, người hút thuốc phải mua diêm-sinh quẹt vào que tẩm, và thắp hương vòng châm cho xòe lửa ; không có dầu hỏa, đèn ở thôn quê phải đốt bằng dầu lạc khét mòm ; thuốc tây bị đầu cơ ; đa-giê-năng làm giả với bột gạo, đã bị khám phá... Vài tiệm buôn hàng của Nhật, song hàng Nhật hồi đó vừa đắt vừa chóng hư, đĩa chén, bình thủy tuy hào nhoáng lại mỏng manh dễ bể. Tóm lại, kinh tế Đông-Dương đã kém, còn giặt lùi, và trình-độ sinh-hoạt có tiếng là thấp, lại xuống thêm vài bậc nữa.

X X X

Nạn đói Ất-Dậu

Từ tháng Chạp (1944) không thấy bóng chợ hàng sáo quen vẫn quây, gạo trắng từ ngoại-ô vào Hà-Nội bán cho gia-đình-tôi ; nghe nói thôn quê không còn dư để cung cấp cho thành-phố nữa. Nên người nhà tôi phải đi đóng gạo tiếp-tế vừa đỏ vừa rần, lại phải mang thẻ phân-phối đứng nối đuôi dài trước tiệm buôn lẻ và châu-chực hàng giờ ; có khi đợi lâu quá, đành trả một vài hào (cắc) cho người đến trước để được nhường chỗ. Chỗ đứng cũng bị đầu cơ dọ

những kẻ chuyên đi choán sớm, để buộc người nóng ruột bỏ tiền ra mua quyền tru-tiên.

Dù sao, cũng còn tạm đủ cơm : một sự quá tầm-thường như vậy, đã thành sự may mắn đáng ghi, vì càng ngày cảnh đói kém càng bi-đát. Lắm nhà đông con phải thái bột đầy-tớ, dè sền gạo, bữa cơm bữa cháo. Trẻ nghèo bới đồng rác nhặt mẩu xương hay miếng cháy. Có đứa rình trước tiệm bánh mì, gặp trẻ khác mua được một khúc, thì cướp, rồi vừa chạy vừa nhai nghiền-ngấu. Dân quê rủ nhau tới Hà-Nội kiếm ăn, vì tưởng rằng ở đây thừa gạo dự-trữ ; nhiều người chỉ xin làm việc không lương, miễn là được mỗi ngày hai bữa, nhưng chẳng ai dám mượn.

Các hội thiện phải lập những trại tạm trú ở quanh thành-phố, như tại xã Giáp-Nhất, Giáp-Nhì, Giáp-Bát, bãi cát Phúc-Xá bên sông Nhị-Hà : hàng ngàn người cầu thực được chứa tại đó, và cấp cháo nấu bằng gạo lạc-quyên. Nhưng số người cứ tăng mãi, cứu tế làm sao cho đủ ? Bao hành-khất hốc-hác như bộ xương ma, được đồng tiền không lấy, chỉ xin cơm. Một ông già đã quá đuối sức, vừa nhận nắm xôi chưa kịp bỏ vào mồm, đã lả ra tắt thở. Nhiều thầy gục chết ở đầu hè, góc chợ, được trở vô Nhà Xác thủ-đô.

Ở nhiều vùng, dân chết cả nhà, cả xóm, hay gần cả làng. Hết gạo, hết khoai, hết chó mèo, hết chim, hết chuột, hết củ chuối, người ta làm thịt... con nít. Sự thảm-khốc này, dĩ-nhiên là khó tin. Nhưng tới năm 1947, nhân dịp tản cư chạy loạn về hạt Xuân-Trường tỉnh Nam-định, tôi đã có lần bước vào một ngôi nhà trống. Hỏi vì sao nơi đây hoang vắng, thì được mách rằng không ai dám đến ở, vì cả gia-đình khồ-chủ đã chết từ năm 1945, sau khi nấu một đĩa con nhỏ làm món « nhựa mặn » ăn cho đỡ đói.

Trời ra tai, trời gieo tai ! Tôi đã từng nghe kêu than như vậy hồi 1926, khi bệnh dịch-tả sát hại hàng vạn người, khi bao năm mồ rắc vôi bột mọc trắng trên các cánh đồng. Nhưng lời thống-thiết kia, tới năm thần đói đã qua, còn vắng một dư-âm khủng-khiếp gấp bội, trước một thảm-họa chưa bao giờ gặp trong một xứ đầy ruộng lúa mệnh mông.

Số nạn-nhân đã được ước chừng một triệu, hai triệu ; riêng tôi tưởng không biết bao nhiêu mà kể. Giới cầm quyền hồi đó vì cần che đậy, đã gán lỗi cho thiên-tai. Nhưng vụ sóng biển dâng « đồ cây nước » ở miền đồng bằng duyên-hải Bắc-kỳ, tuy có gây tổn-thất, cũng không thể có hậu-quả độc hại như trên. Vì ở xứ ta, năm nào chẳng có bão lụt ? song địa-phương này mất mùa, thì địa-phương kia giúp đỡ. Còn như năm Ất-Dậu, thì nơi nào cũng bị túng đói, vì

dân phải nộp phần lớn thóc gạo cho Pháp, để nuôi Nhật ở Đông-Dương và bán cả sang Đông-Kinh, theo hiệp-ước 1941; ngoài ra, cũng vì tàu thuyền bị đánh phá gạo trong Nam không đưa được ra Bắc.

Thuở nhỏ, mỗi bữa ăn, tôi thường bị bà tôi bắt vét cho sạch bát và nhặt từng hạt cơm rơi mà nuốt hết. Cụ bảo : phí của trời, mười đời chẳng có, hạt gạo là hạt vàng đấy. Tôi rất bực, và trách cụ nghiêm đến chắt chiu. Mãi tới năm 1945, giữa cảnh đói kém, nhớ lại lời cụ dặn, tôi mới hiểu và buồn.

..

Nhật đánh Pháp

Ít lâu nay, tôi vẫn nghe đồn xi-xào về tổ-chức F. F. I ; có người bảo đó là danh-hiệu tắt của Front Français de l'Indochine, người khác lại mách là Front Français Interieur : dù sao, cũng là Mặt Trận bí-mật của nhóm Pháp theo phe kháng-chiến De Gaulle, có mục-đích do thám các cơ-sở của Nhật, liên lạc ngầm với Đồng-Minh, và chuẩn bị tiếp tay cho Anh Mỹ đổ bộ vào Đông-Dương.

Nhật thừa biết, nhưng chưa tiện phản đối ra mặt, có lẽ vì còn nể Đức. Nhưng đến 1945, Đồng-Minh càng thắng, F F I càng hoạt động ráo riết ; hình như Pháp đương mưu tính gì, nên trong các công-sở, họ hay thì thảo với nhau. Theo những người thân Nhật, quân-đội Thiên-Hoàng đã quyết định đối phó, duy theo lối nào thì chưa ai rõ.

..

Chiều 9-3-1945, sau giờ làm việc, tôi theo thói quen, đi chơi lang-thang bên bờ hồ Hoàn-Kiểm và trên vỉa hè đường Paul Bert.

Cũng như mọi ngày, vào khoảng 18 giờ, Pháp tùm năm tùm ba nói chuyện hoặc uống rượu trong những quán ăn quen thuộc, Taverne Royale và Hôte¹ de la Paix.

Tôi vào tiệm sách Taupin, đương giờ coi vài tập báo, thấy bạn L.Q.L. đến gần, ghé tai bảo : nên về nhà sớm thì hơn, có chuyện đấy. Tôi chưa kịp hỏi, thì bạn đã rời chân, xem chừng vội lắm. Tôi thấy hơi ngại ; anh thường cho tin rất đúng, vì đương làm chủ-bút một tờ báo Pháp-văn (Avenir du Tonkin cũ)

Về nhà, tôi chưa ăn cơm xong, thì đèn tắt phụt : điện bị cắt, vào lúc 20 giờ hơn. Rồi súng từ đâu nổ động trời ở khắp các phía, ngay tại trại Nhật gần nhà tôi, trước còn súng lớn, sau hàng tràng liên-thanh xen lẫn tiếng đại-bác. Chắc Nhật và Pháp đánh nhau rồi, nhưng ai tấn công ?

Hắn là Nhật, vì ngó qua cửa sổ sang phía trại Nhật, tôi thấy có ai bắn vào đầu mà Nhật cứ bắn ra, và bắn ai cứ đề đạn vọt lửa lên trời? Chỉ thiên, tức là bắn thị uy, chứ không phải là chống trả... Tôi cứ nằm đoán mò và nghe đùng đùng hay lắc-rắc suốt đêm.

Trời rạng đông, tiếng nổ đã thưa. Mọi nhà hé cửa, người nọ hỏi người kia: chi vậy? Có người chạy ra đầu đường rồi kêu: lại mà xem! Già trẻ đồn tới, thấy trên góc tường có giấy cáo-thị do ai dán từ bao giờ: Tổng-Tư-Lệnh Nhật báo cho dân chúng biết rằng quân-đội Thiên-Hoàng đã đánh đổ Pháp, thiết quân-luật để giữ trật-tự, và giúp cho VN độc lập.

Vài thanh-niên vỗ tay hoan hô, còn hàng chục người khác thì sửng sốt và bàn tán sôi nổi:

— Thế là nghĩa gì?

— Là độc-lập, hết Pháp rồi, chứ còn gì?

— Độc-lập thật à? Sao mau thế?

— Ai cai trị mình bây giờ?

— Nhật chứ ai?

— Độc-lập mà Nhật cai trị sao được?

— Mày biết là Pháp đồ đã, thế là mừng rồi!

— Đi coi các nơi xem sao...

Thế rồi một số sinh-viên phóng xe đạp chạy đi các ngã sân tin. Dăm bà e cuộc xung-đột còn dang dãi, thuê xe kéo đưa con cái lánh ra ngoại-ô.

Theo những bà con tới thăm tôi, thì đại-khái ở các khu khác trong thành phố, cũng thấy tâm-trạng tương-tự như ở khu tôi: nửa mừng, nửa lo, không ngờ, khó tin, và câu hỏi nhau của rất nhiều người là: thế rồi ra sao nhỉ?

Chỉ có anh cả P, một nhân-viên tòa Lãnh-sự Nhật, là hoan hỉ và lạc-quan. Gặp anh, ai cũng xô vào, yêu cầu giải thích về tình-thế. Anh cho biết: Pháp đã hàng ở khắp Đông-dương, ngay từ lúc Nhật mới khai hỏa, Nhật trù tính rất kỹ theo kế-hoạch thần-tốc, và tài tình nhất, là chỉ bắn rất ít đạn, và đốt nhiều pháo cối pháo dùng để Pháp tưởng là mưa đạn mà hoảng vía chịu liền. Tất cả các cao-cấp Pháp đều bị bắt, từ đô-đốc Decoux, Trung tướng Mordant... đến cảnh-binh Pháp: đây mới chính là điều khiến ai cũng thích thú.

— Sao không đề dân đánh cho chúng một trận?

Theo anh Cả, không thể nóng nảy như vậy, Nhật anh-hùng, sẽ xử tội đảng hoàng hoặc giao cho chánh-phủ ta sau này xét định...

— Chính-phủ ta thì do ai đứng ra lập?

Anh cho biết: việc này còn đương bàn tính, và phải giữ mật, nhưng chắc không phải đợi lâu, vì đã có người...

Người đó, chắc anh quen, nếu chẳng là anh. Dù sao, họ hàng cũng tin rằng phen này anh sẽ lên to. Anh thân với những Komatsu, Konagaya, Koraké, Watanabé Ischihawa vv...

Cụ Tú N. một lương-y có tiệm thuốc Bắc, quả quyết rằng:

— Chết cũng đáng, nếu độc-lập thật!

Có lẽ chưa thật, nên đến 1952, vẫn còn thấy cụ lom khom bên tủ cao, đơn, hoàn, tán.

oOo

Chiều mùng 10, Bộ Tổng Tư Lệnh Nhật ra cáo-thị đòi các công-chức, cả Pháp lẫn Việt, tiếp-tục đi làm như trước.

Sáng hôm sau, các công-sở lại mở cửa, duy có lính Nhật dạng chân đứng canh Nhân-viên Pháp, ngoài một số cao-cấp bị bắt, đều tề tựu với vẻ mặt cau có, ủ rũ, hoặc bẽn lèn, quay đi để khỏi bị chào, hoặc khỏi thẹn vì không được chào nữa.

Các Tổng-Lãnh-Sự, Lãnh-Sự và Tùy-Viên tòa Đại-sứ Nhật cùng một số sĩ-quan hành-chánh, chia nhau đảm nhiệm các chức vụ chỉ-huy. Công việc đầu tiên của họ, là tập hợp mọi cấp đề hiệu thị bằng một thứ Pháp-ngữ không lưu-loát, hoặc dùng tiếng Nhật mà thông-ngôn lúng túng dịch ra tiếng Việt.

Đại-ý là Nhật bắt-đắc-đi phải lật đổ Pháp ở Đông-dương vì Pháp mưu toan phản bội; Nhật sẽ giúp các dân-tộc Đông-dương, nhất là Việt-Nam, thu hồi chủ-quyền, chớ họ không có tham vọng chiếm đất đai làm thuộc-địa. Sở dĩ họ phải tạm thay Pháp trong buổi giao-thời, là để công-vụ khỏi bị đình-trệ mà thôi, vậy mỗi người cứ việc lo phận sự của mình.

Chỉ-huy Nhật ngồi vào phòng giấy của chỉ huy Pháp và tự xưng là « le faisant fonction de... » một thứ danh từ không có trong tự-điền Pháp, nhưng do họ đặt ra và có thể hiểu là kẻ tạm chấp quyền Toàn-quyền, Thống-Sứ (le faisant fonction de Gouverneur Général, de Résident Supérieur v.v...

Tại phủ Toàn-Quyền Hà-Nội, thay thế phó Toàn-Quyền Gautier để xử lý thường-vụ, là Tổng-Lãnh-Sự Konagaya (về sau sang làm Đại-sứ tại VNCH năm 1956). Số nhân-viên Nhật chỉ độ sáu bảy người, hầu hết không thạo sinh ngữ nào hết

Mỗi Nha ở phải bầu một đại-diện, thường thuộc ngạch trật cao nhất, đề liên lạc với các quyền Giám-đốc Nhật, phân phối hộ công việc, chuyển đạt chỉ-thị, đưa ký giấy tờ. Mọi việc vẫn tiến hành theo lệ cũ, công-văn vẫn thảo bằng chữ Pháp.

Kề cũng kỳ khôi. Giám-đốc Nhật nghe công-chức Việt nói tiếng Pháp, ít khi hiểu rõ, thì đọc làm sao nghị-định với thông-tư về quan-thuế, tư-pháp vv... ? Có khi họ giở tự-vị Pháp - Nhật tra từng chữ, lăm bặt nhắm mắt ký bừa, nhưng không quên rút ấn-tín khắc danh hiệu riêng, in một dấu son nhỏ bằng đầu cây viết chì, bên cạnh vòng dấu chính thức.

Đề phòng ngừa mọi sự khó-khăn, họ lấy lòng công-chức Việt, tỏ vẻ rất lễ-độ, gặp các đại-diện Việt thì cúi chào trước, khuyên nên cố gắng vì từ nay người Việt làm việc cho nước Việt-Nam, và hứa rằng chẳng bao lâu nữa, trách-nhiệm và quyền-hành sẽ được trao lại hoàn-toàn.

Tuy nói thế, họ vẫn chẳng tin người Việt. Họ thường bảo nhau ở tòa Đại-sứ : cho tới nay, nhân-viên Việt chỉ giữ việc thừa-hành, chưa đủ kinh-nghiệm để thay Pháp mà đảm đương trọng-trách. Vả lại, họ còn phải chờ Chánh-phủ Nhật xác định chánh-sách cần áp-dụng : hoặc đưa người Việt lên, hay chỉ tước khí giới Pháp, rồi lại ủy Pháp quản lý Đông-Dương ?

Cho nên công-chức Pháp vẫn lù lù trong các công-sở. Tình-trạng mập-mờ này khiến nhân-viên Việt khó chịu, và khiêu nại nhiều lần. Nhật an ủi rằng : chỉ tạm lưu Pháp ít ngày vì nhân đạo, để cho lãnh lương mà sống, rồi sẽ cho nghỉ hẳn hoặc trục về Âu-Châu. Pháp cũng biết thân-phận : nếu cố nán lại, chỉ thiệt cho họ mà thôi ; không những họ sẽ bị người Việt tẩy chay, mà còn mắc tội hợp tác với địch, chính-quyền Pháp rồi ra sẽ trừng phạt. Nên chỉ trong vòng một tuần hoặc mười hôm họ xin rút lui hết ; Nhật thuận ngay, vì không phải can-thiệp mà vấn đề tự giải quyết,

Chỉ ở vài nơi, mới xảy ra sự khó xử cho Pháp, đúng hơn thì cho những người đã trót thân Pháp. Nếu những ông này vẫn giữ thói niềm nở với quan thầy cũ, tất bị anh em đả kích ; nhưng nếu ra vẻ lạnh nhạt cho hợp-thời, thì có lần phải ngượng với nghĩa cũ tình xưa. Cai-Trị Al. bị một cụ Thượng ngoảnh mặt làm ngơ, lên tiếng trách liền : chắc ông chưa quên rằng cách đây hai tuần tôi vừa xin cho ông thăng hạng nhất ? Tôi vẫn nghe liêm-sĩ là đức-tính cổ-truyền của người xứ này.

ooo

Lần đầu tiên trong cuộc đời yên lặng, tôi mới đứng trước một biến-cố, nhưng cũng cảm thấy hậu-quả sẽ vô cùng quan-trọng. Nhưng tự xét chưa đủ lịch-duyet,

còn thiếu nhiều kinh-nghiem về con người, tôi đã cố nghe ngóng và nhìn nhận những phản-ứng và thái-độ của các giới quanh mình.

Thanh-niên rất phấn-khởi vì tin rằng thời-cơ mở rộng đường tiến cho dân-tộc. Tinh-thần ái-quốc bùng-bột lên cao, trong không-khí hào-hùng của một cuộc biểu-tình khổng-lồ mà mọi người nô-nức tham gia, một chiều chủ-nhật, hạ tuần tháng ba, trước đại học xá Bạch-Mai. Hàng vạn sinh-viên, học-sinh, công-chức-thợ-thuyền, theo tiếng hô-hào của P.M. trường Luật, hát vang bài « Tiếng gọi thanh niên » của Lưu hữu Phước, và sau ngót một thế-kỷ ngậm miệng, lần đầu được hoan hô muôn năm đất nước Lạc Hồng.

Tiếc thay, trong một buổi họp có tính-cách lịch-sử như vậy, mà chẳng biết lấy gì tượng trưng cho tổ-quốc, mỗi đoàn mỗi nhóm tự động may cờ, chỗ này vải xanh sao trắng, chỗ kia mảnh lụa vàng lòe, không hiểu định nói lên ý-nghĩa gì ? Hình như quốc-hồn lạc ngót trăm năm, mới trở về mà chưa tìm thấy quốc-huy để hiển hiện với bóng dáng thiêng-liêng của núi, của sông, của một sức sống muốn vươn cao và tỏa mạnh. Đáng tiếc nữa, là một khí-thể dào dạt như lớp trào dâng, mà không được ai hướng theo một đường lối nào rõ-rệt, tới một mục-tiêu nào đích xác.

Khi đó, tôi chỉ cảm thấy mơ hồ và bứt rứt như trên, và cả nhiều bạn tôi cũng thế.

Vài năm sau, ngẫm lại tôi, mới nhận thức rằng khi tới họp trước Đại-học-xá Bạch-Mai, chúng tôi mong thầm

— một người dẫn đạo biết xử dụng nguồn sinh-lực mà lớp người trẻ sẵn lòng trao,

— một ngọn cờ, một ánh sắc gọi những ngày mai tươi sáng, một biểu-hiệu và tổ-chức nào qui tụ nổi các khát-vọng, khả-năng và tin-tưởng.

Nhưng giữa 1945, chúng tôi đã được những gì ?

ooo

Pháp không còn nữa, Nhật nói rằng chẳng tiếm quyền, thì nghe lệnh ai đây ? Vua Bảo-Đại đã tuyên bố độc-lập : nhớ lại, mới thấy mình vẫn có vua. Vua đã bị quên từ lâu, vì trong hơn mười năm chẳng làm gì, nói gì cho dân chú ý, hoặc còn bị coi rẻ là khác : tuy trẻ tuổi, khỏe mạnh, đã từng du học Âu-Châu, mà từ khi hồi loan (1932) chỉ đi săn bò rừng, câu cá biển, đánh bài cho qua ngày v.v... Nhưng đâu phải lỗi nhà vua ? Pháp kiểm chế quá chặt-chẽ, quan-lại thay vì trung-quân, chỉ trung-thành với chánh-quyền bảo-hộ, dân chúng chẳng dám hay

chẳng chịu bệnh vục ; họa chẳng có Phạm Quỳnh và Phạm-Lê-Bồng nêu vấn-đề tôn-quân và phục-quyền Tộc-Quốc An-Nam (La Patrie Annamite) song không gây được tiếng dội nào, vì những người đề xướng thuyết này, lại bị trách là chỉ tìm cách tiến thân. Rồi quá quen sự vắng mặt của vua, người ta chẳng thấy cần vua nữa.

Tới nay thì khác. Các báo đều nói đến Hoàng-Đế, Ngài Ngự, hay Đức vua (xin coi lại Đông-Phát tức Đông-Pháp hay Trung Bắc Chủ-Nhật). Được hỏi vì sao tăng bốc, thì một bạn ký-giả trước kia thường chế giễu triều-đình Huế, lại tỏ vẻ sùng-sốt và trả lời sảng giọng : « Thì cũng phải có cái gì trên đầu chứ ? Không Vua thì ai bây giờ ? ... »

Tôi có cảm tưởng rằng không phải người ta theo chủ-nghĩa bảo-hoàng, song cần có lãnh-đạo, dù lãnh-đạo này chỉ thừa hưởng một uy-tín dựa trên địa-vị lịch-sử. Giả thử nhà Vua từ cung-điện nhẩy ra trước đám đông, mặc sơ-mi-dét với bộ dạng một nhà thể-thao mà thanh-niên mẫn sảo, đề nói chuyện và lôi cuốn mọi người, lập đoàn-thể, bàn việc cải-cách vv... chắc cục-diện đã khác nhiều. Nhưng hoạt động đề nắm lấy dân, thì liệu có bị Nhật ngăn cản không ? Có thể lắm, vì Nhật vốn đa-nghĩ và không thành-thực trả quyền. Dù sao nếu chịu gần dân hơn, ít ra nhà Vua cũng gây thêm nhiều tín-nhiệm.

Thiện cảm của một số người quen biết đối với nhà Vua, đã khiến tôi nhớ lại câu hát hay lời tuyên-truyền của người Bắc-hà thế-kỷ XVIII : *Lạy trời cho chóng gió nồm, Để cho Chúa Nguyễn rong buồm thẳng ra...*

Nhưng chẳng Chúa nào ra cả chờ mãi đến cuối tháng tư, mới thấy cụ Đồ Trần-Trọng-Kim với vài y-sĩ và trạng-sur hợp thành Chánh-phủ đầu tiên của một Việt-Nam được coi như độc-lập.

Tôi vốn trọng nhà học-giả. Luân-lý-học, Phật-Lục, Việt Nam Sử Lược, Nho-giáo và Đường-thi của cụ đều nằm trong tủ sách của tôi. Ngay đến biệt-hiệu Lệ-Thần cũng có âm-hưởng dễ nghe đối với tai tôi. Trong số cộng-sự của cụ, có cả những vị không xa lạ, mà người lớp tuổi tôi coi là cũng thông-minh.

Ngày đó, chẳng cụ và các vị này gánh vác việc nước, thì biết chọn ai ? Đâu có lãnh-tự chánh-đảng ? Người tranh-đấu vẫn lẫn trong bóng ; quan-lại đã bị mang tiếng quá nhiều ; công-chức hầu hết chỉ quen việc thừa-hành. Nên, trái với nhiều bạn trẻ, tôi không phàn nàn rằng nhà Vua quá thiếu về đạo-đức suông và bằng-cấp lớn. Thanh-danh và học-vấn là hai điều-kiện cần-thiết, tuy chưa đủ đề trị nước, nhất là trong thời bất-ôn. Nhưng căn cứ vào tiêu-chuẩn nào ? Hai-mươi năm sau, cho tới những ngày gần đây, chúng ta vẫn còn lúng túng trước vấn-đề lãnh-đạo, thì trách chi đàn-anh lớp trước !

Tuy-nhiên, dù thông cảm đến mức nào, lũ dưới ba - mươi chúng tôi cũng không thể hoan nghênh lá cờ... quẻ Ly của cụ. Cụ đã giải thích rằng Ly là Hỏa, hợp với phương Nam vv... Nhưng cụ càng viện dẫn ngũ-hành bát-quái, anh em với tôi càng thấy cụ muốn đem dịch-lý ngàn xưa áp dụng vào chánh-trị 1945, thì cớ ba vạch gãy phát thể nào nổi cho thể-hệ bay về tương-lai ?

Cả đến «Dân vi Quý» mà người ta bảo là của cụ mách cho vua Bảo-Đại, đáng lẽ nên đề trong sách thì hơn. Vẫn biết là dân-chủ đấy, nhưng thanh-niên thắc mắc : sao cứ phải dùng «Mạnh-Tử viết» ? Chúng tôi không muốn nghe tiếng vọng của thời xa, phải tìm khẩu-hiệu hay chiêu-bài mới, để hấp dẫn lớp người mới.

Cụ đã biết thay Tề-Tướng và Thượng-Thư bằng nhân-vật tân-tiến. Nhưng danh-từ *Tổng-Lý* Nội-Các, (tức Thủ-Tướng) nhắc cho người kém chữ Hán, những Chánh Tổng và Lý-Trưởng đáng ghê sợ của thời Pháp-thuộc. Và sao còn tái lập Khâm-Sai ? Bắc Bộ Khâm sai Phan tướng-công, sừng sừng trong chiếc áo gấm hoa vàng, tới nhận chức tại phủ Thống-sứ, trông lại lạc-hậu hơn cả những Châtel hay Chauvet, vì họ còn có vẻ thế-kỷ XX.

Danh-hiệu, quốc-kỳ, y-phục... chắc bị coi là bề ngoài không đáng kể ? Nghi thế, là quên tâm-lý quần-chúng, đại đa-số chúng tôi phải sống trong một xã-hội già nua và hay bị bắt nạt, hằng ước mong những sự bình-dị, thản-nhiên, cấp tiến, hào-hứng. Năm Ất-Dậu, chúng tôi chờ một thủ-lãnh lành, vui, và mạnh, lại chỉ được kính chào những vị quốc-thước, uy-nghi hay trịnh-trọng.

Còn nếu xét đến hành-động, tất không thể đòi hỏi những cải-cách lớn trong thời-gian ngắn, giữa hoàn-cảnh chiến-tranh, dưới áp-lực của ngoại-nhân, nhất là khi ta chẳng được chuẩn bị lâu năm như người Ấn-Độ, để tiếp thu gọn ghẽ chánh-quyền quốc-gia.

Nhưng ít ra người hữu-trách cũng phải biết việc gì cần làm trước, việc gì nên để lại sau. Ông Đốc-Lý đầu tiên của VN, vội gì và sao tốn quá ngày giờ để hạ mấy pho tượng cồ lỗ, khi dân còn đói lả, xác chết chưa được nhặt hết, phố-phường sắp bị tràn ngập bởi làn sóng nổi dậy từ xóm làng... Ông T.V.L. là người thực-tâm yêu nước. Song yêu nước là tình, và trị nước là việc.

Đ.T.

Kỳ Tới : Cách-Mạng tháng 8

ĐIỂM SÁCH

• LŨ-PHƯƠNG

(Xin xem B.K.T.D. từ số 228)

3. — Tuy vậy bên cạnh những tru điểm lớn lao như thế, người ta rất tiếc mà phải bắt những thiếu sót hoặc những sai lầm không kém phần quan trọng.

Chẳng hạn, người ta sẽ dễ dàng nhận ra nhiều khuyết điểm trong nhận định của tác giả về văn thơ cổ điển của ta và Tàu qua những giòng « Trong quan niệm văn chương của cả Trung hoa lẫn Việt Nam, làm văn chủ yếu là làm thơ Văn thơ là một. Sự phân biệt văn vần và văn xuôi không có một tầm quan trọng và có tính cách dứt khoát rõ rệt như ngày nay vì trong thực tế sáng tác các nhà văn không chú ý tới thể văn xuôi, và dù là tự sự, kể chuyện, tả cảnh hay trữ tình châm biếm cũng đều dùng thơ để diễn tả » (tr.16 bởi vì nếu ý kiến ấy phần nào đúng cho văn Nôm của ta thì nó lại bỏ qua rất nhiều thực tại văn xuôi của Tàu như văn luận thuyết của bách gia chư tử, văn sử kí không thể bỏ qua thể này trong quan niệm văn chương cổ - như *Sử kí* của Tư Mã Thiên chẳng hạn, hoặc văn nghị luận đời Đường Tống (như « bát

Tác phẩm : **Lược khảo văn-học II**

Tác giả : **Nguyễn Văn Trung**

Nhà xuất bản : **Nam Sơn — 1965**

đại văn gia »), cùng là những tiểu thuyết bạch thoại đặc biệt phát triển đời Minh, Thanh. — Trong khi bàn về sự biến đổi trong các thể thơ, tác giả chỉ nói đến vần điệu, khổ và câu, hoặc hình ảnh mà không nói đến nhạc trong thơ là một thiếu sót quan trọng; bởi vì nhạc trong ngôn ngữ mới chính là yếu tố cơ bản của thơ — dù là thơ cũ, thơ mới, hoặc thơ tự do. Trong ngữ Việt, quy luật nhạc ấy dựa trên tính cách thay đổi âm thanh hoặc bằng trắc gián cách mà nhiều nhà nghiên cứu đã nhận ra nơi các chữ « điệu » ngắt nhịp trong câu hoặc ở các tiếng cuối câu :

« Vứt mẩu thuốc (t) cuối cùng xuống dòng sông (b). »

« Mà lòng mình(b) phơi trên kè đá (t)

« Chiều không xanh (b), không tím (t), không hồng (b)

Những ống khói tàu (b) một lá (t)

Thanh Tâm Tuyền

— Cái chủ trương đi tới chỗ xóa bỏ biên giới giữa thơ và văn dựa trên tiêu

chuẩn « nỗ lực về bút pháp » thiết tưởng chỉ làm vấn đề trở nên âm u và không có lợi cho thực tế sáng tác. Bởi vì tuy thơ và văn xuôi không khác nhau trên bản chất và tác dụng, nhưng vẫn khác nhau ở những cách thể sử dụng những yếu tố *trôi bất* của ngôn ngữ trong mỗi loại. Thơ khai thác triệt để tính cách *nhạc điệu* nơi ngôn ngữ (chớ không hẳn là *văn* hay *hình ảnh*...) còn văn xuôi thì dựa trên *khả năng biện giải của lời nói* thường rất thích hợp cho sự nghị luận và miêu tả. - Chủ trương tìm yếu tính cho kịch dựa trên hai tiêu chuẩn *động tác* và *khán giả* cũng đã gạt bỏ biết bao thực tế của những vở kịch chưa diễn nhưng có thể đọc hoặc những vở đã diễn rồi nhưng vẫn có thể đọc lại — công việc đọc không làm mất *hứng thú văn chương* (nhất là nơi *kịch thơ*, và *kịch nói*); bởi vì có một hiện tượng *bản văn tách rời khỏi sự trình diễn*. Từ những buổi đầu kịch chính là tuồng chú trọng nhiều đến động tác ca múa, tự phát trong sự diễn tả mà khỏi cần biên soạn gì cả; nhưng về sau này, trong sự tiến bộ, người ta có thể viết trước khi diễn — và nhiều khi không diễn người ta vẫn viết; trong các trường hợp này, kịch biến thành *thể văn*; hiện tượng này rất giống hiện tượng *lời ca là khỏi nhạc để thành thơ* trong sự biến hóa vậy — không có thể văn lục bát thì chỉ có *hò, hát, ru*,... bằng lục bát, lục bát chỉ thành thể văn khi các nhà văn tách rời hò, hát... (nghĩa là ca ngâm) để sáng tác (1). Và thiết tưởng, trong sự biến hóa, kịch dần dà

khác rất nhiều với tuồng : động tác của kịch đơn giản nhưng bố cục của kịch chặt chẽ hơn tuồng rất nhiều, lời văn nhiều khi phải hết sức gạn lọc tỏ sức đến chỗ thật là tiêu biểu; có lẽ vì vậy mà nhiều nhà nghiên cứu đã tỏ ra có lý khi cho rằng kịch vẫn có thể nhập vào lĩnh vực văn chương khi nó được tách rời khỏi động tác.

Tuy vậy những mảnh kiến thức thiếu sót ấy chưa phải là then chốt sai lầm của tác phẩm; cái sai lầm nền tảng ấy phải tìm nơi cái quan niệm gán cho ngôn ngữ văn chương đặc tính ám chỉ gián tiếp gửi đến người đọc như những ý tưởng hàm hồ. Trong cuốn *Lược khảo văn học I*, ta đã gặp ý niệm cơ bản này trong công trình suy nghĩ của tác giả về các vấn đề định nghĩa văn chương, phê bình văn học cũng như sứ mệnh nhà văn... Nhưng nếu trong *LKVH I* khẳng quyết ấy chỉ dựa vào sự suy nghĩ triết lý của Merleau Ponty thì ở đây nó lại được nâng đỡ bằng luận cứ ngữ học cơ cấu của Ferdinand de Saussure qua các công trình nghiên cứu ngữ pháp Việt Nam của các ông Lê văn Lý hoặc Trương Văn Chình. Nói cho đúng, khái niệm « cơ cấu có ý nghĩa » (structure significative) không phải là sáng kiến độc đáo của Saussure; nhà ngữ học này chỉ đem khái niệm ấy vào lãnh vực ngữ học một quan niệm biện chứng về cái toàn

(1) Bài hát nói Việt Nam cũng nằm trong trường hợp này.

thề mà Hegel đã khởi xướng và Marx đã kế tục đề chống lại cái quan niệm siêu hình cổ điển trừu tượng sự vật ra khỏi cái vây bọc *cụ thể thống bộ* của nó. Sartre đã thu gọn, cho rằng: «*những sự kiện riêng lẻ chẳng có nghĩa gì cả, không đúng mà cũng không sai chừng nào chúng chưa được trả lại cái toàn thể hóa đang tiến bước qua trung gian của nhiều toàn thể cục bộ khác biệt*» (les faits particuliers ne signifient rien, ne sont ni vrais, ni faux tant qu'ils ne sont pas rapportés par la médiation de différentes totalités partielles à la totalisation en cours) (2). Chính vì vậy mà cùng một âm *Sol*, nhưng ý nghĩa của nó sẽ khác xa khi nó nằm trong *Do majeur* hoặc là *Sol mineur* chẳng hạn. Sự kiện đã thề nhìn trong viễn tượng nhân bản ngày nay sẽ là một hiện tượng thoái hóa, nhưng trả về một hoàn cảnh xã hội sơ khai nhất định nào đó sẽ rất hợp lý cho một nền kinh tế nông nghiệp cần nhân công nhưng không còn nô lệ nữa, nền kinh tế này lại đi kèm một cơ cấu tinh thần gồm có nhiều kiêng cử như khi người đàn bà đã có thai không được gần đàn ông chẳng hạn. Vậy về mặt ngôn ngữ, Saussure đã hoàn toàn có lý khi cho rằng muốn hiểu nghĩa một tiếng hay một câu không thể tách nó khỏi cái mạch văn hoặc cái tác phẩm đã mang lại ý nghĩa cho nó. Chấp nhận ý niệm này, tác giả đã có nhận định xác đáng: «*Lời nói không phải chỉ là tương quan giữa những yếu tố ngôn ngữ với nhau, mà*

còn là tương quan giữa những yếu tố ngôn ngữ với những yếu tố không phải ngôn ngữ» (t. 76). Nhưng rất tiếc, tác giả chỉ chấp nhận ý niệm cơ cấu trong một giới hạn nào đó mà thôi. Nếu chấp nhận ý niệm này mà thêm vào đó khái niệm *biến động* để đầy đến tận cùng sự nghiên cứu, tác giả sẽ giải thích được mối tương quan giữa hình thức và nội dung tác phẩm một cách dễ dàng, cũng như sẽ hiểu rõ mối liên hệ giữa tác phẩm và rết xã hội... vốn là những vấn đề cơ bản của mọi phê bình văn tiến bộ. Ý niệm này cho ta biết rằng muốn hiểu ý nghĩa đích thực của một tác phẩm không thể như trường «*hiện-tượng luận*» chỉ khai triển cái ý nghĩa nội tại của nó mà thôi, nhưng còn phải trả nó về cái tiểu triền khách quan của một lớp người nào đó đã sản sinh ra nó trong những điều kiện nào đó. Đàng khác, muốn thẩm định tác phẩm, người ta vẫn có thể đưa nó vào những toàn thể khác có những ý nghĩa khác hẳn: chẳng hạn bài thơ ca tụng bình minh của một thi sĩ trứ danh ở Lisbonne mà ông Lý Chánh Trung đã kể lại trong *Thế kỷ hai mươi* độ nào chỉ có ý nghĩa trong một ngày đẹp trời, nhưng nếu đưa vào một buổi sáng cả thành phố đang nhốn nháo vì hỏa hoạn điều tàn nó sẽ hóa ra lỗ bịch và bị nguyên rủa. Nếu chấp nhận đến tận

(2) J.P. Sartre — *Critique de la Raison dialectique* — Gallimard — Paris — 1950 (p. 30)

cùng ý niệm ấy, tác giả sẽ khởi phải viết thêm phần *Chú thích* của chương III, viện đến cái ý tưởng «giang hồ» về ngôn ngữ để nói lên sự chưa dứt khoát về sứ mệnh nhà văn; bởi vì nếu chấp nhận khái niệm này, ta sẽ hiểu rằng tác phẩm có thể vượt *chủ ý* của tác giả để nhập vào cái khách quan của xã hội và cho rằng sự sinh thành của tác phẩm không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên hoàn toàn cá nhân, và sự hiện diện về sau của nó lại tùy theo từng hoàn cảnh xã hội mà mang những ý nghĩa dị biệt. Nhưng mà, những chữ *nếu* ấy thật là vô lí đối với ông Nguyễn văn Trung, vì lẽ ông Nguyễn văn Trung *chỉ chấp nhận ý niệm cơ cấu ấy ở một mức độ nào đó để bỏ lĩnh vực văn học mà nhảy sang lĩnh vực siêu hình*. Nói cách khác, tác giả đã khởi đầu tìm hiểu ngôn ngữ văn chương bằng ý niệm cơ cấu và chấm dứt bằng cách than thở cho cái hàm hồ của ngôn ngữ dấu hiệu đem ngộ nhận cho đời; làm trung gian móc nối cho hai sự kiện ấy là cái sự kiện «giang hồ» trong ngôn ngữ. Ta phải nói ngay rằng giữa ý niệm *cơ cấu* và ý niệm *giang hồ* ấy không thể có một mối dây luận lí tất yếu và chính xác; vì lẽ ý niệm cơ cấu thì đúng mà ý niệm *giang hồ* thì sai hoàn toàn. Tại sao ý niệm *giang hồ* trong ngôn ngữ lại sai? Bởi vì, ngôn ngữ từ bản chất nó, vốn là một sản phẩm hoàn toàn xã hội mà mỗi *tiếng* chỉ là một *âm* đưa về một *nghĩa* hoặc nhiều, *nghĩa nhất định*; ý nghĩa này phải *nhất định*, vì nó không hoàn toàn tùy

thuộc sự xử lí theo ý chí cá nhân, nhưng là do sự *chuyên đoán* của cả một xã hội mặc ước giao phó cho nó. Thật khó lòng nghe người ta bảo mình là «súc sinh» mà vẫn nhấn rằng nham nhở — trừ phi là đề cấn! Và càng đáng ngạc nhiên hơn khi nghe Tao đàn ngâm bài *Đêm mưa* của Huy Cận mà lại nổi hứng nhảy nhịp *mambo*! Tách rời từng tiếng, tiếng mang ý nghĩa *nhất định*; tiếng hợp từng câu, câu lại tạo thành nghĩa *nhất định*; các câu tạo thành một tác phẩm, tác phẩm cũng không thể nào không mang ý nghĩa *nhất định*. Có điều đáng lưu ý là nơi một tác phẩm văn học định nghĩa như một vũ trụ của người và vật sinh động giao tiếp với nhau, thì tự cái toàn thể nhất quán ấy nó bốc thoát ra ý nghĩa chớ không cần giảng giải lời thôi. Nó không ám chỉ gì hết: nếu cho rằng ngôn ngữ văn chương chỉ là một ngôn ngữ ám chỉ là đã nói một điều vội vàng và sai lầm. Bởi vì, mỗi liên hệ ám chỉ xây dựng trên mỗi *liên tưởng tương đồng giữa các hình ảnh*, chớ không phát xuất từ cơ cấu bất định của ngôn ngữ như tác giả tưởng. Các câu đố thanh giảng tục mà tác giả ưa viện ra để chứng minh cho chủ ý của mình cũng chỉ trở nên thú vị vì đã gợi nhắc người nghe qua hai sự kiện tương đồng đó mà thôi — tương đồng như trong những chế độ bạo tàn, người ta phải mượn chuyện cổ tích bên Tàu để hiện thực vậy. Tuy nhiên, không phải tất cả văn chương đều phải là những câu đố và tất cả mọi nhà văn đều phải nói chuyện đời xưa.

Ngôn ngữ văn chương đều phần nhiều trực tiếp nói về một chủ ý nhất định, nếu không nó sẽ trở thành một thứ thái độ âm u mờ mịt — nhưng *không nói bằng giảng giải lý luận mà nói bằng hình tượng cụ thể do ngôn ngữ diễn đạt*, như cái hoa hồng tự khoe sắc thắm của mình mà không cần ai vẽ vờ, và như cái thây ma rữa tự tỏ bày sự rùng rợn của mình mà không cần ai giảng giải lời thôi. Mọi sự giảng giải nghệ thuật sẽ hợp lý trong sự phê bình nhưng chỉ tố cáo cái bất lực của nghệ sĩ trong sáng tác. Thiên tài, đứng về mặt hình thức mà nói, là người có cái khả năng *thể hiện* một cách sâu xa và linh động cái cụ thể của cuộc đời trong muôn ngàn dạng vẻ phức tạp của nó, và dĩ nhiên là người đã xử biện ngôn ngữ đến chỗ vẹn tròn để diễn đạt trung thực cái hướng nhìn đời của mình — nếu nói về phần thực chất. Người đọc có tham dự trong tác phẩm cũng sẽ chỉ khai triển cái ý nghĩa sâu xa ấy để dễ bề linh hội và phê phán mà thôi. Ý niệm *cơ cấu biến động* sẽ giúp chúng ta phương tiện đắc lực trong việc tìm hiểu ý nghĩa *cụ thể* và *khách quan* của tác phẩm định nghĩa như một công trình *văn hóa* của loài người. Ý niệm ấy không thể nào đi đôi với chủ trương ngôn ngữ « *giang hồ vô định* » được. Người ta có nghĩ đến hai trường hợp : một là tác giả đã suy đoán (extrapoler) vội vàng từ ý niệm cơ cấu sang ý niệm *giang hồ*, *thành thật* tin rằng đó là một tương quan hợp lý để tác giả suy tưởng về đời ; hai là

tác giả đã cưỡng bức sự kiện khoa học để nói chuyện siêu hình như Bergson ngày xưa đã đi từ những « *con đường thực tại* » để chứng minh cho linh hồn bất tử ; dù trong trường hợp nào, tác giả cũng không thành công trong ý chí muốn nhờ ngữ học để tìm hiểu văn chương.

Nhưng nếu chỉ xác quyết đó là một sai lầm có tính cách *hình thức* do sự suy đoán vội vàng mà ra, chúng ta đã đi ngược lại nguyên tắc của Hegel chủ trì rằng *sự sai lầm hình thức thiết yếu do cái sai lầm nội dung quy định*. Sự sai lầm hình thức ở đây đã biểu lộ một nhân sinh quan đặc biệt của tác giả. Đó là một nhân sinh quan vừa tích cực vừa tiêu cực, vừa say mê con đường rộng lớn của xã hội lại vừa luyến tiếc cái âm u của một tâm thức cá nhân bất lực trước đời sống — đó là một nhân sinh quan khắp khênh gập ghềnh. Sự tích cực và tiến bộ ấy hiện rõ trong sự phê phán những quan niệm văn học đời phở cá nhân để hướng tới đông đảo quần chúng đang âm thầm lăn bánh xe lịch sử về tương lai ; nhưng phần tiêu cực lại không dấu được hình hài của nó trong những suy tưởng vu vơ về những sự xao xuyến, hàm hồ... của triết lý hiện sinh. Người đọc sẽ dễ dàng nhận ra những mâu thuẫn này khi thấy tác giả phủ nhận thái độ bế tắc của nhóm siêu thực và phe *Xuân thu nhũ tập* nơi chương I, khi thấy tác giả đề cao kịch « *cách mạng* » của Brecht nơi chương II,

Và khi thấy tác giả chủ trì nền văn chương chính trị và xã hội nơi chương III — những tư tưởng tích cực này đã đi bên ý niệm giang hồ ngộ nhận trong ngôn ngữ một cách gượng ép như vừa mới đề cập và nó còn đi bên nhiều trang sách trình bày về thơ tự do hay kịch của Ionesco hay Beckett mà *không phê phán*. Bởi vì nếu phê phán về thơ tự do, tác giả đã phải nói rằng đó là tâm thức của một lớp người trí thức phân hóa bất lực trước cái lớn lao của đời sống nên quay về nỗi loạn với hư vô và phá phách chống đối cuộc đời để gây cái ảo tưởng cao siêu của mình; tác giả sẽ phải nhìn qua kịch của Ionesco và Beckett như một sản phẩm nghệ thuật của xã hội tư sản Tây Phương trong đó hàng hóa thị trường đã biến thành một giá trị tự tại phi nhân chèn ép đến ngộp thở những giá trị nhân văn đích thực — điều này hiện rõ qua sự trỗi bật của các *đồ vật* trong các kịch tác của Ionesco đang đè bẹp con người y hệt như đồ vật trong tiểu thuyết của Robbe Grillet vậy. Có phải sự trình bày không phê phán ấy là do sự thiếu sót về vai trò của một người giáo dục và biên khảo? Thật ra không hẳn là như thế; bởi vì đó còn là một sự *chấp nhận âm thầm những quan niệm đời bất lực* nữa vậy. Người ta có thể đi xa hơn để nói rằng đây chính là cái phần tình cảm thâm sâu của những con người như tác giả — những con người bị cái thực tại lớn lao của quần chúng tác động vào nhận thức, lại nhờ sự tiếp xúc với những sách vở tiên bộ và trở nên yêu mến lẽ phải công bằng; nhưng và đó chỉ là những nhận thức thuộc phần *lí trí trừu tượng* chưa được tình cảm vượt ve,

chưa có *hành động* nâng đỡ, chưa có *lực lượng* bảo đảm nên dễ dàng cảm thấy cô độc bơ vơ. Điều này còn hiện rõ trong thái độ cố gắng chứng minh cho cái ảo tưởng bất lực của chủ trương nghệ thuật dẫn thân; bởi vì phải đề rất nhiều thì giờ phủ nhận mà chỉ rút ra một thứ kết luận *đương nhiên* — đó là cái giới hạn của văn chương đối với thực tại cuộc đời — phải chăng tác giả đã chưa thật sự tin tưởng nơi cái quón niệm của mình? Đứng từ *khách quan* mà xét, văn chương chỉ là là một thành phần trong sinh hoạt xã hội; nhưng đứng từ *chủ quan* của những người gắn bó thực sự với đời sống, lời nói nhiều khi thật có tác dụng nhiệm mầu, vì trong trường hợp này, lời nói thiết thân đưa về hành động — hành động của bản thân mình cũng như của khách quan xã hội. Lời nói của kẻ *chỉ* biết nói như một tuyệt đối thiết yếu là lời nói của những kẻ bất lực.

Phải chăng đó là cái thực tại tâm hồn của những người như tác giả — những con người đã bắt gặp xã hội nhưng chưa thực sự đi theo xã hội? Và như thế, chừng nào chưa *đứt khoát* trong sự chọn lựa thật sự, tác giả còn gặp nhiều mâu thuẫn trong thái độ của mình — sự mâu thuẫn mà tác giả mang theo từ hầu hết các tác phẩm khác (nhất là trong *Lược khảo văn học I*) vào đây lần nữa. Và cũng như thế, công trình của tác giả chỉ còn được chấp nhận ở những *mảnh vụn* về kiến thức lẫn quan niệm; còn cái *toàn thể* nhất quán muốn được vẹn tròn, thiết tưởng tác giả chỉ có thể giải quyết ở trong hành động (praxis) mà thôi.

LỮ PHƯƠNG

NGUYỄN
ĐỌC SÁCH

PHẬT GIÁO hay CỘNG SẢN *lực-lượng nào nắm giữ tương-lai Châu Á*

Tác giả : ERNST BENZ

Dịch giả : RICHARD & CLARA WILSON

VÀI GIÒNG VỀ CUỐN SÁCH VÀ TÁC GIẢ

Giữa lúc hai lực lượng chủ yếu và đối nghịch — Ki-tô Giáo và Cộng Sản Chủ Nghĩa — đang chi phối và biến đổi cuộc sống của dân chúng Á-Châu, thì một lực lượng thứ ba ra đời : Phật Giáo phục hưng.

Cái lực lượng mới đó mang sắc thái nào ? Có sứ mệnh gì ? Thực lực ra sao ? Vai trò của nó được Tây phương và Cộng Sản nhận định như thế nào ?

Tất cả những nghi vấn và thắc mắc đó đã được một học giả Âu châu Ernst Benz có thẩm quyền về thần học Đông-Phương mổ xẻ. Sự phân-tách và mổ xẻ của Ông căn cứ trên những kinh-nghiệm sống và nhắm vào « biểu hiện của P.G ngày nay » (1) nhất là « vai trò của P.G ngày nay trong việc hình-thành tư-tưởng xã hội và chính-trị tại những nước] Phật giáo mới giành được độc-lập chính-trị sau Đế Nhị Thế Chiến » (1). Mổ xẻ phân tách một xác ướp không phải là công việc của tác giả trong cuốn sách này.

Ernst Benz là giáo sư về Lịch sử Giáo Hội và Giáo Lý đồng thời là Giám Đốc Viện Công-Đồng tại Đại Học Đường Marburg, Đức Quốc. Ông đã du-khảo tại Á Châu thu lượm được

(1) Trích trong Lời T. a.

những tin tức đầu tay và đã dùng trong bản phân-tích phong phú về tài liệu, hợp thời và táo bạo sau đây về những biến động chính-trị sôi nổi tại Á Châu. Trong năm 1952 — 1957 ông được mời sang diễn giảng tại Đại Học Doshisha tại Kyoto, Nhật Bản, và đã gặp nhiều vị lãnh đạo của ngành PG hiện đại hóa tại Ấn Độ, Miến Điện, Tích Lan, Thái Lan, Hồng Kong và Phi luật Tân Việc diễn giảng tại nhiều trường Đại Học của Phật Giáo cũng như tiếp xúc với các chuyên-gia địa phương cũng như ngoại quốc, những người đã giúp ông thấu-hiểu thêm sự phát triển nghịch lý về chính trị cũng như trí thức tại Á Châu. Buddhism or Communism là kết quả của sự khảo cứu công phu vừa kể và là một cuốn sách quan trọng đầu tiên của thế giới Tây - Phương đã phân tích cái tầm quan trọng của Phật giáo trong tương lai chính-trị của Đông phương.

Cuốn sách dày 234 trang, chia ra làm nhiều tiết mục bàn về :

- Sự phục-hưng của Phật Giáo
- Phật Giáo Thống Nhất
- Học thuyết Chính-Trị và Xã Hội của P.G
- Các trường và các Đại Học P.G
- Phật giáo và khoa học hiện đại
- Tình trạng của P.G tại Liên bang Xô viết và mối liên-hệ của nó với P.G tại Đông-Nam-Á.
- Vai trò của P.G trong chính sách đối nội và đối ngoại của Cộng-Hòa Nhân Dân Trung Hoa
- Phật giáo phê bình Cộng Sản.

...

I. SỰ PHỤC HƯNG CỦA PHẬT GIÁO

A. ĐẠI QUAN (1)

Hiện tượng phục hưng của Phật giáo tại Á châu đã được tác giả coi như là một trong những biến cố «đáng kinh ngạc».

Kinh ngạc là vì cả thế kỷ nay ai cũng nghĩ rằng đạo Phật đã «chết» rồi đã

«mục rữa» rồi. Kinh ngạc là vì «nếu so sánh vì nỗ-lực Ki-tô-giáo-hóa Á Châu mấy chục năm gần đây của Hội Truyền Giáo với các Giáo Hội tăng già thụ động thì ta

(1) Căn cứ phần lớn trong bài tựa của cuốn sách

chỉ có thể ngạc nhiên nếu thấy Phật giáo còn lại chút gì». Cơ quan truyền giáo Ki-Tô giáo tại Á Châu, theo các giả, được tài trợ phong phú, trong tay có các trường sở tốt, có những cơ sở chặt chẽ biết xử dụng những kỹ thuật mới về liên lạc, tuyên truyền cũng như biết áp dụng tâm lý. Lại nữa công cuộc truyền đạo Ki-Tô trên đất Á châu này, theo tác giả, đã được thực hiện theo cùng với «cuộc bành trướng về chính trị và kinh tế của các lực lượng thực dân phương Tây». Mà lực lượng sau này đi đến đâu là xô ngã lực lượng chính trị mà P.G có lực nhờ ở vai trò quốc giáo (Miến Điện, Tích Lan). Mất đi sự hỗ trợ của Quốc Gia, bị tước đoạt đất đai thuộc tu viện chùa chiền, đạo Phật tại các nơi đó không tránh khỏi bị suy sụp cả trong lẫn ngoài.

Thế thì cái gì đã làm cho cái tôn giáo có một tổ chức lỏng lẻo yếu ớt ấy sống sót đến ngày nay và lại hồi sinh mạnh mẽ mà lăm le trở thành «một yếu tố quan trọng trong cái biểu hiện tinh thần và vận mệnh vị lai của Châu Á»? Theo tác giả thì Phật giáo không phải chỉ là «một thứ triết thuyết, mà nó là một tôn giáo đã hình thành cuộc sống của toàn thể dân chúng hay đa số dân chúng và nó đã qui định đường hướng trong mọi lãnh vực cũng như trong mọi giai-tầng xã-hội». Rõ nó đã ăn sâu và đâm rộng vào đất đai của các vùng theo Phật giáo tại Châu Á. Nó đã không chỉ giới hạn trong lãnh vực chùa chiền, nó đã ở trong lòng từng người dân, thế nên

khí nước mắt, đạo suy, khi các Tăng già vốn quen «ầu dưới ánh trăng lặng lẽ» không làm gì được để chống lại các lực lượng thực-dân phương Tây, tước đoạt quyền hành, thì các « cá nhân Phật-tử tại khắp mọi nơi đã đóng những vai trò cốt cán trong cuộc kháng chiến chống các quan thầy thực dân Tây Phương». Đã là nòng cốt của lực lượng chống Thực dân, thì khi ách thực dân đã cởi bỏ được, dĩ nhiên lực lượng đó phải vươn lên. Đó là lời giải thích tại sao lại có cả một phong trào phục hưng Phật Giáo tại Á châu sau đệ nhị thế chiến. Đó là lời giải đáp cho những thắc mắc tại sao Phật giáo Á châu hồi gần đây nhuộm màu sắc quốc gia cực đoan, sao nó lại trở thành «một lực lượng đối kháng lại trào lưu dân-chủ Tây Phương và chủ nghĩa Cộng-Sản đang đồ dòn vào đất Á».

Thế nhưng chúng ta không quên rằng nếu các tên thực dân và các nhà truyền giáo phương Tây vẫn thường bị coi là nguyên nhân suy vi của Phật Giáo thì đã có một số học-giả Tây phương cũng góp phần vào việc phục hưng đạo Phật kể từ thế kỷ 19. Những nhà học giả này đã hết sức xúc động trước cái sắc thái phóng khoáng của giáo lý nhà Phật. «Nhiều người đã lớn lên trong cái không khí ước-lệ của Ki-Tô giáo. Sự tiếp xúc với Phật giáo — hay đúng hơn với nhân cách của chính đức Phật — lần đầu tiên đã mang lại cho họ một kinh nghiệm thực sự tuyệt vời». Họ đã trở thành «đệ tử của Phật

Đà». Những người «cải đạo» này đã cố gắng sửa đổi cái quan điểm truyền-thống thuần túy tiêu cực coi Phật giáo như một tín ngưỡng phiếm thần và ngẫu tượng mà các nhà truyền giáo Tây phương lúc bấy giờ chấp nhận như một thái độ thông thường. Những người này đã «tự chỉ định mình như những phát ngôn nhân của cái nội-dung tôn giáo tích-cực của Phật giáo». Họ đã đóng một vai trò hết sức quan trọng trong nền Phật-giáo hiện-đại. Họ đã biên khảo những tài liệu uyên bác về đạo Phật, góp phần vào công cuộc truyền đạo, tích cực trong việc tạo lập và hướng dẫn các tổ chức Phật giáo Á châu, và nhất là đã lôi kéo được nhiều phần-tử trí-rhức Âu-hóa trở về với dân tộc và đạo pháp. (1)

Người ta thường nói đến hàng ngàn pháp-môn của đạo Phật như một điển-hình của tính-chất thích ứng của đạo này. Trào lưu phục hưng của Phật-Giáo hiện-đại vì vậy cũng bị các yếu-tố hoàn-cảnh địa phương và địa-bàn phát triển chi phối. Đạo Phật ở Ấn biểu-hiện như một cứu-cánh của sự giải-thoát khỏi sự kỳ-thị giai cấp, ở Tích-Lan Miến-Điện đạo Phật được coi như cứu cánh của sự giải-thoát khỏi ách nô-lệ ngoại bang, ở Nhật Bản đạo Phật được coi như cứu cánh của sự giải-thoát khỏi sự tủi nhục của dân tộc thất trận. Nhưng tựu trung đạo Phật tại các nơi đó đều có tính chất dẫn thân và nhắm chung vào việc xây dựng một xã hội tốt đẹp căn cứ trên giáo lý Phật đà.

Theo tác giả cái sắc thái rõ rệt nhất của đạo Phật phục hưng là sự « ý thức rõ rệt về sứ mệnh chính trị » đó là « đối kháng lại thế-giới Tây Phương ». Vẫn theo tác giả thì quan điểm của nền Phật giáo mới tại Á Châu là « các nước Phật giáo Á Châu có nhiệm vụ đặc biệt đạt-thành cái quan-niệm Hòa bình của Phật giáo ». Một sự kiện đặc biệt không kém là sự nảy sinh một « ý thức chung » trong thế giới Phật giáo mới, một phong-trào thống-nhất được phát khởi lấy cùng đích là vượt khỏi những đổ-kỵ giữa hệ phái Phật giáo Nguyên - Thủy và Đại-thừa.

Thế nhưng thực lực của phong trào Phật giáo mới ra sao? Nếu so theo tiêu chuẩn của hai lực lượng đang chi phối Á Châu — ki-tô Giáo và Cộng Sản — thì xem như họ không thể sánh được. Họ kém về tổ chức, tài chánh; nhất là so với Cộng Sản thì cái cộng đồng tăng-sĩ yếu ớt đó làm sao có thể chống đối nổi cái khí thế cách mạng hung hãn của họ. Phật giáo Á Châu xem chừng chỉ như một lưu-tích của quá khứ hay chỉ là một bộ-phận của nền văn-hóa dân gian của Á Châu.

Ấy vậy mà, theo tác giả, Phật giáo đã chứng tỏ là tôn giáo họ có thể là một lực-lượng tạo - dựng trong sinh - hoạt nghệ-thuật và tinh thần của Á Châu cũng như trong sự phát triển chính-trị và xã hội của đất này. Nó đã đóng góp một

(1) Điển hình là trường hợp Tích Lan, Ấn độ.

phần quyết-định vào cuộc canh tân chính trị tại vài nước tại Đông-Nam-Á như Tích Lan, Miến Điện và Thái Lan.

« Hình như cái yếu ớt về tổ chức, cái mỏng manh về phương diện xã hội và chính-trị của Phật-giáo cái nụ cười chối từ phương pháp tổ chức hữu hiệu của Tây phương, đã hàm chứa một mãnh lực kỳ dị, một lực bất - khả xâm có một không hai. Thực vậy giới Phật giáo và các chi Phái đã biểu dương một khả năng hóa-giải các vụ khủng-hoảng trầm trọng cũng như đã vượt qua được nhiều chứng bệnh hư-hoại nội bộ. »

Thế nhưng Tây phương không ý thức được các vai trò quan-trọng của Phật-giáo Á-Châu. Vì theo tác-giả có lẽ họ đã là « nạn nhân của định-kiến Tây phương » muốn đo lường Phật-giáo qua những hành động cũng như sự mạnh mẽ về tổ chức và tuyên truyền. Mà « cái lực lượng tinh thần sinh động của Phật-giáo lại không có thể nắm được dễ dàng như thế — nhất là bằng cách thống kê. »

Trở trêu một nỗi là kẻ duy nhất ý thức được vai trò quan-trọng của Phật-giáo Á Châu lại là Trung Cộng ! Chính tác giả đã coi việc Trung Cộng cố gắng hết mình để lôi kéo các Phật tử tại Đông-Nam-Á và Nhật Bản bằng các cuộc tuyên truyền khéo léo về chính trị, văn hóa như một biểu hiệu của sự « công khai thừa nhận Phật-giáo như một lực lượng trí thức và chính trị đáng kể tại Á Châu ».

(Còn tiếp)

NGUYỄN

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Tập bút (III)** của Võ-Phiến do Thời Mới xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang gồm 6 bài tiểu-luận : Cá tính địa phương, cách yêu mỗi thời, lối yêu hôm nay, bề dâu trong tiếng nói, người đời giống, tờ báo. Bản đặc biệt không để giá.

— **Linh hồn cỏ biếc tập thơ** của Phở Đức và Hoàng Hương Trang do Nhân Chứng xuất bản và tác giả gửi. Sách dày 64 trang gồm trên 30 bài thơ ; phụ bản của Duy Thanh và Hoàng Hương Trang giá 60đ.

— **Giáo dục gia đình những chỉ dẫn hợp lý nhất của khoa giáo-dục hiện đại**, do Thiên Giang Trần Kim Bảng soạn, Hội bạn trẻ em V.N. xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày 88 trang giá 36đ.

— **Lòng mẹ nở hoa**, chuyện tích chọn lọc của Hàn Xuân, do Hội Bạn trẻ em V. N. xuất bản và tác-giả gửi tặng. Sách dày 110 trang gồm 14 truyện giá 32đ

NHÀ IN

PHẠM-NGŨ-LÃO

293, Phạm-ngũ-Lão — Saigon

ĐT 91.902

Nhận in sách báo và ấn chỉ văn phòng — Giá rẻ hơn các nơi

KỸ LƯỞNG — MỸ THUẬT

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ

SAIGON

Tel. 25764 — 21497

CHOLON SUB-BRANCH

130-132 Đại-lộ Khổng-Tử

CHOLON

Tel. 38254



HEAD OFFICE :

Plapplachai, Bangkok

OVERSEAS BRANCHES :

London : *Barrington House 59-67 Greensham Street, London, E. C, 2*

Tokyo : *No 1, 2 Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo.*

Taipei : *No 24, 2nd Sce. Chung San Road North Taipei.*

Hongkong : *26-30, Des Voeux Road West.*

Central district : *Shell House, Queen's Road.*

Kowloon : *580 A. Nathan Road Kowloon.*

Singapore : *55 New Bridge Road.*

Kuala Lumpur : *105 Jalan Bandar.*

New York Representative

Office : *44 Wall Street New York 10005 N.Y.*

● MỘNG TRUNG

Bài đăng từ BK.TĐ. số 215

Hôn nhân dị chủng

Nguyên nhân đi tới ly dị

(Xin xem từ BK.ID. số 220)

Làm sao hở bạn ? Thiếu thốn về nhu cầu vật chất thường làm ly tán vợ chồng đồ vỡ hạnh phúc. Nếp sống phù hoa ít khi tạo được những quả tim vàng tháng năm có thể chịu đựng gian khổ, trơ trắt với băng giá, và thử thách của cuộc đời. Nhưng trong thực tế, lắm khi người ta đã đầy đủ vật chất, sướng thỏa về tinh thần rồi mà họ cũng không thể nào khóa yên được những thao thức của tình cảm thiết tha, tế nhị về chủng tộc ở sâu tận đáy tim hồn. Nó bơ vơ, lạc lõng bởi bao nhiêu khác biệt do ngoại cảnh và nội tâm trong cuộc sống chung với người bạn đời dị chủng. Và trường hợp của ông L. dưới đây càng minh xác điều đó.

Ông L. được mộ sang đây trong thời gian Pháp chống Đức. Giặc yên, cũng như tất cả bạn đồng đội của ông, mỗi người đều có việc làm trong một hãng xưởng.

Bạn cũng biết ông L. và hầu hết bạn bè của ông đều không nghĩ đến ngày hò hương vì lẽ thiếu phương tiện. Rồi mỗi người cố nhiên phải lập gia đình với vợ Pháp.

Công việc hằng ngày của thợ thuyền luôn luôn cực nhọc. Quần quật cả ngày ở sở làm, về nhà họ mỗi mệt lắm rồi, nhưng cái việc tối thiểu mà họ phải đề ý là làm cà phê sáng cho vợ, chiều rửa chén và chứa nhật giặt đồ cho cả hai vợ chồng.

Ông L. bảo không phải chỉ có riêng ông cực nhọc mà phần đông bạn bè ông đều như vậy cả. Hình như các bà vợ đặt sẵn chương trình làm việc cho các ông thì phải. Vợ ông thì phẩn sắp, y phục, giầy bóp nhồm nhá; bà bạn đi mua sắm nhiều hơn bạn với chồng và công việc nhà. Khéo léo và « nguy hiểm » nhất là mỗi khi bà; vợ đánh chụt đôi môi đỏ chót lên má ông L. một cái hôn gió và gọi ông ngọt ngào vài tiếng « sê ri » là lần nào cũng như lần nấy, ông L. nghe như có một mớ công việc thuộc về phần vợ mà hôm đó ông phải làm thế. (1)

Ông L. có cảm giác mình làm mọi không công, không có phần thưởng, mà phải dốc đồng lương mồ hôi nước mắt hằng tháng vào túi vợ. Ông không có con mà tiền chẳng thấy dư. Ông chỉ có vừa đủ ăn mặc mà vợ ông thì quá đầy đủ. Bà thường đãi cơm những người đồng chung mà ông L. được nghe bà giới thiệu là bà con, anh em bên mình. Cơm rượu chán rồi, họ hợp năm hợp ba đi dạo phố hoặc đi xem chớp bóng, ăn chơi suốt ngày chủ nhật. Vợ ông bảo nếu mệt thì cứ ở nhà.

Ông L. thích nằm nghỉ một mình ở nhà vì ông mệt thật. Và lại, đi với họ ông có cảm giác mình lạc đàn. Tiếng nói không đủ đề trò chuyện cho trôi chảy, có đâu mà văn vẻ hay thẩu đáo được những lời cạnh khỏe của họ.

Ông L. chịu không nổi cách sống và giao thiệp của vợ, nhất là miệng bà lúc nào cũng nặc mùi rượu, mấy móng tay móng dài đỏ chót lúc nào cũng có cặp điều thuốc thơm hút quá nửa là giụi bỏ.

Ngoài những câu nói ngọt ngào lịch sự, cơm dọn đúng bữa, luôn luôn có mặt tại nhà lúc ông ở sở về, bình như vợ ông L. không còn gì thấm thiết hơn đề cho ông ấm được một đời làm chồng. Ông suy nghĩ nhiều lắm khi giữa buổi làm việc, ông giả đau xin chủ về nhà nghỉ thì không lúc nào ông gặp vợ ở nhà. Theo dõi vợ, ông L. thấy trước giờ ra sở của ông độ mười phút thì vợ ông về nhà với một người đàn ông và giới thiệu với ông là anh họ, anh ruột v.v..

Ông L. ly dị vợ ra đi với hai túi rỗng. Rồi cuộc đời cô độc của một anh lính thợ nghèo tha hương thiếu học không có cơ tiến lên cảnh nào sáng sủa hơn, ông lại tìm an ủi ở người vợ Pháp thứ hai !

Ít lâu cảnh cũ cũng lại diễn ra và ông L. lại ly dị lần thứ hai.

Năm nay ông L. đã ngoài 50 Ông đã phiêu lưu gần khắp nước Pháp với một mớ tiếng bồi mà ông vẫn có rất nhiều tiền, nhờ hai bàn tay quen chịu nặng nhọc và tánh thích làm việc của ông. Sau lần ly dị thứ 3 với người vợ Việt me tây — ông L. có người vợ thứ tư; một chị bếp người Việt. Chị này buồn chuyện tình duyên trắc trở bên nhà. muốn quên đi vãng chị xin chủ đem chị sang Pháp làm ăn nuôi 4 đứa con. Ở với chị, ông L. sống lại với cái mộng mà ông mơ ước khi còn là một thanh niên ở tại đất nước nhà. Ông vui vẻ cười mở : « Bà xem, tuy là con của ai đâu, nhưng yêu vợ thì phải đỡ con, như vậy vợ con nó mới thương quý mình. Có vợ con người Việt, nói tiếng Việt, ăn mặc theo Việt, giao thiệp, đối xử theo cách người Việt, có bạn bè người Việt, tôi bây giờ mới thấy mình sống và sống gần tất cả những cái gì quen thuộc ở thuở xa xưa mà tôi đã đánh lạc mất từ lâu. Tôi chỉ thương những bạn bè, bà con của tôi, có rất ít người lấy được vợ Pháp hiền hậu, chất phát làm ăn. Hầu hết họ được vợ toàn thuộc hàng ăn chơi, rồi suốt đời họ phải làm lụng cực khổ mà vẫn tay không lại bị tình phụ là khác. Tôi muốn kiếm vợ Việt cho những người bạn thiết, bà con, mà bà xem có dễ gì, trên đất nước này ? ! »

Trước khi cùng chung chia xẻ cuộc đời mặn ngọt với người yêu dị chủng, nếu không tin tưởng và chắc chắn mình sẽ được hạnh phúc thì không ai đi đến kết hôn làm gì để cho hỏng cuộc đời mình và làm khổ người yêu như những trường hợp trên. Nhưng bạn ạ, trong tiềm thức con người còn tàng ẩn bao nhiêu phức tạp tự nhiên nó làm cho cái nỗi niềm hoài cổ, cái chất tôn chủng và di truyền huyết thống thỉnh thoảng sống lại và bùng dậy dày vò con người. Nó đòi hỏi cho mình hoặc cho thân quyến, bạn bè của mình một phối hợp tự nhiên không gò ép, một trao đổi, nhận và cho không gượng gạo, một sự đáp lại cùng một nhịp, một hướng, một vị, một màu với nó thì nó thì nó mới chịu yên thỏa.

Bạn đã thấy qua trong bài này những mẫu đời tình ái với người dị chủng của thanh niên non dại không nghề nghiệp nuôi gia đình, lính thợ thiếu học phải làm lụng vất vả, sinh viên con nhà khá giả nhưng thiếu kinh nghiệm sống, sinh viên đi chưa tới đích vẫn cố gắng học thành tài bảo bọc vợ con, mỗi người mỗi cảnh đều bị, đều gặp một lý do khiến họ phải đi đến ly dị với người yêu dị chủng.

Vậy những văn nhân, thi sĩ biết tạo, biết tìm những nét sống tế nhị, sâu đậm, hòa hợp đề điếm tô, nuôi dưỡng tình yêu, những người học rộng, tài cao, sẵn nghề sẵn cửa, thừa phương tiện tạo hạnh phúc, những người từng trải, giàu kinh nghiệm, biết dè dặt đắn đo, biết dọn một lối đi trơn tru để bước được vào cửa tương lai sáng đẹp, bạn hãy cùng tôi, thử nhìn qua, để biết họ có được hạnh phúc lâu bền với người bạn đời dị chủng hay không.

Ông B., con một gia đình quyền quý và giàu có, được xuất ngoại từ lúc 12 tuổi. Sau khi đỗ bằng bác sĩ y khoa ông thương một thiếu nữ Pháp, cô J., con nhà quý phái, đẹp người, học rộng và đỗ cao. Cô J. đã có vị hôn phu người Pháp, nhưng ông B. và cô J. tâm đầu ý hợp, yêu nhau say mê đến mức cô J. phải cự tuyệt với vị hôn phu để hứa hôn với ông B.

Sau một thời gian thử thách 7 năm để tìm hiểu nhau về mọi khía cạnh, hầu khỏi hối tiếc về sau, đồng thời, cũng để tạo cơ sở vững chắc cho tương lai rồi hai người mới lại cưới nhau.

Bà bác sĩ B. nhiều lần theo chồng về Việt Nam, bà mua nhà cửa và đồn điền định sống lâu dài ở quê chồng. Hai vợ chồng bà sống trong hạnh phúc vàng son ngọt 11 năm với hai đứa con thông minh khỏe đẹp.

Nhưng ngày kia, trong một thoáng gió, một luồng nắng, một giọng nói, một khuôn mặt, một dáng người, một khung cảnh phơi bày quanh quất đó đây khiến cho vợ chồng bác sĩ B. đột nhiên nhận rõ lòng mình từ lâu bị gói kềm trong thứ tình yêu ích kỷ mà cửa tim chỉ mở ngõ cho riêng cá nhân mình và mình đã lãng quên, chối bỏ, xa cách tất cả những gì quen thuộc, thân thiết đã cùng với mình trong một nguồn gốc đi ra mà mình chưa có lần nào được nếm, hưởng và sống hòa mình với nó.

Sau một giấc ngủ say mê nhưng ngọt ngào, khi bừng dậy, hốt nhiên người ta thêm được hô hấp tự do thứ không khí «chung tộc» ấm nồng, thanh thần, thêm được rung cảm cùng một nhịp thở, một nếp sống với giống nòi, thêm cho hồn lòng mình được cởi mở bằng thứ tiếng mẹ đẻ dịu dàng, thâm thúy mà người ta đã bỏ quên từ lâu, rồi tìm thức người ta lắng tìm về với những câu ca dao mẹ ru thuở bé, mà nay, có thể thành những khúc hát quê hương hay những câu ân tình thấm thía.

Một lý do chánh đáng, một sức sống tiềm tàng, tế nhị dành riêng cho đất nước giống nòi sẵn có nơi mỗi con người được bọc kín trong tình cá nhân ích kỷ, nó ngủ yên từ lâu trong tiềm thức đặc đen mà người ta tưởng không bao giờ sẽ gặp nó bộc phát và chỗi dậy mạnh mẽ đến mức khiến cho cặp vợ chồng dị chủng không còn tìm được vị sống nếu phải ở mãi với nhau.

Mặc dầu cố tìm hiểu biến chuyển tâm hồn của nhau trong giai đoạn mới, họ thương con; mến nghĩa, hết sức cố đổi đãi trước sau tròn vẹn để làm vui lòng nhau trong những năm dài, nhưng cuối cùng, họ cùng phải đưa nhau ra tòa xin ly dị; ông ở lại Việt Nam và bà trở về Pháp. Hai đứa con khi sống với cha khi sống với mẹ, tâm trí và học hành không yên ổn.

Khi xa hẳn nhau rồi, bà bác sĩ B. không thể tìm đâu có được vị sống nồng đậm như lúc còn ở với người chồng dị chủng; mặc dầu cạnh bên người ấy, đòi phen, hồn bà vẫn thấy bị lạc lõng cô đơn và ông B. cũng ở trong trường hợp đó. Sau 17 năm sống với người chồng dị chủng rồi lại muốn trở về cội, nhưng khổ nỗi, bà B. không thể thích nghi với nếp sống mới bên cạnh người đồng chủng trên quê hương của bà. Cứ mỗi năm bà sang Việt Nam đem con về thăm chồng chồng cũ một lần cho đến khi nguồn hy vọng và yêu đời khô cạn, bà buồn nản mòn rồi tự tử sau khi ông B. qua đời giữa lúc còn trẻ và chưa cưới vợ khác.

Hai đứa con của ông bà bác sĩ B. mồ côi, không thể tiếp tục học nhiều nên chỉ có một đời sống tầm thường. Một người ở bên nước Việt không bao giờ có hy vọng ngày kia sẽ được sang Pháp thăm quê ngoại. Cô con gái lại ở bên Pháp cũng không mong có ngày được biết quê cha. Rồi trong những lúc trò chuyện với họ mình thấy cuộc đời họ cứ trôi, đi đôi với những phút mà hồn lòng họ bị nấu nung bởi một niềm khát vọng về cội rễ của họ.

Khi người ta thành thật và tha thiết yêu nhau thì dầu cách núi cách sông khác nòi khác nước, người ta cũng dám hy sinh tất cả, trút hết cố gắng và thiện chí để tạo cho nhau hạnh phúc vững bền; nhưng xem trường hợp sau đây bạn sẽ không khỏi ngậm ngùi.

(Còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

Ngôi trường lý tưởng

Ông Trần-Ngọc-Tạo cho rằng từ nhà bảo sanh chuyển sang trường học là một phát triển hợp lý, không có gì trái ngược cả. Hơn nữa điều khiển một cái trung tâm giáo dục cũng vẻ vang hơn điều khiển một cái trung tâm sinh đẻ. Về mặt kiến trúc, ngôi nhà Đại Phước nom cũng ra dáng một cái trường học, chỉ cần phá những rào cản, các căn buồng nhỏ là có những lớp học lớn. Số giường thặng dư sẽ đem đổi lấy bàn ghế, vì ở Saigon không thiếu những vị chủ trường muốn biến trường học thành nhà bảo sanh hay là khách sạn. Ông thực hành liền ý định và một tuần sau, đã có một tấm bảng lớn với cái tên hiệu *Chấn-Hưng học đường* kẻ bằng màu gạch rất tươi trên một nền xanh rất đậm.

Trong lúc chờ đợi giấy phép chính thức, ông Tạo kiểm điểm lại số bạn cũ và bắt gặp được ông Lê văn Tài, ở giữa quảng đường hồi tưởng.

Ông Tài là người có bằng cấp lớn, đã từng du học nhiều năm ở tại nước ngoài và đọc nhiều sách đến nỗi quên hết việc đời. Để giúp cho đôi mắt mình nhìn rõ thực tế hơn nữa, ông mua một loại kính trắng khá tốt có thể nhận các sự vật to mười lần hơn, nhưng rốt cuộc vẫn không thành công mấy trong những công ăn việc làm. Bởi vì những sự thuận lợi được phóng đại thêm mười lần, thì những khó khăn cũng không vì thế mà nhỏ bé hơn. Nhưng điều mà ông lấy làm tự hào là mối nhiệt tình của ông đối với lý tưởng giáo dục không hề suy giảm trải qua bao nhiêu biến cố dồn dập của xã hội này.

Rốt cuộc, về nước trên hai mươi năm ông Lê-Thành-Tài vẫn chưa mở được một ngôi trường nào. Ông cũng không chịu đi dạy cho một trường sở nào khác, vì muốn tự mình tổ chức lấy một trường trại theo ý của mình mới bỏ hơi phổi đem ra xài phí hàng ngày. Khi ông Trần Ngọc Tạo đến tìm ông ở tại nhà riêng thì ông còn đang phác họa một trường kiểu mẫu trên mảnh bìa cứng theo một kích thước vô cùng lớn lao. Chấn Hưng Học Đường không được lớn lắm, đó quả là điều đáng tiếc, nhưng mang gương vào, ông Lê thành Tài có thể bằng lòng. Sau khi thảo luận về các điều kiện hợp tác, ông Tài cùng với ông Tạo gặp một

mâu thuẫn không sao giải quyết. Ông Tài thích có một trường lý tưởng với một sĩ-số hạn chế, theo một kỷ luật tuyệt đối, dạy bằng những phương pháp mới ; trái lại, đồng Tọa thích có một trường rất ông, càng đông càng tốt, không cần kỷ luật, trừ khoản kỷ luật áp dụng cho việc đòi tiền học phí, và dạy theo những phương pháp cũ nhất cho các nhân vật ở tại cơ quan giáo dục cao cấp khỏi lấy làm điều e ngại. Rốt cuộc, sau chừng ba giờ thảo luận, hai người bạn cũ của thuở thiếu thời bỗng đâm ngơ ngác nhìn nhau vì họ nhận thấy chưa hề quen biết với nhau bao giờ. Ông Lê Thành Tài chua chát nghĩ thầm : « Tiền bạc đã làm cho nó hư hỏng hết cả tinh thần. » Ông Trần ngọc Tọa khó chịu, tự bảo : « Sách vở làm cho thằng ấy lệch lạc tâm-não. » Và hai người bạn, mỗi người trở thành tàn tật dưới cặp mắt của người kia. Vốn là một kẻ thực tế, ông Trần Ngọc Tọa cuối cùng nén giận bảo tên tàn tật trước mặt như sau : — « Ý kiến chúng ta có vẻ mâu thuẫn, nhưng tôi tin rằng sau một thời gian ta sẽ gặp nhau. Tôi xin nói rằng lúc mới bước chân vào đời tôi cũng có những quan niệm ở chín tầng mây như là anh vậy. Đó là những thứ tư tưởng tuyệt vời nên đem ngâm muối, phơi khô và cất ở trong lồng gương, thỉnh thoảng mang ra ngắm ngía giải sầu. Nếu không, thì sớm muộn gì thực tế của xã hội này sẽ đốt cháy tiêu mọi cái ý tưởng siêu phàm, đến nỗi khi người ta nói những chuyện cao thượng hoa mỹ là để che dấu những chuyện thấp hèn và xấu xa nhất mà thôi. Tôi không dám nghĩ rằng tôi có lý hơn anh, nhưng tôi tin rằng sau một thời gian đi vào thực-tế anh sẽ hoàn toàn đồng ý với tôi. Trong lúc chờ đợi một sự gặp gỡ có thể xảy ra sau này, bây giờ tôi đề nghị một biện pháp dung hòa : tôi cho anh thuê ngôi trường với giá phải chăng và anh tự quyền khai thác. Anh muốn xây dựng theo lý-tưởng nào cũng được, hoặc muốn kinh doanh theo kiểu cách nào cũng tốt, miễn là hàng tháng anh trả tiền trước cho tôi. Ít nhất tôi cũng phải đỡ lo âu về sự thất bại có thể xảy ra ở trong tháng ấy, và tôi chỉ cần hồi hộp trong mấy ngày đầu khi chưa nhận đủ số tiền. » Ông Trần ngọc Tọa đã dùng lời lẽ chân thật đề nói với Lê thành Tài vì ông hiểu rằng, với những con người lý tưởng như vậy, những lời giả dối trở thành tàn nhẫn quá mức. Ông Lê thành Tài cảm động, chấp nhận lời đề nghị ấy một cách sốt sắng. Từ đó, Chấn Hưng Học Đường đã có một ông hiệu trưởng lý tưởng, và nó bắt đầu đi vào một giai đoạn mới.

x^xx

Về việc quản trị, ông Tài cố tìm một người thư ký eo sức quán xuyến và một giáo ban cho thật đặc lực. Một vị chú họ bên vợ của ông giới thiệu ông Hnỳnh văn Xu là người có cái khả năng đánh máy một ngón tay mặt — còn bốn

ngón tay kia thì luôn sẵn sàng ở trong tình trạng trù bị. Năm ngón của bàn tay trái thường xuyên bầu chặt bàn máy như sợ có kẻ bắt lương giết lấy đem về bán xôn. Một người như vậy đáng là kiểu mẫu của sự cẩn thận, có thể cộng tác làm ăn lâu dài.

Ông Xu là người nghiêm nghị, có vẻ gương mẫu, trừ khoản bốn vợ và tật nói dối. Với bốn người vợ, ông đã có bốn sở làm bận rộn nhất trên thế giới, nhưng cũng chính vì có bốn sở ấy mà ông phải làm thêm nhiều sở khác mới đủ cung cấp.

Sau khi lựa chọn trong số bốn vợ, ông Xu bèn đem bà vợ thứ tư đến ở tại trường với mình, bởi vì người vợ sau cùng bao giờ cũng là người vợ quý nhất. Vốn biết tính chất lý tưởng của ông Hiệu Trưởng, ông Xu thiết lập ngay một văn phòng lý-tưởng, có đủ bàn ghế cho hai chục giáo sư ngồi, với một bàn nước, bàn phấn, và hai tủ kính châu chực bên một bàn giấy gồm có chín học, mỗi học có một chìa khóa chính thức và một chìa khóa phụ tá. Hai tủ được chia như sau : một tủ đựng các tác phẩm giáo khoa nổi tiếng, nghĩa là in rất là dày và có bìa tô nhiều màu, một tủ đựng các hồ sơ học trò cùng các dụng cụ văn phòng. Trong chín học bàn dành riêng cho Huỳnh văn Xu thì học chính giữa để sổ học phí và các biên lai, tám học còn lại chứa tiền, học thì dành cất bạc giấy 500, học bạc hai trăm, rồi đến một trăm, bạc lẻ bằng giấy, bạc lẻ bằng đồng. Nhận thấy chính phủ còn muốn cho ra nhiều loại bạc mới khác nữa, ông Xu để dành hai học dự trữ đựng mà kịp thời hưởng ứng. Mỗi nơi, mỗi chỗ đều có nhãn hiệu làm bằng bìa cứng màu trắng, viết những chữ đen hay đỏ, chỉ dẫn rằng đó là cái tủ sách hay là bàn nước, ghế của hiệu trưởng hay ghế thư ký, hầu tránh mọi sự lăm lăm đáng tiếc. Tất nhiên các học để tiền thì không có nhãn hiệu nào, làm như trong các chỗ ấy không có chứa chấp gì hết. Ông Xu còn bày vẽ ra lần sự bày biện khác nữa nhưng vì ông Lê thành Tài có nhiều lý tưởng hơn là tiền bạc nên mọi sáng kiến đều phải hạn chế thực hiện.

Giáo ban thì ông Hiệu Trưởng tỏ ra khó tính đặc biệt. Ông đã theo dõi một số giáo sư tại các trường lớn và thấy họ không có đủ tư cách để dạy Chấn hưng Học đường. Ông bảo : « Giáo gì mà lại nói suốt cả giờ ? Nói hết cả phần học trò, thì chúng suy nghĩ vào đâu ? Giáo gì lại ăn mặc sang như đi dạ hội ? Thế là làm gương không tốt cho lũ học trò. Giáo gì mặc áo quá mỏng, mặc quần quá chật, rõ ràng là có một dụng khiêu dâm, nên dùng làm chiêu đãi viên ở Sở-Nách-Ba.» Ông còn chê các ông giáo mặc đồ cầu thả, lười thôi, đáng được coi các xe phở hơn là nói chuyện mô-phạm, chê những giáo sư nói mau nên kể vào loại bán dầu củ là. Giáo

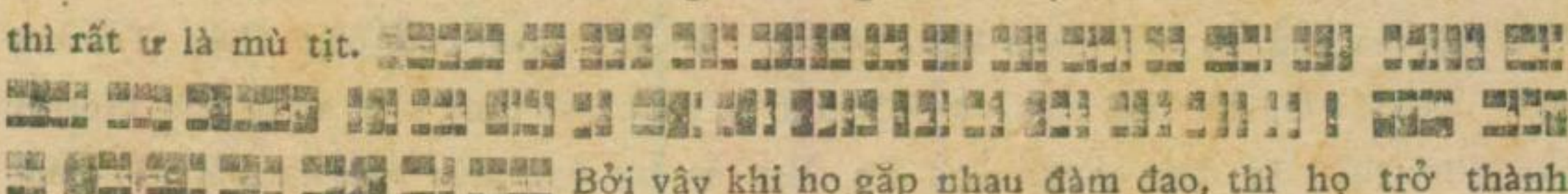
sư nói chậm, ông bảo là loại nghị gât,

Cho đến hình vóc

giáo sư, ông cũng có nhiều thắc mắc. Nếu họ nhỏ quá, gầy quá, thì ông cho rằng họ nên đổi nghề, nếu không học trò sẽ lăm lăm với em ruột của chúng và chúng không chịu vâng lời. To quá, mập quá thì hơi thừa thãi, có vẻ phí phạm vô-ích, lại dễ làm cho học trò sợ hãi mất hết ý chí tự cường. Nói chung, tìm cho ra được giáo sư đúng theo tiêu chuẩn của ông thật là khó nhọc, bởi vì ông còn coi cái dáng đi, ngó cặp mắt nhìn, xem cái miệng nói, cùng quan sát bộ tứ chi. Ông bảo : « Có những giáo sư trông chẳng khác nào là kếp cái lương. Như thế học trò chỉ ngồi chờ đợi sáu câu vọng cổ chứ có chịu nghe giảng giải gì được ! Có những giáo sư vào lớp cứ lo bán sách của mình soạn ra, vậy thì tốt hơn họ nên ra trước cổng trường và coi ngó một cửa tiệm. » Suốt một tháng trời theo dõi, rình mò các vị giáo sư ở tại Sài-gòn, ông Lê thành Tài không nhìn thấy ai ra vẻ sư phạm đúng kiểu như ông quan niệm. Trong lúc khắc khoải chờ đợi những người trong mộng, ông cho in gấp một bản kỷ luật dán khắp nhà trường và in nhiều tờ truyền đơn nói rõ tôn chỉ cao đẹp ông đã vạch ra để thực hiện nền giáo dục kiểu mẫu cho thế hệ trẻ, rồi kêu gọi nhiều bạn bè tỏ ra tích cực đối với văn hóa nước nhà nhờ họ phân phát tận tay cho các gia đình có con em đang đi học. Cuối cùng, nhờ sự khổ công tìm kiếm, ông Tài gặp được ba người giáo sư như lòng sở cầu. Ông giáo thứ nhất là Nguyễn văn Hai, chuyên về vật-lý hóa học, đã từng mở một hăng mắt ở tại Phan Thiết để thí nghiệm các kiến thức pha chế của mình, và bị sụp tiệm một cách hoàn toàn sau ba lần tổng số mắt bị thổi chín chục phần trăm. Một người như vậy ít nhất cũng có thể đem lại cho học sinh đôi ba kinh nghiệm, trước hết là cái kinh nghiệm đừng nên làm mắt khi mình chỉ có mỗi một khả năng ăn mắt mà thôi. Về mặt hình vóc, ông Hai không đáp đúng các tiêu chuẩn của ông Hiệu Trường, vì ông gầy quá — gầy như con mắt — nhưng về tác phong, đó là một vị giáo sư kiểu mẫu, ăn nói chừng chặc, đi đứng khoan thai. Trong sự nói chuyện ông không tranh cướp lời ai để mà bày tỏ những điều mình biết, và sự im lặng điểm dậm của ông có một vẻ gì thông thái đặc biệt đến nỗi không ai ngờ rằng có nhiều vấn đề ông chẳng biết một chút gì. Dầu sao thì cái đặc điểm của một giáo sư là phải cho học sinh biết rằng mình học rộng hiểu nhiều, và muốn như thế, ở trong xã hội chúng ta, chỉ cần biết ngồi yên lặng một cách kỷ lưỡng ! Ông giáo thứ nhì là Lý văn Lăng, vóc dáng đúng theo tiêu chuẩn, chuyên về sử địa, phục vụ trong ngành hỏa xa gần hai mươi năm và tự coi như biết hết địa lý Việt Nam dọc theo con đường xe lửa. Ông Lăng có một giọng nói khá tốt, trong trẻo hơn tiếng còi tàu, luôn luôn tỏ ra hăng hái hoạt động, có thể trình bày, giải thích về mọi vấn-đề quốc tế mà không bao giờ sợ sự lăm lăm. Ông Tài tỏ ra hơi ngán về sự hiểu biết của ông Lý Lăng bởi vì ông này có thể nêu đủ thứ chi tiết cụ thể của một trí nhớ phi thường. Chẳng hạn ông Lý kê khai Vua

A-Lịch-San Đại Đế bị bệnh thương hàn đầu tiên năm nào, toàn quyền Pi-e-Pát-kê thuở nhỏ thường trộm thuốc hút của người cậu họ ra sao, Tú Xương hỏi vợ đến lần thứ mấy, và thủ tướng Nguyễn Văn Tâm muốn bán cho được nhiều tôn đã sai đốt nhà dân chúng với một loại xăng đặc-biệt giá bao nhiêu đồng một lít... Tất cả những kiến thức này được đem trình bày cặn kẽ, chi ly, nhưng không một ai đối chiếu để biết hư thực thế nào, kể cả những nhà bác học số một ở trên thế giới. Bởi vậy một người chỉ học ở trong sách vở nhà trường như là ông Lê thành Tài, làm sao có thể kiểm tra cho nổi một thứ kiến thức kỳ quặc như thế?

Giáo sư thứ ba, ông Đỗ-văn-Chỉ, biệt hiệu Hồng Hoa Phượng Diệp, là một thi-sĩ nổi tiếng (theo như lời ông tự giới thiệu trên các báo) đã cho ra đời liên tiếp ba năm ba tập thơ dày: tập nhất gọi là *Ái tình nguyên tử*, tập nhì gọi là *Nước mắt trùng dương*, tập ba gọi là *Khởi sần nhược tiểu*. Nghe đâu ông còn đe dọa cho ra một tập thứ tư gọi là *Cô đơn cường quốc*. Các tập thơ trên trình bày khá đẹp, có đề ở sau là «ấn hành lần thứ nhất đã 5.000 bản» để giữ thể diện cho nền văn chương nước nhà. Cứ theo như giới tiêu thụ bí mật tiết lộ thì mỗi tập thơ của đại thi hào Hồng Hoa Phượng Diệp chỉ in có 500 quyển và sau một năm phát hành đã tiêu thụ được gần 80 quyển, trong đó tác giả mua hết 60 đề tặng cho các bạn gái, còn 20 quyển thì nhà phát hành lỡ đề thất lạc nên phải bồi thường, tính theo giá vốn là một phần năm giá bán.

Ông Hiệu trưởng Lê thành Tài là nhà giáo dục thuần túy, lại là một người Việt Nam ở giữa xã hội chúng ta, nên ông bị mắc một cái chứng bệnh tàn tật tinh thần hết sức phổ biến là chỉ biết riêng có cái ngành mình, còn đối với sinh hoạt khác thì rất ư là mù tịt.  Bởi vậy khi họ gặp nhau đàm đạo, thì họ trở thành cô độc tập thể và mỗi người thích lắm nhằm nói chuyện của mình để cho mình nghe một cách vô cùng hào hứng. Rốt cuộc mỗi người đều thấy chỉ có ngành mình mới là «trên hết», và cái quang cảnh mỗi người tìm đủ mọi cách để tự công kênh mình lên cho thật là cao làm cho xã hội chúng ta đi đứng lảo đảo như người say rượu trước khi ngã ập vào nhau trầy trụa. Ông Tài chỉ biết có mỗi giáo dục trên hết nên không bao giờ quan tâm đến thi ca, trong đó có sự hoạt động của Đỗ văn Chỉ. Để tự biện hộ cho mình, ông thường đồ thừa rằng «không có đủ thì giờ» nhưng suy cho cùng đó chỉ là một cách nói, bởi vì cái nền giáo dục thuần túy không muốn dành thì giờ cho những công việc khác cũng rất cần thiết cho nền giáo dục của ông. Tự nhiên, ở giữa một cái xã hội gọi là chậm tiến, ông Lê thành Tài đã tự biến mình thành nhà chuyên môn của nước kỹ nghệ tư bản, một người chỉ biết đọc nhất có cái bù

lon giáo dục và chỉ có bù-lon ấy mà thôi. Cho nên nghe Đỗ Văn Chỉ là một nhà thơ tác giả của quyển « Khỗi sầu nhược tiểu » thì ông lấy làm phần khởi đặc biệt, cho là ông Chỉ là một thi sĩ thời đại nói được nỗi buồn của các dân tộc bị sự chèn ép đáng mời phụ trách văn chương ở tại Chấn Hưng học đường. Ông Đỗ Văn Chỉ từ trước đến giờ chỉ có ngâm thơ chứ chưa dạy học, và thường cho rằng dạy học cũng là một cách ngâm thơ, nên sau khi nhận lời mời của ông Hiệu trưởng tự thấy mình là giáo sư rất có uy tín, cần in danh thiếp rất gấp để luôn hai chữ « thi sĩ giáo sư » dưới một cái tên và một biệt hiệu đậm đặc, dài ngoằn như con sâu rọm.

Ba nhà giáo này làm nòng cốt hợp với một ông hiệu trưởng gương mẫu đã thành một cái lực lượng đáng kể trong buổi xây dựng ban đầu. Nhưng vào buổi họp thảo luận kế hoạch xúc tiến, ông Lý Văn Lăng nhận định phải có một vị giám học cho thật cừ khôi mới bảo đảm được nội dung giảng dạy. Một người như vậy thật là khó kiếm, ngoài số bạn bè của ông. Cuối cùng sau sự suy nghĩ chầy óc, ông liền tiến cử một người bạn thân, người này có đủ khả năng để làm giám học một lúc cả mười hai trường, nếu như ông ta có thể chia mười hai phần đều nhau biết cử động được. Ông giám học này họ Trương, tên Bảng, là một người sinh ra để luôn có mặt ở tại các trường. Nhận việc ngày đầu, ông Bảng đúng đã làm phần khởi mọi người một cách sôi nổi: Vừa mới đến cổng, ông đã trở một cặp mắt ốc nhồi ngược lên nhìn vào tấm bảng một cách chăm chú như muốn phóng làn nhãn quang xuyên thủng cả thiếc lẫn gỗ rồi bỗng kêu lên: « Hay lắm! Hay lắm! » Đoạn ông tiến vào sân trường, nói gần từng chữ: « Chấn-Hưng Học-Đường! Chấn-Hưng Học-Đường » và vừa đến thềm đã chia thẳng một tay ra, như chực nắm lấy mọi người, và cứ thế mà xốc tới theo kiểu tấn công của con tê-giác. Tuy vậy, bàn tay của ông rất biết phân biệt, nên nó úi đến ngay chỗ ông Hiệu Trưởng ngồi, và vừa kịp lúc môi trên nở toét một nụ cười lớn theo kiểu sừng trâu kéo tới mang tai thì mấy ngón dưới cùng ôm chặt lấy tay ông hiệu trưởng giật lấy một cách cẩn trọng với những rung chuyển rất nhẹ kéo gập người ông xuống gần. Và khi cánh tay còn lại đưa ra bợ dưới tay kia để nâng đỡ lấy một cái ân huệ nặng nề lớn lao cho được vững chắc, thì những lời nói nồng nhiệt ở trên cũng tuôn dồi dào: « Xin kính chào ông Hiệu Trưởng! Xin chào quý vị! Trường ta gọi là Chấn-Hưng, thật là tuyệt diệu! Chấn-Hưng học đường, tên rất là hay! Đúng vậy, Chấn Hưng đạo đức, Chấn Hưng kỷ luật, Chấn Hưng học vấn, Chấn Hưng tất cả! Xã hội chúng ta đòi hỏi chấn hưng mọi mặt, nhưng quan trọng nhất là mặt Giáo dục. » Vừa nói, ông bắt tay khắp mọi người một cách ân cần vừa chuyển hết sự nồng nhiệt phần khởi vào mỗi người ông tiếp xúc.

Đến lúc họp lại, giới thiệu cụ thể từng người, phân phối công việc, ông Bảng cũng lại tiếp tục phân phát phần khởi như vậy. Vừa nghe nói đến ông Nguyễn

văn Hai, ông đã kêu lên : « Hân hạnh ! Tôi đã được nghe danh ngài. Dạy môn Lý-hóa thì có ai bì được ngài, ngài là số một ở đây.» Nói đến ông Đỗ văn Chỉ, ông đã hốt hoảng tuyên bố : « Một đại thi hào ! Ngài làm vẻ vang cho trường chúng ta ! Tôi có đọc hết thi phẩm của ngài. Thật là điều luyện, thanh tao, văn chương đặc biệt ». Rồi ông quay sang ông Lý văn Lăng : « Còn ông giáo sư sử địa của chúng ta đây, tôi đã hân hạnh quen biết từ lâu, là người kiến thức minh mông, nhân quan sâu sắc.» Đoạn đưa hai tay về phía ông Lê thành Tài ra kiểu muốn nâng ông ta lên khỏi ghế ngồi, ca ngợi : « Nhưng quan trọng nhất là ông Hiệu Trưởng, người đã tiếp thụ văn minh nước ngoài và làm sáng tỏ lý tưởng giáo dục, người sẽ đưa trường Chấn-Hưng đi tới một chân trời mới»...Nói chung, châm ngôn ở đời của ông Trương Bảng là cứ khen tưới hột sen tất cả mọi người, vì đó là cách đối xử lợi nhất mà ít tổn nhất. Dù rằng về sau người ta không ai còn tin ở những nhận xét của ông ta nữa, nhưng có một điều mọi người cảm thấy chắc chắn yên lòng là sau lưng mình, ông Bảng nhất định sẽ không lấy sự nói xấu làm môn giải trí lành mạnh.

Buổi đầu với một giáo ban như vậy công việc coi như tạm ổn — Khai giảng đợt nhất cho những lớp thấp, học trò lai rai kéo đến tương đối đầy đủ với cái sĩ số mà trường mong đợi. Ông Tài luôn luôn có mặt ở tại văn phòng với ông Giám Học, sốt sắng đón tiếp các bậc phụ huynh, giải thích cho họ rõ thêm tôn chỉ nhà trường, ân cần nhắc họ nên tìm mọi cách liên lạc thường xuyên với lại văn phòng để mà điều chỉnh kịp thời học vấn, đạo đức của con em họ. Một số phụ huynh tiếp nhận những lời ông nói với một thái độ hững hờ của kẻ nghe người rao dầu cù-là, một số sốt sắng hứa hẹn là sẽ cố gắng đi lại với trường, nếu họ có dịp, và điều chắc chắn là họ sẽ không bao giờ có dịp nào cả. Ông cũng không quên vào từng lớp học nhấn đi nhấn lại mục đích lý tưởng của trường là coi giáo dục trên sự kinh doanh, lấy sự đào tạo con người làm mục đích chính, ông cũng hứa hẹn là các đồng nghiệp của ông, và ông, quyết liều một trận sống mái ở trên chiến trường văn hóa để giương cao cờ giáo dục. Học trò trơ mắt ngồi nghe không chút cảm động như nghe một mục phát thanh tuyên truyền và thái độ chúng có ý ngầm bảo người ta không thể khai mạc bất cứ việc gì mà không nói lên vài lời bậy bạ cho hợp lễ nghi.

Sau đó công việc dạy dỗ bắt đầu và được một tuần thì những khó khăn đầu tiên lục tục xuất hiện. Khó khăn lớn nhất là giáo sư Nguyễn văn Hai không làm cho học sinh hiểu được bài. Mỗi lần ông giảng chúng trố mắt lên một lát rồi quay sang người bên cạnh chuyện trò để khỏi ngủ gục. Khi ông Hiệu trưởng vào lớp, hỏi thăm một cách dân chủ về sự tiếp nhận môn học của chúng thì gần như toàn thể tốp kêu lên :

— Thầy dạy không hiểu gì hết ! Xin đòi ! Xin đòi !

Ông Tài, sau phút bối rối, không biết nên nói thế nào bèn ôn tồn giải thích rằng ông Nguyễn văn Hai là người giỏi nhất thế giới, và có lẽ vì giỏi quá nên học sinh không làm sao hiểu nổi ông ta. Cuối cùng ông chỉ còn có mỗi một hy vọng là học sinh sẽ cố gắng hơn nữa, để có trình độ hiểu được thầy mình. Sau khi nói thế, ông Tài biết rằng mình đã phản bội lý tưởng giáo dục của mình, bởi vì không thể bắt buộc học trò phải có trách nhiệm hiểu thầy. Rồi đến ông Đỗ văn Chỉ viết sai chính tả làm cho hoang mang học trò và cả cha mẹ của chúng. Ông Chỉ quả tình không ngờ rằng mình phải lo từng chữ như vậy. Ông tuyên bố rằng thi hào không cần phải giỏi chính tả và chỉ giáo sư tiểu học mới bận tâm đến môn bản tiện ấy. Hơn nữa, cứ nhìn dọc các dãy phố Sài Gòn thì rõ : biết bao nhiêu cửa hiệu ấn viết chữ *phơ* với dấu ngã mà người ta vẫn vào ăn ào ào, đâu có cảm thấy mất ngon vì không chịu dùng dấu hỏi ? *Tam tinh hải cầu bồ tát* hoàn lại viết toàn bằng dấu ngã ở trên các tấm quảng cáo to tướng mà vẫn bán chạy suốt mấy mươi năm nay rồi, đâu có vì sai chút dấu mà không công hiệu ? Tóm lại, theo giáo sư Chỉ thì môn chính tả quả là một xa xỉ phẩm, trong đó sự phân biệt dấu hỏi ngã là một việc làm buồn cười hơn cả. Còn về văn phạm thì giáo sư Chỉ cho đấy cũng là một chuyện bày đặt. Để cho lời nói của mình có một luận cứ vững vàng, ông bảo học sinh hãy cứ lên ngay Chợ lớn, vào tiệm Hải-Ký mì-gia, đường Nguyễn tri Phương, gọi ngay tô mì vịt tiềm thì rõ : ở trên mấy tấm kê các thực đơn của tiệm, người ta đọc thấy một hàng chữ lớn : *Tiệm mì nổi tiếng rất Bắc Việt*. Ấy, nổi tiếng rất mà khách ăn đông gấp trăm lần *rất nổi tiếng* ! Văn phạm quả không can thiệp gì đến dạ dày con người, và không quyết định gì đến khả năng xào nấu. Học sinh ban đầu tưởng thầy nói đùa một cách gượng gạo, nên cũng gượng gạo cười theo, để tỏ chút tình sư đệ. Nhưng một đôi đứa có lòng hiếu học về nhà sốt sắng xin tiền cha mẹ để vào các tiệm mì, phở nghiên cứu tiếng Việt, sững sốt nhận thấy là thầy giáo Chỉ nói đúng sự thực. Hầu như tiệm nào viết sai be bét thì khách ăn đông, và tiệm nào có cái vẻ ta — đây — nhiều — tiền thì đều mang tên ngoại-quốc ! Sau này để đánh tan mọi ngờ vực của đám học trò dốt nát, thi hào Đỗ văn Chỉ biệt hiệu Hồng Hoa Phụng Diệp đưa các tờ báo có đăng tác phẩm của mình cho học trò xem để chúng thấy rằng các tiếng đầu câu không cần viết hoa, và đó mới là chính hiệu văn chương lối mới. Thầy còn bảo thêm : « Ngày nay, người ta có thể viết hoa ở giữa chừng câu, chẳng cần phải đợi chấm phết gì ráo. Hể cao hứng là viết hoa, không cao hứng nữa thì cứ viết thường. Viết thường là dấu hiệu của sự bình đẳng, ai cũng như ai, thế mới dân chủ. » Rồi thầy chía nhiều bài thơ khác nữa ở trong nhiều báo khác nữa cho học trò thấy có cả hàng trăm bài thơ không cần viết hoa, và điều ấy không cản ngăn tác giả trở nên nên những « đại thi hào » đối

với bè bạn của mình. Trái lại, có lẽ vì viết như thế, mà họ mới được chú ý cũng chưa biết chừng. Lớp học trò thông sự lý, tỏ ra hết sức mừng rỡ, vì chúng thấy rằng từ lâu chúng đã có thể nổi tiếng mà chúng không ngờ. Ấy là từ hồi còn học các lớp mẫu giáo, tiểu học, chúng vẫn viết theo lối ấy thường xuyên mà những thầy dạy không biết văn nghệ là cái mức gì lại dám gõ thước lên trên khối óc có những tài năng sáng tạo sớm sủa như thế mà không kiêng nê!

Trong lúc học sinh bắt đầu tin nhiệm trở lại ông Đỗ văn Chỉ, nhờ sự hăm hở đi vào các tiệm mì, phở nghiên cứu chính tả, văn phạm, thì có một số phụ huynh nhất định không chịu những sự cải cách mới mẻ, dân chủ của nhà giáo Chỉ mà họ coi như là sự dốt nát và sự lường gạt.

Rồi đến ông Lý văn Lăng phụ trách sử địa cũng bị những sự phản nản, chỉ vì kiến thức của ông chỉ có bề dài — theo đường xe hỏa — mà thiếu mất hẳn bề ngang. Mặc dầu mỗi ngày ông ta đã vẽ những cái địa đồ khá lớn bằng giấy bìa dày, trải trên sàn nhà, và nằm phủ phục lên trên để mà nghiên cứu địa thể năm châu bốn biển vừa kết hợp với chuyện gãi và hút thuốc thơm, nhưng khi đến lớp, vì phải đứng thẳng để giảng, nên ông mất hẳn phương hướng, lúng túng nhiều chỗ đến nỗi có những lầm lẫn khủng-khiếp.

Cứ thế nhà trường kiểu mẫu của giáo sư Lê thành Tài mỗi ngày mỗi thêm ọc-ạch, đe-dọa một cuộc khủng hoảng trầm trọng không sao tránh được...

VŨ-HẠNH

(Ngồi đường đi xuống)

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel. 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24 38

B P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

Chín tháng trong bụng mẹ

VÕ QUANG YẾN

Cho đến ngày thai nhi được sáng tạo và nuôi nấng trong ống, mỗi một chúng ta hiện nay ai cũng phải trải qua một thời kỳ chín tháng trong bụng mẹ, thời gian đầu tiên của đời người. Thường được cho là một thời gian yên tĩnh và đùm bọc hoàn tất, chín tháng ấy thật ra đã thao diễn trong một hoàn cảnh biến động, quyết liệt, nguy hiểm nhất trong đời người: biến động vì một động lực mãnh liệt đã chuyển cho tế bào một tốc lực phát dục vô cùng lớn ; quyết liệt vì ở tốc lực ấy mỗi một sai lầm trong cơ chế chỉ đạo là một tai họa lớn sau này ; nguy hiểm vì cơ quan chế tạo trong thời gian ngắn ngủi, ấy rất dễ bị mọi vật xung quanh xâm kích.

Ta có thể đem ví chuyện thụ thai với công cuộc chế tạo một chiếc tàu thủy. Lấy cái sườn làm cơ sở, người ta lần lượt ghép lắp vào những bộ phận để cho thành chiếc tàu. Ở thai nhi cái sườn là hai tế bào nhỏ bé nhưng chứa đựng đủ bộ phận để tự động vận dụng mà không một hệ thống điện tử nào có thể phân tích được tính chất phức tạp. Tuy vậy, trong cả hai trường hợp, cái sườn lúc ban đầu

đã hướng dẫn cuộc chế tạo ra thành một mẫu chỉ định. Trong cả hai trường hợp, dẫn thân vào đời là một cuộc vọt nhảy vào nước, vì trái với như người ta thường tưởng, cuộc sáng chế con người không phải bắt đầu lúc thai nhi ra khỏi bụng nước trong bụng mẹ mà là lúc nó được sinh trưởng ở trong ấy.

Phôi châu là một thành trì kiên-cố

Sự tích bắt đầu bằng một cuộc du hành của hằng triệu tinh trùng bơi lội ngược dòng với tốc độ 1,5 mm mỗi giờ, chạy một khoảng dài gấp 2500 đến 3000 lần chiều dài của chúng. Phía bên kia, phôi châu tách ra khỏi noãn sào cũng xê dịch trong luôn bốn ngày để đạt cho đến tử cung. Đến đích cuộc du hành, sống hay chết là tùy theo chúng có gặp nhau hay không.

Thật vậy, tinh trùng chẳng có mang theo chút lương thực nào : sau ba ngày hoạt động dữ dội, chúng sẽ chết trong lúc phôi châu ứ đọng đồ ăn và sau 24 giờ cũng mỗi một đề rồi cho Tử thần lôi kéo

đi. Chỉ có một tinh trùng thành công xông vào được bên trong phôi châu là có khả năng thức tỉnh phôi châu và kích thích nó hoạt động. Nhưng cuộc tấn công nào có phải dễ ! Số lớn tinh trùng là một trong những điều kiện cần thiết (mỗi lần giao cấu, số tinh trùng phát ra là 20-500 triệu). Cỗ tử cung cho tiết ra những hóa chất gặp nóng đông đặc lại làm thành bức tường cứng rắn mà những tinh trùng cần phải hợp nhau lại và ồ ạt đâm đầu vào mới mong phá vỡ được. Người ta hiện chưa biết một sức mạnh nào hay một hóa chất gì đã kích thích hướng dẫn những tinh trùng vào tử cung tìm gặp phôi châu.

Đến lượt phôi châu bị tấn công. Là tế bào lớn nhất của cơ thể, phôi châu giống như một thành trì kiên cố mà những tinh trùng bao vây chạy nhảy kích thích trong luôn 35 giờ đồng hồ. Chúng kiếm cách vượt qua lớp tế bào hình hột rồi bức màng trong suốt bao quanh. Nhiều nhà khảo cứu cho rằng khi một tinh trùng vào được trong phôi châu thì bức màng kia rơi ngay nhưng đồng thời một hóa chất lại được tiết ra đóng cứng để ngăn không cho những tinh trùng khác xông vào. Như vậy, theo thường lệ, chỉ một tinh trùng vào đóng đô được trong phôi châu. Tuy nhiên nó phải cảm ơn tất cả các bạn đồng loại vì chỉ có số đông tinh trùng tụ tập quanh phôi châu mới gom góp được đủ yếu tố cần thiết để đâm thủng bức màn kia.

Vượt qua được chướng ngại khó khăn nhất, tinh trùng chạy lại sát mặt phôi châu và chui vào. Người ta hiện chưa biết tinh trùng chọn chỗ làm sao tuy người ta đã nghi chỗ ấy tập trung rất nhiều kích thích tố. Tinh trùng vào trong lòng phôi châu thì tức khắc phôi châu trở nên hoạt động, cho thoát ra một chất nhớt đánh dấu cho cuộc thụ thai. Số dưỡng khí cần dùng tăng lên : sự sống bắt đầu.

Trôi giạt trong phôi châu lớn gấp 85.000 lần, tinh trùng mất đuôi cùng những cơ quan trước dùng để đâm thủng màn phôi châu. Đầu nó phồng lên, xoay quanh một vòng, trở thành đực và tiến lại gần nhân cái đã thụ động nằm sẵn ở trung tâm phôi châu. Ngang đây ta nên chú ý nếu phôi châu vô cùng lớn so với kích thước tinh trùng, thì chính tinh trùng đã đảm nhận phần hoạt động trong cuộc hợp tác. Bây giờ, hai nhân nguyên thủy đã bằng nhau cuộc hợp tác có thể khởi xướng.

Hai tế bào hợp lại với nhau, trà trộn lẫn nhau, cùng nhau trao đổi nhiệm sắc thể cùng những hạt di truyền. Trong khoảng một nửa giờ, những đặc tính của đứa trẻ tương lai đã được xác định, từ màu da, tính phái, cho đến màu mắt, màu tóc cùng tánh nết, tính khí. Khi cuộc hòa hợp đã xong thì hai nhân hiện ra, khởi sự cho một cấu tạo di truyền mới, cấu tạo của một con người mới.

Phôi - thai giống như một con nòng nọc.

Từ đây, cuộc phát dục tuần tự tiếp diễn. Mười giờ sau, hai nhân lúc ban đầu trở thành bốn, ba ngày sau thành 36 với những phân sự nhất định. Sáu ngày sau thì cả một chùm bập bênh trong tử cung trước khi đóng cứng vào cái màng nhầy đã được sửa soạn trang bị để tiếp đón. Cái trứng lúc ban đầu này dần dần biến thành một cái đĩa có dau nối liền với màng tử cung để được nuôi dưỡng. Đầu tuần lễ thứ ba, một đường gạch nhỏ hiện ra theo chiều dọc của phôi phai và tiến dần lên đầu, kéo theo cả một mô tế bào làm cho phần đầu lớn thêm. Khi đường gạch này dừng lại biến thành ống dẫn, kế hoạch đời sống của con người cùng chương trình tổ chức toàn cơ thể đã được thiết lập.

Phôi phai lúc bảy giờ cấu tạo như ba tờ mỏng, bắt đầu dày lớn quanh ống dẫn và cuộn tròn lại như một cái bao. Cái bao này được nối liền với bóng rún có nhiệm vụ chế tạo và cung cấp huyết cầu trước khi gan và lá lách của phôi thai được vận dụng. Trong hai tháng đầu, phôi thai đòi hỏi rất nhiều hồng huyết cầu. Đây là một đặc tính buổi ban đầu đời sống chúng ta. Sau này, khi thai nhi được ba tháng, xương sống và những bắp thịt mới bắt đầu hiện ra, đồng thời ruột, gan, dạ dày, thực quản, tim cũng thành hình. Sau 24 ngày, phôi thai trong như một cái ống không tay không

chân. 48 giờ hai cái chồi đâm ra ở trên bắt đầu cho cặp tay sau này còn hai chân thì hai ngày sau mới chớm mọc. Qua ngày 25, tim bắt đầu đập.

Khi được một tháng, thai nhi dài 5mm và tương như có đuôi. Qua 6 tuần, lớn như hạt đậu, phôi thai trong tựa một con nòng nọc. Hệ thống hô hấp giống như của cá và tứ chi có thể ví như vây cá. Như vậy thai hoàn toàn sống trong nước: mặc dầu đầu to, tim lớn, thai nhi chẳng giống gì con người!

Năm 1866, Haeckel đã từng cho thai nhi là một cuộc ôn lập sự tiến triển của nhân loại qua tất cả các giai đoạn. Giả thuyết hay ho này mang một nhược điểm khá lớn là không có đủ chứng cứ để chứng minh chúng ta đã lần lượt từ cá qua rắn, khỉ trước khi thành người, nếu không chỉ là vài nét phác họa sơ sài chỉ rõ những giai đoạn này đã được vượt qua với một tốc độ vô cùng ớn. Cũng có thể xem cuộc gia tốc này là hiện tượng đặc sắc kỳ lạ nhất trong lịch sử con người và là dấu hiệu của sự tiến hóa. Thật vậy, khi thấy những đường rãnh mang cá vẽ hình trên đầu, ta nghĩ ngay đến sự hô hấp dưới nước tuy cấu tạo phôi thai chẳng giống gì cá. Cái đuôi nhắc nhở đến loài bò sát chẳng qua là túy sống kéo dài. Những hình thức sơ sài này không phải chỉ là sự rơi rớt còn lại của cấu tạo xưa kia mà như tưởng có trách nhiệm đến tương lai chúng ta.

Cơ-chế tổ-chức chế-tạo cơ-thể.

Hãy nghĩ xem nếu phôi thai chỉ trong 40 ngày tái diễn rút gọn những hoạt động biến hóa của hằng ngàn, hằng vạn năm, cần phải có một động lực hoàn toàn tự động, mỗi một cố gắng cần phải được thu gọn tích trữ trong những tế bào tổ chức. Những tế bào này là rường cột của cuộc chế tạo đứa trẻ sắp sinh, không có chúng, thì trật tự sẽ nhường chỗ cho hỗn độn, một chi tiết sắp đặt sai có thể biến con người thành quỷ quái.

Người ta đã hằng tưởng tượng cơ chế cuộc tổ chức là một chương trình đã được một bộ ám hiệu di tính truyền thống đặt ra khi thai được thụ. Chương trình ấy từ lúc đầu đã hướng tương lai ta theo một con đường nhất định, cần phải được những tế bào tổ chức am hiểu tường tận. Đến lượt những tế bào tổ chức này điều khiển những tế bào khác để thi hành chương trình. Những tế bào đợt nhì này đến lượt mình truyền lệnh cho những tế bào khác nữa để công việc được tiếp tục và như vậy cho đến lúc mọi cơ quan đều được chế tạo.

Người ta hiện chẳng biết nguyên thủy và bản chất những nhân viên có nhiệm vụ điều khiển và kiểm soát cuộc tổ chức và thi hành chương trình. Người ta cũng chẳng hiểu một động lực nào đã thúc đẩy hoặc nột hay những hóa chất nào đã tác dụng kích thích những tế bào kia. Nhiều công tác khảo cứu đang

bắt đầu đưa ra ánh sáng tác dụng của những ribonucleoprotein như tưởng có khả năng thay đổi hình dạng của phôi thai.

Dù sao, qua bảy tuần, tuy cân chưa được một gam, phôi thai đã có bộ mặt người với tai, mắt, mũi, lưỡi, hai hàm với 20 chân răng sữa. Đầu óc đã có cấu tạo đầu óc người lớn rút nhỏ lại. Tim hút vào thả ra mỗi phút 65 lần một số lớn máu. Đến tám tuần, thai nhi vận dụng toàn cơ thể. Ở chỗ hai cánh tay mọc lên những tế bào xương thay thế cho những lớp sụn. Cái đầu bắt đầu ngừng lên đánh dấu cho một giai đoạn mới, từ đây cuộc biến hóa sẽ ít ỏi chậm chạp hơn lúc ban đầu. Tuy vậy cuộc hoạt động cũng bắt đầu tăng lên. Hai chân bắt đầu đập mạnh, hai bàn tay nắm lại và nhất là cử động di chuyển của toàn thai nhi trong bầu nước.

Bầu nước này thật là cả một thế giới lúc ban đầu đời ta. Màng bọc bên ngoài gồm có một lớp tế bào bền chắc hơn vải nylon và bao bọc kín mít không cho ra vào bất cứ gì. Nước đọng ở trong, cỡ một lít lúc đầu sau rút bớt dần để nhường chỗ cho thai nhi lớn lên, cứ mỗi giờ thì thay đi một phần ba, như vậy mỗi ngày lưu chuyển đến 26 lít. Người ta phỏng đoán nước ấy qua màng bọc mà vào nhưng thoát đi thì người ta chẳng biết nhờ đâu. Bắt đầu từ tháng thứ ba, phôi thai nuốt vào một số lớn nước ấy và cho thải ra những giọt

nước tiểu phòng hủ, như tuồng đề tập tành dần các cơ quan. Bọc nước ngoài nhiệm vụ che chở đùm bọc thai nhi, còn có nhiệm vụ sửa soạn cho nó bước từ cuộc đời dưới nước qua cuộc đời trong không.

Nhiệm vụ quan trọng của cái thai-bàn

Mặc dầu không có khí trời, phôi thai đã tập thở. Dưỡng khí do thai-bàn hút từ tử cung vào. Thai-bàn còn là tim, thận, ruột, gan của thai nhi. Có đau nối liền với thai, thai bàn có thể đưa vào mỗi ngày 300 lít với tốc độ 6,4 cây số mỗi giờ. Có khả năng lớn lại nhiều hiệu lực, thai bàn chỉ dừng công tác vài giờ trước lúc thai ra ngoài. Tuy nhiên ngày nay người ta còn tiếp tục dùng thai bàn sau khi thai nhi đã ra khỏi lòng mẹ. Trong nhiều nhà hộ sinh, người ta chỉ cắt đau một giờ sau đẻ cho thai bàn còn tiếp tục chuyển qua thai nhi tất cả những gì còn chứa trong mình. Người ta bảo một đẳng đứa trẻ sẽ khỏi bị nghẹt thở, một đẳng nó sẽ chóng lớn sau này.

Qua tháng thứ năm, thai búi vào đau tương tự như phản ứng của giống khỉ búi vào lòng mẹ. Vào lúc ấy, nặng cỡ một nửa ki-lô, thai còn giống khỉ ở chỗ chân căng ngắn lại so với cánh tay và một lớp lông con bao phủ khắp mình. Người ta thấy lớp lông đó ở cả chân tay và môi trên. Khi lớp lông con bắt đầu rụng thì tóc mọc lên. Đồng thời một lớp mỡ trắng được

thoát ra ở mặt da để bao bọc toàn cơ thể chống lại nước. Sau này, qua tháng thứ tám, lớp mỡ ấy dày thêm để đứa trẻ khỏi bị lạnh khi ra khỏi lòng mẹ.

Đầu nằm ở dưới, da nhăn nheo, đứa trẻ sắp sinh lớn lên gấp bội trong những tháng sau cùng và sửa soạn ra ngoài. Khi bầu nước vỡ, đứa trẻ đụng chạm với khí trời thì hét lên để cho khí trời luồn vào phổi đồng thời lên tiếng chào đời. Nhiều nhà tâm lý học cho con trẻ ra đời với một trí khôn chậm tiến so với những cơ quan có trách nhiệm về động tác phản ứng. Động tác này cũng chậm so với thú vật. Nếu con cừu con mới sinh ra đã biết chạy nhảy ngay, trẻ con người phải đợi một năm rưỡi hay hai năm mới biết đi.

Có người cho sự chậm trễ này là biểu hiệu ta hơn thú vật: vì có bộ não lớn, trẻ con phải sinh ra sớm, Thật vậy, từ 350 cm³ lớn lên 800 cm³ một năm sau, nên đợi đến ngày ấy mới ra ngoài thì đứa trẻ không bao giờ qua lọt được xương hông của mẹ. Tạo hóa như tuồng đã khéo tính: con trẻ sinh ra sớm nhưng lại được mẹ chăm nom đùm bọc lâu dài. Người ta để ý khi mới được sinh ra, đứa trẻ con người vụng về hơn cả con cừu con, ngay cả đến vú mẹ cũng không tìm ra được một mình!

Thì ra mỗi một chúng ta, ngày đầu tiên tiếp xúc với đời, đã được xem như là một đứa trẻ sinh sớm, nhìn về mặt thai sinh học.

VÕ-QUANG-YẾN

Tài liệu Camille Delio

SỰ AN NINH CÁC BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

Bảo Hiểm

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện thoại : 23.739

ACCIDENTS — INCENDIES — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS
Tai Nạn Hỏa Hoạn Hàng Hải Linh Tinh

ĐẠI LÝ CỦA

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHÔNE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi Nhánh : Paris — Tourane — Cholon — Dalat — Cantho — Vientiane
— Hongkong — Tananarive — Tamatave — Addijan — Douala

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIEN

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

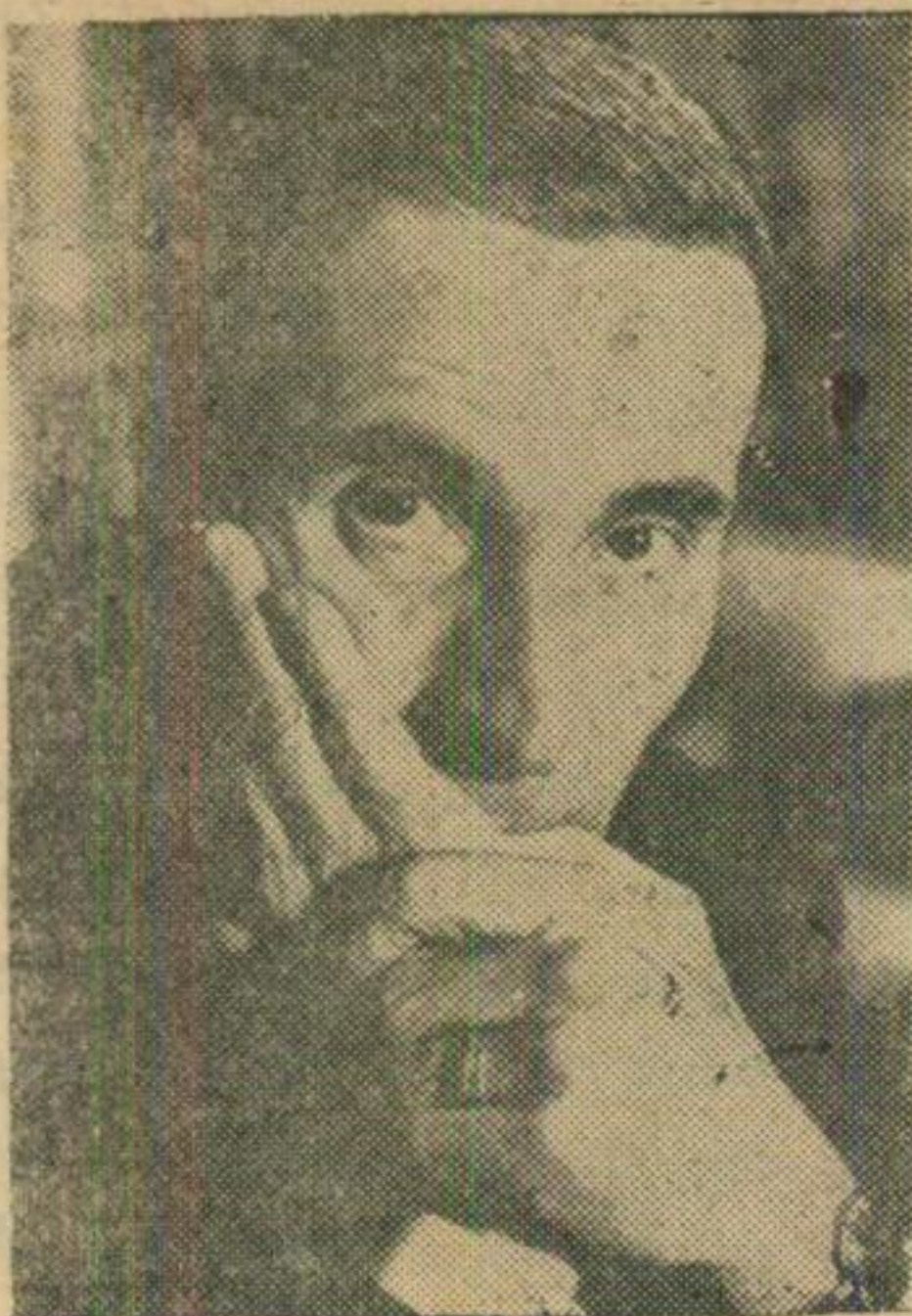
Tél. : 23.741 - 23742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCLOPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique
Installations de garothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.



BÚT KÝ

của Dino Buzzati

bản dịch của TRÀNG-THIÊN

*L.T.S.— Trong Bách khoa Thời-đại số 222, Tràng-Thiên đã có dịp giới thiệu tập bút ký độc đáo **En ce moment précis** của Dino Buzzati và trích dịch một đoạn tác (Con dán ngoài hành lang.)*

En ce moment précis (như đã trình bày ở số BK.TĐ nói trên) là một tác phẩm bao gồm nhiều văn-loại khác nhau mà cùng kỳ lạ, lý thú. Một **Con dán ngoài hành lang** không đủ tiêu biểu cho tập Bút ký đó nên lần này chúng tôi đăng thêm bản dịch một số đoạn tác nữa để giới thiệu cùng bạn đọc những vẻ đẹp khác nữa của tác phẩm.

Hành lang khách sạn

Khuya khoắt mới về tới khách sạn, tôi đã cởi đồ đạc gần xong bỗng thấy cần đi cầu một chút.

Căn phòng của tôi ở gần cuối một dãy hành lang dài thăm thẳm và tối lờ mờ, cứ cách khoảng độ vài chục thước có một bóng điện tim tím chiếu một vệt ánh sáng xuống tấm thảm đỏ. Ngay chính giữa, đúng vào chỗ một ngọn điện tí hon như thế, phía bên này có tam cấp và phía bên kia là cái cửa kép lắp kính của phòng vệ sinh.

Choàng chiếc áo ngủ lên người, tôi bước ra ngoài hành lang. Chỉ còn chút xíu nữa là đến nơi thì tôi suýt cụng đầu với một người từ phía hành lang đằng

kia đi ngược lại, ông ta cũng khoác áo ngủ. Đó là một người đàn ông to lớn béo bự, có đề tí râu ngắn theo kiểu Edouard VII. Có phải ông ta cũng có ý định như tôi chăng? Cả hai chúng tôi chột lúng túng một chút, như thường vẫn xảy ra. Nhưng rồi tôi thấy gương không muốn bước vào phòng vệ sinh trước con mắt ông ta, cái đó bạn muốn hiểu sao thì hiểu, và tôi cứ đi tiếp tục đi thẳng như là định tới chỗ khác. Ông ta cũng thế.

Đi được mấy bước, tôi thấy ngay sự ngốc nghếch của mình. Nhưng biết làm thế nào? Có hai giải pháp: hoặc là cứ đi tuốt cho tận cùng dãy hành lang rồi quay trở lại, hy vọng rằng trong lúc ấy ông râu nọ đã đi xa rồi. Tuy vậy

không chắc gì ông ta sẽ vào một căn phòng nào đó để cho tôi được tự do; có thể chính ông ta cũng định vào phòng vệ sinh, nhưng vì gặp tôi nên ông ta ngược, y hệt như tôi, và lúc này ông ta cũng đang ở vào một tình trạng bối rối như tôi. Vậy nếu tôi quay trở lại, có thể tôi sẽ gặp ông ta một lần nữa và sẽ lại có vẻ là một thằng ngốc thêm một chút nữa.

Hoặc là, biện pháp thứ hai, tôi núp vào một xó cửa nào đó, khá sâu, chọn lấy một xó tối nhất, rồi đứng đó rình chờ cho đến lúc nào hành lang thực hoàn toàn trống. Tôi liền làm theo cách ấy, trước khi phân tích tình hình tới nơi; tới chốn.

Chỉ sau khi ăn mình vào xó cửa phòng số 90, như một thằng ăn trộm, lúc bấy giờ tôi mới bắt đầu lý luận. Trước hết, giả sử phòng này có người ở, và người ấy chột ở trong phòng bước ra hay từ ngoài về, trông thấy tôi núp sau cánh cửa của hắt, hắt nghĩ sao? Nhưng thế này mới lại nguy hơn: đã chắc gì đây không phải là chính căn phòng của ông râu nọ? Ông ta mà trở bước lại thì tôi hết ngõ thoát. Không cần đa nghi cho lắm, ông ta cũng thấy cái trò của tôi là kỳ cục. Tóm lại, đứng lại đây là chuyện đại dột nhất.

Rón rén tôi vươn cò ra quan sát ngoài hành lang. Hoàn toàn vắng từ đầu đến cuối. Không có một tiếng động, hông có một bước chân, không có một

tiếng nói nào vọng lại hay một tiếng cửa nào mở ra cót két. Đúng lúc rồi đây. Tôi bước ra khỏi chỗ núp, và ung dung tiến về phía phòng mình. Vừa đi tôi vừa nghĩ sẽ ghé vào phòng vệ sinh một lát.

Nhưng đúng vào lúc ấy, cái ông râu nọ, chắc chắn là cũng vừa suy luận y hệt như tôi, từ một xó cửa cuối dãy hành lang bước ra, có lẽ là cửa phòng tôi cũng nên, đi ngược lại phía tôi, và tôi nhận ra đã muộn quá không thể lánh nấp được nữa.

Lại một lần thứ hai, càng thêm lúng túng hơn, chúng tôi gặp nhau trước cửa phòng vệ sinh; và lại một lần thứ hai, trong 2 người không ai muốn bước vào, khó chịu vì bị người kia trông thấy: bấy giờ quả tình chúng tôi có vẻ lố bịch.

Thế là vừa trở về phòng tôi vừa thăm nguyên rửa cái tâm lý e ngại. Về tới trước cửa phòng, trước khi mở, tôi quay lại nhìn: ở phía đằng kia, trong bóng tối, tôi thấy mờ mờ ông râu nọ cũng đang vào phòng như tôi; ông ta quay lại để nhìn tôi.

Tôi nổi cáu. Nhưng đó không phải tại tôi cả sao? Tôi cầm tờ báo giả vờ đọc, chờ đợi độ nửa giờ. Rồi tôi mở cửa cẩn thận. Khách sạn im vắng như thể một trại lính bỏ hoang; và hành lang thì vắng hơn lúc nào hết. Nào! Tôi nhảy ra, gần như chạy lao tới phòng vệ sinh.

Nhưng từ phía đằng kia, tựa như là một trường hợp thần giao cách cảm,

đúng y vào lúc ấy, ông râu nọ vọt ra khỏi phòng và đâm bồ tới nhà vệ sinh nhanh không thể tưởng.

Lần thứ ba, chúng tôi lại cụng đầu nhau trước cánh cửa gương mờ ấy. Lần thứ ba cả hai chúng tôi lại tiếp tục đi thẳng. Tình trạng khô hài quá, chỉ cần một chút xiu gì đó, một nháy mắt, một nụ cười là đủ phá tan sự khó chịu và biến tất cả câu chuyện thành một trò đùa. Nhưng cả tôi lẫn ông ta hẳn là đều không có ý muốn đùa ; trái lại chúng tôi nổi lên câu tiết sùng sục. Bầu không khí như trong cơn mơ, như là có một cuộc bố trí bí mật xếp đặt đề trên chúng tôi.

Cũng như lần đầu, rốt cuộc tôi lại lách mình vào một xó cửa nào đó ẩn nấp để chờ đợi coi sao. Ít ra là để tránh bớt tai hại chuyển này phải chờ cho ông râu nọ ra khỏi chỗ nấp trước đã, vì chắc chắn ông ta cũng đang nấp như tôi ở cuối hành lang phía đằng kia. Tôi sẽ để cho ông ta đi được một quãng khá dài rồi đến lúc chót tôi mới bước ra ; như thế cho khỏi phải gặp ông ta ngay trước cửa phòng vệ sinh mà gặp mãi tận xa hơn, để tôi được tự do hành động không bị ai chứng kiến rầy rà. Hoặc giả trước khi gặp tôi mà ông ta có quyết định vào phòng vệ sinh thì lại càng tốt ; xong việc rồi, ông ta rút lui về phòng và suốt đêm sẽ khỏi trông thấy ông ta nữa.

Ló ra một mắt, tôi nhìn hồi lâu (vì cách nhau quá xa tôi không thấy được ông nọ có làm như mình không). Đúng

mãi mỗi chân, một lát, tôi ngồi xếp xuống tuy vẫn không ngót mẩn cán. Nhưng ông nọ vẫn chưa chịu bước ra. Tuy nhiên ông ta vẫn ở đó, cũng nấp mình, y hệt như tôi vậy.

Tôi nghe đồng hồ đánh 2 giờ rưỡi, 3 giờ, 3 giờ 15, 3 giờ rưỡi. Tôi chịu hết nổi. Rốt cuộc tôi khuyu xuống ngủ.

Sáu giờ sáng, tôi thức dậy, xương cốt rã rời. Ngay lúc bấy giờ tôi không còn nhớ gì hết. Cái gì thế này ? Tại sao tôi lại nằm dưới đất như vậy ? Rồi thì tôi trông thấy nhiều người khác cũng như tôi, trên người choà ngáo ngủ, thu mình trong các xó cửa : kẻ thì quì gối, người thì ngồi, kẻ thì cứ đứng nguyên mà thiếp đi như thể những con lừa ; vẻ nhột nhạt, phờ phạc, như là sau một đêm chiến đấu vậy.

Năm 1.000

Dưới đất tối om. Họ nằm bên nhau, hai vợ chồng, người vợ đã từ hai mươi năm rồi, còn người chồng thì mới đây.

Người vợ nói : « Em chờ anh mãi, thế mà bây giờ lúc anh xuống đây với em mãi mãi, không còn gì chia cách chúng ta được nữa, bây giờ anh vẫn ai oán. Anh không nghĩ tới em được sao chứ ? Anh tiếc cái gì ? Bỏ lại cái cửa hàng cũ kỹ với những kẻ vào người ra, bỏ buôn bán, vàng bạc, anh buồn hả ? »

Người chồng trả lời : « Em nói hay nhỉ ! Toàn những thứ rầy rà phiền phức không ngót ».

«Vậy thì còn gì nữa ? Anh bỏ lại cô nào trên đó hả ? Anh sốt ruột vì cô ấy chớ gì ? »

Người chồng nghiêm khắc : « Không, không có chuyện đàn bà vô đây ».

« Vậy vì bạn bè hả ? Hay là vì ngôi nhà của chúng ta ? Hay vì mấy chú em ? »

« Không, không, không phải vì những chuyện ấy. Em cố gắng hiểu giúp cho anh chút coi ! »

Người vợ cực khổ kêu : « Hiểu ? Nếu anh không chịu nói, nếu anh không giải bày gì hết, anh bảo làm sao em đoán ra được kia chớ ? »

« Thì là vì Cuộc Sống đó mà ! Anh chỉ vừa ngót năm mươi một tuổi. Vì Cuộc Sống đó ! Ánh sáng, mặt trời, khuôn mặt kẻ nọ người kia, những cánh đồng cỏ, đó bây giờ em hiểu chưa ? Tiếng ngựa phi và những con đường, cây cối với những lá xanh. Tiếng trẻ con, mình nằm dưới này có nghe được không ? Và chim, và gió, và tiếng nhạc, tiếng rao hàng, tiếng con chim cu trong rừng, tiếng đàn bà hát, mấy năm nay em có nghe được không ? Và còn ánh lửa mỗi chiều, còn núi, mây, em có nhớ ra sao không ? Và lại cái vị của khúc bánh mì, và của xúc xích, và rượu ? Bọn họ, ở trên ấy, họ còn hưởng, họ còn được tất cả những cái ấy. »

« Họ còn được cả, đúng thế, và chúng

mình thì không. Nhưng cũng chẳng bao lâu nữa. »

« Sao vậy ? »

Người vợ bảo : « Mấy hôm nữa, có lẽ không đến. Ở đây mình không biết được mặt trời lặn mọc lúc nào, nhưng các mùa thì biết được. Em có tính mùa. Rốt cuộc sắp chấm dứt rồi đấy. Chẳng bao lâu nữa đến năm một nghìn và lời tiên tri sẽ được thực hiện. »

« Ý em muốn nói tận thế đó hả ? »

« Nhất định, hiển nhiên như Chúa có mặt. Sẽ không còn một ai sống sót. Thế thì anh đừng có than oán nữa. Trên chỗ mà anh muốn trở lại, trên ấy, cứ mỗi ngày lần lượt trôi qua, là nỗi lo sợ đang mỗi lớn thêm. »

« Nhưng tại sao em biết chuyện ấy ? »

« Em biết. Các nhà thờ chật ních hết, bọn vô đạo quì xuống đập ngực sám hối, van nài xin. Trời hoãn cho một thời hạn, họ xin thêm lấy một năm, một tháng, một ngày. Nhưng từ những thuở hồng hoang thiên cổ Trời đã định thế rồi. Nhất định thế, một nghìn, không thể hơn nữa. Không ai có thể đổi thay chút gì được cả... Không bao lâu nữa tất cả bọn họ cũng sẽ như chúng mình, anh biết không ? Bọn họ cũng tối mịt mùng, không còn nhạc nhĩc, rượu chè, không còn cười giỡn gì nữa cả. Các ông hoàng, các tay phú thương, các nhà quý tộc, các vị giáo chủ, tất cả đều vùi xuống đất, đều thành tro bụi, thành dòi bọ như chúng mình hết. Chừng ấy anh bằng lòng chứ ? »

Họ chờ đợi. Họ không nói nữa, sợ lỡ mất dịp. Chỉ lâu lâu, người chồng nóng ruột mới hỏi : « Em có nghe như có một tiếng rên rĩ không ? Có lẽ sắp tới giờ rồi đó hả ? »

Người vợ đáp : « Không, tiếng đó em biết. Đó là ngọn gió đêm đêm vẫn lướt trên các tảng đá, quét lá rụng, và xiết qua các cây thánh giá rên rĩ thế đấy. »

Im lặng càng tăng. Chỉ thỉnh thoảng mới nghe thấy ở bên trên có tiếng người sống đi trên một lối nhỏ. Mùa đông rồi, và cái ngày mùng 1 tháng giêng ấy đang tiến tới, sau ngày ấy rồi sẽ không còn có tháng giêng nào khác nữa, tháng ba, tháng chín cũng không, không còn gì để làm mốc đo đạt những nỗi phù trầm biến thiên của nhân thế nữa, chỉ còn một vịnh cửu bất biến, vô vị và trống rỗng, không còn tính toán kỷ niệm gì nữa, không còn những lễ Phục sinh với hồi chuông đồ nữa.

Người chồng nói : « Maria, có kẻ gào la. Em nghe không ? Gần đây thôi. Anh chắc thế. »

Người vợ : « Một con sói đấy. Em biết. Mỗi mùa đông nó đều có xuống nghĩa địa và tru dưới ánh trăng. »

Người chồng nói : « Maria, em không nghe thấy có tiếng gõ sao ? Một thứ tiếng đập gõ, như tiếng búa ấy mà ? Có phải sắp tận thế đó không em ? »

Người vợ nói : « Không, tiếng ấy mấy năm đầu tiên em cũng có nghe. Đó chỉ là tiếng tim đập vang lại, nó vẫn còn vang dội nơi ta, như là một kỷ niệm. »

Nhưng bỗng nhiên có một sự im lặng không cùng như chưa từng bao giờ có

thế. Người chồng tưởng chừng trên người mình không phải chỉ là một lớp đất mỏng mà có cả một trái núi án xuống. Đúng rồi, thế là báo hiệu đây rồi.

« Maria, Maria, đó hả ? Đó chứ gì. »

« Em không biết. Có lẽ, im lặng quá. »

Họ chăm chú, thưởng thức cái yên vắng hải hùng, và người chồng không nói gì nữa cả. Chỉ lắng nghe thôi, cái hư không tưởng còn êm dịu hơn tiếng nhạc. Và thời gian, không, không phải là thời gian nữa mà là một vịnh cửu im lìm dường như nuốt chửng họ. Chắc chắn là tháng chạp đã qua, bây giờ đang là tháng giêng, hoặc là tháng hai trên cái thế giới đã tắt ngấm ấy. Và xung quanh, Vũ Trụ tiếp tục xoay vần một cách vô ích.

Nhưng không, có cái gì khác với im lặng vừa đến tai người đang thiếp dưới lòng đất. Bằng tất cả thiết tha của tâm hồn, người ấy mong rằng chuyện đó không có thực.

« Maria, Maria, có cái gì... »

« Vâng ». Người đàn bà không dám thêm một lời nào nữa. Năm một nghìn ! Một bước chân, cái tiếng quen thuộc của hai chân người nhẹ nhàng tiến đến. Những bước chân ấy, nó chậm chạp và mệt nhọc, nó kéo lê, nó cử động khó khăn, như thế của những người tàn tật già nua. Nhưng mà nó sống.

Tiếng động tiến đến gần, lướt trên mộ, vượt qua, rồi dần dần mất hút.

Người đàn ông rên rỉ : « Trời ơi ! Thì ra vẫn chưa tận thế sao ? » Và người đàn ông tưởng chừng trông thấy rõ : ánh bình minh từ từ soi sáng thế giới ấy, và dưới những vì sao đang lần lượt tàn tắt, khói tỏa trên các mái nhà, những thứ tiếng đầu tiên của một ngày nó kỳ diệu làm sao, một tiếng gà, một tiếng bánh xe nghiêng trên đường, lính đi tuần về trong tiếng gươm khua ròn rảng, mùi bánh mì, trong gian phòng tối cô gái mỉm cười trong giấc ngủ, một tiếng kèn xa xa, và gió, gió vung vẫy những lá cờ trên các chóp tháp canh !

Người đàn ông nổi giận ; « Bọn chúng vẫn tiếp tục ăn. Chúng vẫn còn cười, còn hôn nhau. Rồi thì lại sinh ra những đứa khác cho mà xem. Bọn khốn nạn ! »

Người đàn bà bảo : « Ồ ! Vâng ! Rồi lại sinh ra nữa ».

Từng giọt

Chiều hôm ấy, khi đi ngoặt góc đường Cernaia, tôi nghe có một tiếng động phát ra từ tầng dưới của ngôi nhà cháy và bỏ hoang ấy. Phía sau các màn lưới cửa sổ chỉ thấy bên trong toàn bóng tối, ẩm ướt, lạnh lùng và thăm thẳm, với những ánh sáng xanh lọt lạt của ngọn đèn đường chiếu vào. Ấy là thứ tiếng kêu giống như tiếng củi cháy nổ lách tách, nhưng không trông thấy có ánh lửa.

Trời tối, ở một nơi hoang phế. Đã hai lần tôi nhìn vào, bởi vì tiếng kêu ấy quả giống như tiếng củi cháy (có thể là do một cậu du đang cùng đường nào

đó đốt lên chăng ?) Rồi bỗng nhiên tôi chợt nghĩ rằng đó chỉ là nước, những giọt nước chậm chạp và nặng nề rơi xuống những mớ vụn nát hỗn độn. Theo một nhịp điệu kỳ quặc riêng của nó, tiếng rơi từng giọt nọ vang lên trong khoảng mịt mù của cái nham huyết ấy với ít nhiều đau xót. Và bây giờ, ngược nhìn lên không, tôi trông thấy các vì sao nhấp nháy, sao Lang tinh, sao Lạp hộ, với những ngôi sao phụ kỳ diệu ! Quang tinh mênh mông bên trên nổi cơ cực và lạnh lẽo của đô thị. Mai đây, hỡi các bạn, ánh nắng rồi lại sẽ tràn vào nhà, lại sẽ có ánh xuân rực rỡ, các con tim sẽ được sưởi ấm. Nhưng trong ngôi nhà cháy, nước đang rơi từng giọt từng giọt, vang dội. Sao có thể như vậy được nhỉ ? Lúc ấy tôi tưởng hình như hôm qua trời có mưa. Suốt hôm lễ Giáng sinh, nước trút như thác ! Và nước rịn qua các rầm nhà đổ nát, từ tầng nọ xuống tầng kia, đã phải mất nhiều thì giờ, mãi đến bây giờ mới vượt qua khỏi trở ngại cuối cùng và rồi cuộc đang rơi từng giọt trên các đồng vụn nát với những tiếng kêu lách tách ảm đạm.

Nhưng kìa ! trận mưa cuối cùng có phải mới đổ hôm qua đâu. Tôi nhớ ra là từ bao nhiêu tháng nay không hề có một giọt mưa nào rơi xuống. Như vậy thì nước đã mất đi hàng bao nhiêu tháng để xuyên qua ngôi nhà từ trên xuống dưới, đọng đây đó thành vũng, rồi lại chảy dọc theo các đường nứt rạn. Bên

ngoài đã khô như sa mạc Phi châu. Có ai còn nhớ gì đến ý nghĩa của các đám mây nữa đâu? Thế mà ngôi nhà ấy thì vẫn còn. Đồng nhà sẽ đồ ấy đã từ từ ngấm hút nước ấy và lưu giữ lại trong xác nó. Mãi cho đến hôm nay, rốt cuộc, nó mới giải thoát ra. Cũng như chúng ta, vâng, cũng như chúng ta vậy. Tôi nhớ đến con người, đến cái lối mỉm cười buồn bã của hắn cách rất lâu sau một tai họa.

Như thế tận đáy lòng hắn các giọt nước đến đây mới bắt đầu rơi xuống những màn mỏng nhạy cảm nhất của đời hắn. Và xung quanh, sự im lặng hoang tàn của đời, ai nấy chỉ vào hắn mà cười cợt không hiểu gì, và chỉ có mình hắn là còn nhớ mà thôi!

Trăng tròn

Không còn thấy hồ sơ về hãng Metal-mécanique Cislighi đâu nữa cả.

Kỹ sư Sebasti hét lên: « Mới ngày kia nó hãy còn. Cô Miani, cô thử tìm trong ngăn giấy tờ về cung cấp một chút coi. Không lẽ nó bay được sao chứ! »

« Thừa ông kỹ sư, em tìm đã nửa giờ rồi. Xin trình lại ông rõ là không có ở trong ấy. »

« Nào, nào, cô để tôi tìm coi... Trời ơi... Mắt của cô để ở đâu vậy?... Cô không trông thấy nó nằm trên hết kia sao? Ừa không, chắc! Không phải... Thế nhưng... mới ngày hôm qua nó còn ở đây mà. »

Chàng lớn tiếng:

« Vô lý, chắc chắn có ai lấy mất hồ sơ đó rồi. »

Chàng ngược mắt lên. Cô Miani nhỏ bé tái nhợt, dưới chiếc áo choàng màu đen ngực cô phập phồng hốt hoảng. Cô làm việc trong hãng đã mười lăm năm rồi nhưng vẫn còn nhút nhát, cứ hễ Sebasti gắt lên là cô ta run như một đứa trẻ.

« Cô đừng có run lên như thế, nghe chưa? Cô sợ tôi ăn thịt đi hả? »

Cô ta lắp bắp: « Nhưng em... em... c.c.c... »

« Cô nói gì vậy? Lại đây, cô đáp ứng cái gì tôi không hiểu gì cả... »

Chàng nghĩ: Mình nắm cổ tay, kéo nàng lại sát, và hôn. Thế cho xong. Đã mười lăm năm mình nghĩ tới chuyện ấy. Nếu chiều nay, trong lúc ai nấy đều về hết mà mình không dám chuyện ấy thì... Chàng liếc nhìn đồng hồ điện trên vách: 8 giờ 10.

Ngay lúc ấy chàng thấy hồi hộp. Rồi trong đầu có một cảm giác kỳ lạ, như là ai bơm rút não chàng ra vậy. Chàng lão đảo. Chàng nghĩ: Đúng vào lúc này! Chỉ còn chút xíu nữa là xong thì mình lại phát khó chịu.

« Cô làm ơn cho xin cốc nước. »

Hoảng hốt, cô Miani chạy đi tìm nước. Chàng cố gắng đứng. Chàng nghĩ: chắc là do tuổi tác, mình không còn vững vàng như trước nữa.

Cô ta trở lại. Bưng ly nước trên tay cô ta đứng trước mặt chàng, nhìn chàng chăm chú, đôi môi hé mở. (Sebasti thăm

nghe : Và cả nàng nữa, da mặt dưới hai mắt nàng cũng đã mệt mỏi rồi !)

Đề cho dễ thở, chàng xô cánh cửa sổ mở xuống khoảng sân của ngôi nhà cũ kỹ thuộc thế kỷ thứ XIX. Một luồng gió lạnh tràn vào. Bên ngoài trời đã tối, và đêm tối tràn ngập ánh trăng. Chàng không hay biết, cô nữ nhân viên không hay biết, anh gác cửa, ông thị trưởng, ông cảnh sát trưởng, vị giám mục và tất cả dân chúng không ai hay biết ! một vầng trăng trong vắt và huy hoàng đang chiếu khắp thành phố. Như một cái nhìn lặng lẽ mệnh mông. Và dưới cái ánh sáng bí mật ấy, cho đến cả những vách tường trong khoảng sân cũ kỹ điêu tàn cũng hóa thành thơ mộng.

Thơ mộng luôn cả những chiếc thùng, những cây chổi, những cái ghế và quần áo treo phơi. Thơ mộng đến cả cái bóng tối dày đặc ở trong góc chỗ mấy người thợ nề còn để lại cái cộ của họ. Lâu đài của Bagdad, cung điện vua chúa sung sướng giàu sang, mơ mộng... Và phía sau những cánh cửa sổ đóng ấy là những mối tình xa lạ ! Không có chút gì thay đổi từ những thuở xa lắc hồi chàng còn thơ ấu đến giờ, vẫn một thứ ánh sáng ấy, vẫn một niềm hoan lạc ấy, và bên trong vẫn một hoang tàn khôn tả ấy.

Ngay lúc đó, trong bàn giấy có tiếng điện thoại reo lên. Chàng đưa bàn tay lên ôm trán, mệt mỏi kinh khủng.

VÕ PHIẾN

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

Nguyễn-Sieu — Téléphone : 20.821 — SAIGON

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ - UYÊN (6)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Định bực dọc ấn mạnh ngọn nến xuống, buông tay ra. Ngọn nến từ từ đổ sang một bên, chàng vội đưa tay giữ lại, một giọt nước bỏng rớt trên da làm chàng thốt ra một tiếng nguyên rủa. Một câu nói từ bóng tối phía sau :

— Chuần úy gắn lên đỉnh mũ sắt là được ngay.

Chàng nghe lời, lật úp cái mũ xuống để sát đầu ghế bố, nghiêng nền cho giọt mỡ rơi đúng đỉnh :

— Anh nói có lý. Nó đứng vững thật.

Ngả người nằm dài trên ghế, hai chân còn nguyên giầy gác lên vách tường, chàng nhìn những đợt sóng đậm nhạt theo đường lồi lõm của mái tôn. Tiếng cười nói lao xao lẫn tiếng ngâm vọng cò bên kia vách. Chàng vờ vờ tự hỏi sẽ làm gì khi cuộc chiến này chấm dứt. Giải ngũ rồi làm gì. Trở về sở cũ rồi kệ tháng ngày qua ? Cũng thú vị, không còn bị bó buộc, không còn phải nghe lệnh, không còn bị mất hết thời gian. Nhưng rồi sao nữa ? Mỗi buổi sáng rửa mặt xong quần áo chỉnh tề đến một quán gần sở ăn sáng, uống cà-phê sữa, hút điếu thuốc đầu tiên cho tới khi nắng đã bớt màu vàng sẫm yếu để trở thành nhạt hơn cho một ngày sắp bắt đầu. Ngày hôm sau như ngày vừa qua, ngày hôm nay như ngày kế tiếp gần cách bằng một ngày chủ nhật đi lang thang con đường lớn, vào ngắm vài cuốn sách, ăn vài thứ quà vặt để tối ngồi trong một quán vắng mơ ước lảng quăng tới một tương lai có nhiều đàn bà hơn để xử dụng, để thay đổi. Những đêm yên tĩnh một mình hay với Linh và những ngày tháng qua đi. Tháng hai, tháng ba, tháng tư và tháng năm. Không, chàng đã không hài lòng, đã bực bội vùng vẫy để thoát khỏi chúng — những thứ bây giờ nằm đây dưới mái tôn với ánh sáng ngọn nến lập lờ chàng đang mong ước có lại. Giải ngũ chẳng giải quyết được gì. Sau cùng có lẽ chỉ có Linh, sự hiện diện của nàng, với thân thể và khoái cảm do nàng mang lại là làm chàng thấy tự đủ trong cuộc sống — nhưng không phải lúc nào và mãi mãi đủ. Sống liên tục cạnh nhau, nhiều khi Linh với những thứ nàng có không làm ghi chàng vào hiện tại nữa, trí óc trở thành bông bênh và ao ước một cuộc sống khác. Ở nơi đây, với ánh sáng ngọn nến đậm nhạt theo đường lồi lõm của mái tôn, chàng vùng vẫy và ước vọng, đã vùng vẫy và ước vọng khi còn là dân sự, chàng sẽ phải vùng vẫy và ước vọng sau này. Những ước vọng có thể lớn và mang những danh từ đẹp, thần bí nhưng vẫn chỉ là những ước vọng để vùng vẫy tiến tới chúng. Tại sao cứ phải là như thế ? *Em không giúp được gì hơn cho anh sao, anh muốn có em và muốn có hiện tại tự đầy đủ cho anh chìm vào đó.* Không, Linh không thể làm gì hơn, không thể giúp gì hơn là đôi mắt cúi xuống nhìn, hai bàn tay ấm nóng áp trên ngực khi chàng ra xa, rời đi, không còn ở bên nàng, không còn ở trong cuộc đời hiện có. Một bình si lại gần, cúi xuống :

— Ông Yên bảo chuẩn úy ra sân uống rượu.

Binh sĩ táy máy cầm cuốn truyện trên đầu ghế bố, chăm chú nhìn hình thiếu nữ mặc áo xanh đương nghiêng đầu :

— Sách chi mà dày dữ vậy, chuẩn úy ? Tiếng Tây hay tiếng Mỹ ?

— Tiếng Pháp.

Chàng cúi xuống thỏi ngọn nến, bước ra ngoài. Trăng chưa lên, các ngôi sao hiện rõ trên bầu trời, cột ăng-ten siêu tần số lắc lư theo chiều gió, ngọn mắt hút trong bóng tối. Chàng hơi ngần ngừ nhìn bàn tay của tiểu đoàn trưởng chỉ vào một chiếc ghế kế bên.

— Xin đại úy cứ để tôi tự nhiên.

Chàng đi vòng quanh bàn, hơi cúi đầu chào viên thiếu tá Mỹ đang nhìn chàng qua ly rượu với một phần.

— Anh uống xéc hay sô-đa ?

— Sô-đa trung úy... Xin cứ tiếp tục. TỐp, cảm ơn đại úy.

— Anh này có vẻ tửu lượng cao đấy.

Chàng đặt chai sô-đa xuống bàn, mỉm cười nhìn khuôn mặt tiểu đoàn phó hiện rõ trong ánh sáng hắt từ trong nhà ra :

— Cũng đại khái thôi, đại úy.

Rượu lạnh thấm vào lưỡi, vào miệng, vào cơ thể làm chàng khoan khoái. Hai bờ tường lũy chạy téo dái, cao và sù sì làm chiếc sân thành một khoảng không gian chắc chắn. Chàng hỏi tiểu đoàn phó :

— Đại úy người miền nào ? Tôi nghe giọng chỉ biết đại úy ở miền Bắc vào như tôi.

— Tôi người Móng Cáy.

— Tưởng đại úy người Nùng.

— Gọi là Nùng cũng không sai mấy.

— Tôi nghe nói người Nùng nói tiếng Tàu giỏi lắm thì phải ?

— Tôi và vợ tôi vẫn viết thư trao cho nhau bằng chữ Hán. Có tụi con tôi thì không biết một chữ nào, như người Việt vậy. Anh có vợ chưa ?

— Rồi đại úy. Đại úy có mấy anh chị tất cả ?

— Sáu. Bốn trai hai gái. Đứa út đang học trường Thiếu sinh quân. Chúng nó cũng lớn cả rồi nên tôi cũng đỡ lo khi về hưu.

— Đại úy còn mấy năm nữa ?

Chàng uống một ngụm rượu lớn, để chất lỏng chảy thật chậm xuống cổ, lắng nghe từng bọt hơi cay cay trên đầu lưỡi, cảm thấy vui vẻ và an bình với những bóng người nửa tối nửa sáng ngồi chung quanh và hai dãy tường lũy kéo dài mất hút vào bóng tối dưới lô-cốt đại liên.

— Tôi còn một năm nữa thôi.

— Lương hưu trí có nhiều không đại úy ?

— Chẳng bao nhiêu. Nhưng vườn cam năm nay bắt đầu có hoa lợi.

— Đại úy có vườn cam kia à ? Mấy chục mẫu đại úy ?

— Ba mẫu thôi.

(K.D bỏ tròn một trang)

Tiếng cười ồn ào quanh bàn, thiếu tá Mỹ cười theo, hỏi :

— Các bạn có gì vui thế ?

Vận cao giọng hướng về phía tiểu đoàn trưởng, hơi rượu phả vào mặt Định làm chàng nhấn mặt :

— Đại bàng cho dịch cho quan Đại Mỹ nghe chơi chẳng ?

Tiểu đoàn trưởng ngả người vào thành ghế xích đu, lắc viên đá trong ly rượu, cười :

— Muốn dịch thì dịch đi !

Định đứng dậy, ra góc sân, đá vào hố chàng đã đứng cạnh tắm vào buổi trưa. Mện rượu chênh choáng. Ngửng đầu lên nhìn trời, trăng chưa mọc, chàng quay lại, vừa cài cúc quần vừa đi vào bàn. Tiếng súng đột nhiên nổ liên tiếp làm chàng đứng sững lại giữa sân lắng nghe. Một vài binh sĩ chạy băng qua, nhẩy xuống hố súng cối 81. Các câu nói thanh, ngắn và lớn xen nhau : «Gần thôi, phía bên kia cần...» «Hướng 3400, lẹ lên ! Nửa vòng nữa ! ». Hai tiếng nổ lớn vọng lại Định bước lại gần bàn rượu. Yên quì trên mặt mở lớn trên tấm bản đồ trước tiểu đoàn trưởng, tay cầm bút chì giờ sẵn, mắt hướng vào phía trong. «Vận to lên chút nữa !» Tiếng rè rè lịch kịch, các âm thanh điện tử lộn xộn phát ra. Tiểu đoàn trưởng la : «Làm ăn cái con khỉ gì vậy ! Đã cho lệnh mở máy thường trực, bây giờ còn lại cùi điều chỉnh để đợi chúng đánh cho há hốc miệng ra hả ! » Tự dưng chàng nhận thấy bây giờ, tiểu đoàn trưởng, viên cố vấn, tất cả những người quanh bàn đều nhìn vào phía trong nhà, phía treo chiếc loa khuếch đại, hình như cùng tin có thể nhìn thấy qua cái vật hình vuông rè rè chói tai ấy trận chiến đang tiếp diễn ngoài kia. Tiếng la trách nhau của các quân nhân ụ súng cối văng tới, chàng nghe rõ tiếng hộp các-tông đựng đạn va vào vách tường đồn. Giọng Vũ bắt đầu rõ ràng hơn : «Vinh ! Vinh ! Cho thêm hai trái đạn nổ vào nghĩa trang bên trái quốc lộ, cách đường 200... Tôi nhắc lại, hai đạn nổ nghĩa địa bên trái đường, cách mặt lộ 200 ! ». Các cái đầu đồng cùng xuống bản đồ theo ngọn bút chì mờ của Yên : «Chỗ này ! chắc thắng Vũ ở bên phải quốc lộ hướng Bắc bình Zou lou...». Tiểu đoàn trưởng và viên cố vấn cúi sát hơn, Hardy vội cầm chiếc đèn pin trên bàn rọi lên bản đồ. «Hỏi thằng Vinh ba xem có cần yểm trợ không ! » Chàng theo Yên đến ụ súng cối. Tiếng Yên nhỏ và chậm ngắt từng đoạn : «Hướng 3500, cao độ 62.. 3500, 62 » Khối dài đen từ từ ngóc cao hơn, ánh đèn pin soi bọt nước trên ống ngắm chói sáng. «Thôi quá rồi. Trái nửa vòng mau !».

Vũ quì lên cố gắng quan sát. Các đốm lửa không còn lóe sáng bên kia lộ. Khẩu trung liên bên cạnh tiếp tục tạo những vết đỏ dài lao vào một mái nhà. Chàng đưa chân đạp mạnh vào mông xạ thủ : «Ngóc cái đầu lên nào ! Định bắn chim đấy hả ? » Người lính chồm lên, «Bắn sát mặt lộ cho tôi một băng nữa.» Có một bàn tay đập vào chân, chàng quay lại :

— Cái gì ?

— Tư tưởng Đồng đa hỏi có cần yểm trợ 81 không ?

Chàng cầm ống liên hợp, cố giữ cho hơi thở điều hòa :

— Thăm quyền Vinh ba tôi nghe... Thôi không cần. Tụi chúng rút rồi...

Vinh Vinh ! Đây Vinh ba nghe không trả lời.... Thôi bắn 60, thôi bắn 60 !

(Còn tiếp)

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Lời chưa dứt

Lời chưa dứt nhưng đã dài lắm, dài vô cùng. Tác phẩm của Tibor Déry có thể được kể làm một trong những tác phẩm vĩ đại của thế kỷ này.

Bản dịch ra Pháp văn nhan đề là *La phrase inachevée*, phải do tới năm dịch giả chung sức nhau dịch mới xong.

Đó là cuốn tiểu thuyết nói về cuộc xung đột giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản ở Hung-gia-ly vào khoảng năm 1930. Phía vô sản có giòng họ Rozsa, phía tư sản có giòng họ Parcen-Nagy. Giữa hai phe đối thủ một thanh niên làm trung gian, là Lorinc Parcen-Nagy. Chỉ riêng về một quãng thời gian học việc của Lorinc cũng mất sơ sơ độ bảy trăm trang sách chữ nhỏ. Chuyện gì chuyện ấy trình bày thật tỉ mỉ, kỹ càng.

Robert Sabatier cho rằng công trình đồ sộ của Tibor Déry đang làm vè vang cho nhân loại. Khen nhau đến thế thì thật hết lời.

Lại Papa Hemingway

Chúng tôi đã có dịp nói đến vụ kiện giữa ông bạn và bà vợ của văn hào Hemingway.

Nguyên A.E. Hotchner, một ông bạn già của Hemingway, viết một cuốn hồi ký về văn hào quá cố. Mary Hemingway phát đơn kiện rằng ông bạn không có quyền khai thác cuộc đời của nhà văn, quyền ấy là quyền của bà.

Rốt cuộc tòa án đã xử ông bạn Hotchner được viết sách về Hemingway tha hồ.

Trong sách ấy có một điểm rắc rối xung quanh cái chết của văn hào. Bà vợ thì trước kia không chịu nhận rằng đó là một vụ tự tử, còn ông bạn thì chứng minh rằng đó là tự tử. Sau cùng, bà vợ đành nhượng bộ ông bạn, công nhận đó là tự tử.

Nhưng tới đó chưa xong. Thắng một keo, ông bạn lại càng làm già. Khi cuốn *Papa Hemingway* viết xong người ta mới rõ rằng Hemingway không những chỉ tự tử một lần mà còn tự tử rất nhiều lần. Có lần nhà văn muốn nhảy ra khỏi một chiếc phi cơ đang bay, có lần nhà văn toan nhào vô cánh quạt phi cơ đang quay, có lần nhà văn viết di chúc xong lăm lăm khẩu súng lục trong tay v.v...

Ôn cố tri tân

Mặc-tư-khoa năm nay lạnh hơn mọi năm. Thiên hạ đổ dồn vào các rạp xiê

cho ẩm. Cuốn phim được hoan nghênh nhất là *L'ombre des ancêtres* nhắc nhở những phong tục cổ truyền miền Uknine trong đó có cả những tín ngưỡng, tôn giáo.

Mặt khác, về hội họa, giới vẽ cũng dồn nhau lại cho ẩm cúng, nhưng không phải dồn ở các phòng triển lãm công khai, mà là tụ tập ở các xưởng vẽ tư gia của những họa sĩ trẻ. Tụ tập đề thưởng thức tranh lập thể.

Phe già, thuộc phái hiện thực, tức giận sôi lên. Họ đòi kéo nhau tới các xưởng vẽ kia đề bồi bổ tranh lập thể hoặc đề vẽ lập thể lên mông bọn trẻ cho chúng tha hồ thưởng thức với nhau. Nhưng họ đến đây thì lại gặp bọn trẻ đông hơn và coi bộ hăng hơn. Khó bề vẽ lên mông bọn đó được.

Cả hai thái độ ngưỡng mộ cổ tục trong xinê và tìm tới cái mới trong hội họa đều không làm vừa lòng giới lãnh đạo.

Lớp trẻ dưới mắt một văn hào già

Cuốn *La Faim des lionceaux* của Henri Troyat, liên tiếp trong mấy tháng liền, được xếp hạng vào số mười cuốn sách bán chạy nhất ở Pháp. Có tháng nó trèo lên tới hàng nhì.

Đó lại là cuốn thứ hai trong bộ tiểu thuyết trường giang *Les Eygletière*, mà cuốn đầu tiên ra đời năm trước cũng được hoan nghênh như vậy.

Trong giai đoạn mà phái trẻ đua nhau tung ra những cái mới, cổ động cho những cái mới, sự thành công của một ông già với những tác phẩm viết theo quan niệm cổ truyền như thế tỏ rằng H. Troyat quả thật là một tay cừ khôi, có bản lĩnh cao siêu.

Les Eygletière là bộ truyện về một gia đình : gia đình Eygletière. Trong gia đình ấy có nhiều thế hệ, thế hệ cha mẹ, thế hệ con cái ; mỗi thế hệ ấy có một quan niệm khác nhau về cuộc đời, và xung đột nhau. Như vậy, đây là vấn đề chạm trán giữa các thế hệ trong phạm vi gia đình.

Thấy H. Troyat chú ý về vấn đề ấy, Pierre Jeancard tìm đến phỏng vấn. H. Troyat nhận rằng lớp trẻ ngày nay quả thực là quan trọng. Trước đây đôi ba mươi năm họ không hề quan trọng như bây giờ. Bây giờ số lượng hàng ngũ thiếu niên đông lên rất nhiều rất nhanh vì nhân loại đẻ mau quá. Hạng trẻ đông lên thì những đám con buôn, bán hàng, sản xuất phim ảnh v.v... xúm nhau lại đề chăm sóc đến hạng trẻ, tìm hiểu sở thích của họ, thỏa mãn họ, đề làm giàu. Do đó, hạng trẻ được quan trọng hóa. Họ trở thành quan trọng trước khi được chuẩn bị đề nhận lãnh trách nhiệm.

Mặt khác lớp già bây giờ cũng không chịu già đúng lúc cho. Nhờ son phấn, nhờ các phương pháp tập luyện, sửa xong nhan sắc. đàn bà ngày nay trẻ

thêm rất lâu. Đàn bà trẻ thì đàn ông cũng trẻ theo.

Nguyên cái hạng trẻ đích thực, hạng trẻ chính hiệu đã đông đảo rồi, lại còn thêm vào cái hạng trẻ giả, trẻ trên bốn mươi tuổi, gia nhập vào hàng ngũ thanh niên thụ hưởng cuộc đời. Cơ cấu xã hội, nền móng đạo đức cũ đều lay động vì

đó. Phải mau mau nghiên cứu hiện tượng ấy để chỉnh đốn lại gia đình, xã hội v.v... theo quan niệm mới.

Les Eygletière phơi bày tình hình đổ vỡ của gia đình cũ vì sự xuất hiện của thế hệ mới.

6-1966

TRẦN-THIÊN

phát - triển sinh - hoạt thanh-niên học-đường

Thanh Niên Học đường là thành phần quan yếu của quốc gia trong tương lai.

Xã hội tương lai cần những bàn tay xây dựng và thành phần này, dù muốn dù không, sẽ phải nhận trách nhiệm. Thanh niên Học đường do đó cần được chuẩn bị chu đáo, trang bị đầy đủ trước khi bước vào con đường phục vụ; hầu

đáp ứng những nhu cầu mà xã hội tương lai đòi hỏi.

Các sinh hoạt thanh niên hiện tại còn rời rạc, thu gọn trong một vài tổ chức qui tụ một thiểu số. Ngoài ra, một số lớn chỉ biết đến trường thi cử. Công việc học hành đã đẩy họ xa dần với xã hội bên ngoài. Thiếu ý thức trách nhiệm

CALCIUM CORBIÈRE

THUỐC CHÍCH — THUỐC UỐNG
CƠ SINH TỔ CD-PP

Chuyên trị:

- YẾU XƯƠNG - GẦY XƯƠNG.
- CƠ THỂ SUY NHUỘC.
- TRẺ EM MAU LỚN.
- DƯỠNG THAI - CHO CON BÚ.

CÓ BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

cộng đồng, không hiểu rõ vị trí của mình trong cuộc sống hiện tại, người thanh niên đương nhiên biến thành những con người cô độc, thủ phận. Tình trạng đó sẽ có ảnh hưởng rất nhiều đến xã hội mai sau.

Phong trào làm trại công tác đã phát động từ lâu. Các trại công tác cũng đã được thực hiện và đang tiếp tục thực hiện đưa thanh niên vào con đường xây dựng thôn ấp. Mục đích của các phong trào làm trại công tác không chỉ đơn thuần thúc đẩy Thanh Niên, Sinh Viên, Học Sinh xây dựng những căn nhà ọp ẹp, những ngôi trường mỏng manh. Mục đích vật chất ở đây chỉ có tính cách phụ thuộc. Cái lý do chính khiến người ta khuyến khích thanh niên vào các công tác xã hội là tạo cho tuổi trẻ hôm nay quen với các hoạt động xã hội trong tinh thần trách nhiệm.

Một chương trình qui mô nhằm phát triển sinh hoạt thanh niên học đường vừa khởi sự do một số thanh niên có nhiều thành tích hoạt động xã hội đảm nhiệm mang tên là *Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường* (viết tắt là CPS), gồm một ban Quản-Trị Trung Ương đặt tại Saigon và các Ban Điều Hành Tỉnh phối hợp thúc đẩy, đưa các thanh niên học sinh trên toàn quốc vào các công tác xã hội và giáo dục. Những sinh hoạt do Chương Trình này thực hiện tại Saigon cũng như các tỉnh sẽ là môi trường thuận tiện cho

công việc huấn luyện các thanh niên học sinh về khả năng chuyên môn cũng như tinh thần phục vụ dành cho xã hội tương lai. Chương trình phát động từ tháng 6 và sẽ chấm dứt vào cuối tháng 9 năm 1966, giới hạn trong mùa hè. Các trại sinh được huấn luyện ngay trong công tác, ở ngoài trời, dưới nắng hay trong mưa, tại khu lao động lũy lội hay miền quê hẻo lánh.

Các loại trại mà chương trình tổ chức là :

— *Trại Công tác* : Xây cất, tu bổ trường học, đường xá, chợ búa, cầu cống..

— *Trại Xã Hội* : Lập đoàn công tác y tế, vệ sinh, cứu trợ đồng bào bị nạn..

— *Trại Sinh Hoạt* : Tạo hoàn cảnh cho trại sinh gặp bạn cũ, kết thêm bạn mới trên đường hoạt động.

— *Trại Hội Thảo* : Thảo luận về những vấn đề liên quan đến các hoạt động thanh niên.

Thêm vào đây là các sinh hoạt văn nghệ, báo chí, thể thao, nghiên cứu v.v..

Dù ở trại công tác hay trại sinh hoạt, dù ở trại xã hội hay trại hội thảo, công tác huấn luyện trại sinh luôn luôn được chú trọng đặc biệt. Người trại sinh có thể trở thành trại trưởng nay mai và một ngày kia trở thành những cấp lãnh đạo trong các hoạt động xã hội ; xây dựng xứ sở. Đó là mục đích chính của Chương Trình Phát Triển Sinh Hoạt Thanh Niên Học Đường.

PHƯƠNG-UYÊN

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

trong những số tới



Cuộc phiêu lưu của hình thẻ trong hội-họa

THÁI-TUẤN

Về một thái-độ văn-học

LỮ-PHƯƠNG

Phật giáo phục-hưng tại Ấn-Độ,

tại Tích Lan

NGUYỄN

Bên lề cách-mạng

(những ngày chưa quên)

ĐOÀN-THÊM

Chợ giờ

VŨ-ĐOÀI

Ngày nay khoa học, ngày mai nên người

VŨ-BẢO

Nước mắt (truyện ngắn)

VŨ-ĐÌNH-LƯU

Đôi giày đinh (truyện ngắn)

TRẦN-ĐẠI

Đêm tối và Minh (truyện ngắn)

VÕ-HỒNG

Đuốc sậy (truyện ngắn)

Y-UYÊN

CÁO LỖI

Vì lý do ấn loát nên tạp chí B.K.T.Đ số này phải ra trễ và chúng tôi phải gác lại bài sinh hoạt của Ngê Bá Lí. Xin trân trọng cáo lỗi cùng tác giả và bạn đọc.

B.K.T.Đ

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO

DỘC ĐƯỜNG

tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

ĐỐT BIÊN GIỚI

truyện dài của Doãn Quốc Sỹ

K.D số 1797 / BTCL / ngày 15-7-66

Sáng Lập : HUỲNH-VĂN-LANG. Chủ Nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU